

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20, ngày 22/06/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 562/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025 (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 722/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026, với các chỉ tiêu, nội dung chính như sau:

1. Thực hiện năm 2025:

1.1. Tổng doanh thu: 1.120,7 tỷ đồng;

1.2. Lợi nhuận: 44,28 tỷ đồng;

1.3. Nộp ngân sách: 50,5 tỷ đồng;

1.4. Thu nhập BQ: 13,259 triệu đồng/người/tháng.

2. Kế hoạch năm 2026:

2.1. Tổng doanh thu: 1.233 tỷ đồng;

2.2. Lợi nhuận: 39,3 tỷ đồng;

2.3. Nộp ngân sách: 51,03 tỷ đồng;

2.4. Thu nhập BQ: 12.500.000 đồng/người/tháng;

2.6. Các định hướng, nhiệm vụ trọng tâm khác quyết nghị thực hiện theo Báo cáo số 722/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của Hội đồng quản trị (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Báo cáo số 563/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 05/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 06/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát (nội dung chi tiết có tài liệu đính kèm).

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 561/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| 1. Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối: | 27.258.260.176 đồng |
| 2. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận: | |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 4.862.785.737 đồng |
| - Quỹ đầu tư phát triển: | 5.000.000.000 đồng |
| - Quỹ khen thưởng BQL điều hành CT: | 145.474.439 đồng |
| - Cổ tức 10%: | 17.250.000.000 đồng |

Điều 7. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2026. Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 560/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu kèm theo)

Điều 8. Quyết nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Điều 9. Thông qua định hướng Chiến lược triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 của Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Báo cáo số 720/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 10. Quyết nghị ban hành Điều lệ Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như dự thảo Điều lệ theo Tờ trình số 558/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 11. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như dự thảo Quy chế theo Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm)

Điều 12. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như dự thảo Quy chế theo Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT (có tài liệu đính kèm).

Điều 13. Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029, cụ thể: ông Lê Thiết Hùng – Phó Tổng Giám đốc Công ty trúng cử Thành viên HĐQT Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20 thông qua toàn văn tại cuộc họp ngày 22/06/2026.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết này, trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, lợi ích của các cổ đông, phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBCK NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Cơ quan đại diện vốn NN (để b/c)
- HĐQT; BKS, Ban TGD (để t/h);
- Người phụ trách CBTT (để CBTT);
- Website GATEXCO 20 (thay cho thông báo);
- Lưu: VT, HĐQT. H27.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Văn Độ



Số: 01/2026/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2026

BIÊN BẢN

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Tên tổ chức: Công ty cổ phần X20 - MCK: X20

Trụ sở chính: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100109339

Hồi 08h00 ngày 22/06/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần X20, số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần X20 (dưới đây viết tắt là Đại hội) tổ chức cuộc họp thường niên năm 2026; diễn biến Đại hội như sau:

1. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ban tổ chức tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự đại hội.

2. Ông **Đàm Hải Long** - thay mặt Ban Tổ chức tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội;

- Giới thiệu các cổ đông, các khách mời tham dự Đại hội.

Ngoài các cổ đông của Công ty cổ phần X20 dự họp, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có sự hiện diện các quý vị đại biểu, khách mời:

- Đại tá Vũ Văn Nhất, Phó Tham mưu trưởng TCHC-KT/BQP

- Đại biểu đại diện Cục Tài chính/BQP; đại biểu Cục Chính trị, cơ quan thuộc Bộ Tham mưu và Phòng Tài chính/TCHC-KT.

3. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Đại hội đã nghe ông **Nguyễn Đức Tuấn**, Trưởng ban kiểm soát báo cáo kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (có tài liệu đính kèm biên bản này)

Số đại biểu tham dự: 100 cổ đông và người được ủy quyền; đại diện cho 13.666.692 cổ phần, chiếm 79,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội cụ thể:

4.1. Đoàn Chủ tịch: Có 02 người

- Ông Chu Văn Đệ - Chủ tịch HĐQT

- Ông Hoàng Sỹ Tâm - Phó Chủ tịch HĐQT

4.2. Thư ký: Ông Lê Thanh Hà - Thư ký Công ty

5. Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc

Đại hội đã nghe ông **Đàm Hải Long** thay mặt Ban Tổ chức trình bày Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Chương trình, Quy chế làm việc bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

6. Ông **Chu Văn Đệ** - Chủ tịch HĐQT, thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố khai mạc. Kết thúc thủ tục khai mạc, ĐHĐCĐ bắt đầu làm việc theo Chương trình và Nội dung đã được Đại hội thông qua.

II. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông **Chu Văn Đệ**, Chủ tịch HĐQT trình bày các tài liệu:

- Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT;
- Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế;
- Báo cáo Định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030;

2. Ông **Hoàng Sỹ Tâm**, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trình bày các tài liệu:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 phương hướng SXKD năm 2026;
- Tờ trình tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025, kế hoạch năm 2026;
- Tờ trình về bầu bổ sung thành viên HĐQT;

3. Ông **Nguyễn Đức Tuấn**, Trưởng ban Kiểm soát trình bày các tài liệu:

- Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2025
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS

4. Về các tài liệu khác theo Chương trình:

Các tài liệu này đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo thông báo mời họp và tài liệu gửi trực tiếp cho cổ đông dự Đại hội, không trình bày trực tiếp tại Đại hội.

III. THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Kết thúc phần trình bày các Báo cáo, Tờ trình, Ông **Chu Văn Đệ** - Chủ tịch Hội đồng quản trị, thay mặt Đoàn chủ tịch điều hành chương trình thảo luận của các cổ đông

Ý kiến:

Phát biểu trực tiếp tại Đại hội có 02 cổ đông (ông Lê Đức Hoa, ông Đào Duy Hùng). Các ý kiến phát biểu đều nhất trí toàn bộ nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã trình tại Đại hội; ĐHĐCĐ không có ý kiến chất vấn hoặc yêu cầu thay đổi bất kỳ nội dung nào trong các Báo cáo, Tờ trình đã trình ĐHĐCĐ lần này.

ĐHĐCĐ đã nghe Đại biểu đại diện Chủ sở hữu Nhà nước - Cổ đông lớn của Công ty phát biểu: Đánh giá cao công tác chuẩn bị, tổ chức ĐHĐCĐ; các tài liệu trình ĐHĐCĐ rất nghiêm túc, chất lượng, khoa học; đánh giá cao năm 2025 trong điều kiện tình hình thị trường dật may có rất nhiều khó khăn, Công ty cổ phần X20 đã có nhiều cố gắng, sự nỗ lực, đoàn kết, HĐQT, Ban Điều hành đã khắc phục khó

khẩn, phát huy tốt truyền thống và lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; trong đó nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ đạt mức ấn tượng; luôn xác định tốt nhiệm vụ bảo đảm phục vụ Quân đội, nhất là nhiệm vụ sản xuất, bảo đảm kế hoạch A80, A50 và nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác. Đồng thời nhấn mạnh, phân tích làm rõ thêm đặc điểm tình hình thị trường ngành dệt may trong nước, trên thế giới đang tiềm ẩn nhiều bất ổn do chiến tranh và chính sách thuế quan của các nước lớn; nhấn mạnh một số giải pháp để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm; khẩn trương triển khai thực hiện Chiến lược giai đoạn 2026-2030; giữ vững định hướng phát triển ngành dệt-may, gắn sản xuất quốc phòng với phát triển kinh tế; chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, mở rộng ngành nghề mới, bảo ổn định lực lượng lao động, thu hút nhân sự kỹ thuật và quản lý chất lượng cao; củng cố hệ thống tài chính - kiểm soát vốn - quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật, Điều lệ và quy chế đã ban hành.

HDQT xin tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị cổ đông, đặc biệt ý kiến phát biểu của đại diện cơ quan chủ sở hữu Nhà nước, những Người đại diện vốn nhà nước và HDQT, Ban Điều hành lĩnh hội đầy đủ và sẽ nghiên cứu triển khai nghiêm túc, đầy đủ ngay sau Đại hội này.

3. Ông **Chu Văn Đệ**, với tư cách là Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20 tiếp thu, lĩnh hội ý kiến phát biểu, chỉ đạo, định hướng của Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch kết luận phần thảo luận: Tiếp thu các ý kiến của các cổ đông, HDQT sẽ xem xét để chỉ đạo triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty từng thời điểm.

Đại hội đã nhất trí với nội dung kết luận, không có cổ đông nào chất vấn hoặc phát biểu thêm.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông **Hoàng Sỹ Tâm** thanh mặt Đoàn chủ tịch thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên HDQT; đề cử các thành viên Ban kiểm phiếu phục vụ cho Đại hội, gồm:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Hồ Tuấn Anh | - Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Quốc Anh | - Thành viên |
| - Bà Trần Thị Thúy Hằng | - Thành viên |
| - Bà Phan Thị Thủy | - Thành viên |
| - Bà Trần Thị Thu Hiền | - Thư ký |

Đại hội đã nhất trí bầu các ông/bà có tên trên vào Ban Kiểm phiếu.

2. Ông **Hồ Tuấn Anh**, Trưởng ban kiểm phiếu điều hành phần bỏ phiếu.

3. Đại hội nghị giải lao. Ban kiểm phiếu tiến hành thủ tục kiểm phiếu.

4. Ông **Hồ Tuấn Anh**, Trưởng ban kiểm phiếu, thay mặt Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu, cụ thể:

A. Kết quả biểu quyết thông qua từng nội dung trình ĐHĐCĐ:

- Tổng số phiếu phát ra: 100; đại diện cho 13.666.692 cổ phần; chiếm 79,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Số phiếu thu về: 100; đại diện cho 13.666.692 cổ phần; chiếm 79,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Tổng số phiếu hợp lệ: 100; đại diện cho 13.666.692 cổ phần; chiếm 79,24% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

- Tổng số phiếu không hợp lệ, phiếu trống: 0

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo số 562/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2025.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.653.292/13.666.692 cổ phần, chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

2. Thông qua Báo cáo số 722/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Báo cáo số 563/BC-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

4. Thông qua Báo cáo số 05/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

5. Thông qua Báo cáo số 06/CTCP-BKS ngày 17/04/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần, chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

6. Thông qua Tờ trình số 561/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

7. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025; kế hoạch năm 2026 của Người quản lý và Người lao động. Nội dung chi tiết theo Tờ trình số 560/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.654.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,91% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

8. Quyết nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

9. Thông qua định hướng Chiến lược triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 của Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Báo cáo số 720/BC-CTCP ngày 20/05/2026 của HĐQT.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.648.092/13.666.692 cổ phần chiếm 99,86% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

10. . Quyết nghị ban hành Điều lệ Công ty cổ phần X20 (sửa đổi, bổ sung); nội dung chi tiết như Tờ trình số 558/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của Hội đồng quản trị.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

11. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026 của HĐQT.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

12. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần X20; nội dung chi tiết như Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/04/2026.

Kết quả kiểm phiếu:

- Số cổ phần tán thành: 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

B. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT

- Tổng số phiếu phát ra: 100 phiếu, đại diện cho 13.666.692 cổ phần; chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu thu về: 100 phiếu, đại diện cho 13.666.692 cổ phần; chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu hợp lệ: 94 phiếu, đại diện cho 13.653.792 cổ phần; chiếm 99,9% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số phiếu không hợp lệ, phiếu trống: 06 phiếu, đại diện cho 12.900 cổ phần; chiếm 0,1 % tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

Kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành HĐQT:

Ông Lê Thiết Hùng

- Số quyền biểu quyết tán thành: 13.653.792/13.666.692, chiếm 99,9 % tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;

V. THỦ TỤC BẾ MẠC

1. Ông **Lê Thanh Hà** - Thư ký Đại hội, trình bày Nghị quyết Đại hội và Biên bản Đại hội.

2. Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội và Biên bản Đại hội bằng hình thức biểu quyết trực tiếp, kết quả: 100% cổ đông, đại diện cổ đông có mặt dự Đại hội tán thành và thông qua.

3. Ông **Chu Văn Đệ** - Chủ tịch HĐQT tuyên bố bế mạc Đại hội./.

ĐOÀN CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Sỹ Tâm



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Văn Đệ

THƯ KÝ



Lê Thanh Hà

***) Tài liệu đính kèm:**

- Chương trình Đại hội đã được thông qua;
- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu; Danh sách cổ đông dự Đại hội;
- Biên bản kiểm phiếu đã được công bố tại Đại hội;



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần X20 năm 2026 đã được thông qua tại Đại hội;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20 tổ chức ngày 22/6/2026 đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội. Kết quả bỏ phiếu như sau:

I. ĐẠI HỘI ĐÃ BẦU BAN KIỂM PHIẾU GỒM 5 THÀNH VIÊN

- Ông Hồ Tuấn Anh, cổ đông Phòng Chính - trị Hành chính.
- Nguyễn Quốc Anh, cổ đông Xí nghiệp Đo may Quân đội.
- Bà Trần Thị Thu Hiền, cổ đông Phòng Tài Chính Kế Toán.
- Bà Trần Thị Thuý Hằng, cổ đông Phòng Tài Chính Kế Toán.
- Bà Phan Thị Thủy, cổ đông Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.

II. BAN KIỂM PHIẾU ĐÃ BẦU TRƯỞNG BAN, THƯ KÝ

- Ông Hồ Tuấn Anh -Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Quốc Anh -Thư ký

III. KIỂM TRA PHIẾU BIỂU QUYẾT CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

- Số phiếu phát ra: 100 phiếu; đại diện cho 13.666.692 cổ phần chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Số phiếu thu về: 100 phiếu; đại diện cho 13.666.692 cổ phần chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Số phiếu hợp lệ: 100 phiếu; đại diện cho 13.666.692 cổ phần
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.

IV. KẾT QUẢ BỎ PHIẾU BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG

- Báo cáo số 562/BC-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025.

Kết quả biểu quyết:



- Số phiếu tán thành: 97 phiếu; đại diện cho 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 3.

2. Báo cáo số 722/BC-CTCP ngày 20/5/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

3. Báo cáo số 563/BC-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

4. Báo cáo số 05/CTCP-BKS ngày 17/4/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

5. Báo cáo số 06/CTCP-BKS ngày 17/4/2026 của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần X20 về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

6. Tờ trình số 561/TTr-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

7. Tờ trình số 560/TTr-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025; kế hoạch năm 2026 của Người quản lý và Người lao động.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 98 phiếu; đại diện cho 13.654.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,91% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 2.

8. Tờ trình số 559/TTr-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 99 phiếu; đại diện cho 13.665.692/13.666.692 cổ phần chiếm 99,99% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 1.

9. Báo cáo số 720/BC-CTCP ngày 20/5/2026 của Công ty cổ phần X20 về chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 96 phiếu; đại diện cho 13.648.092/13.666.692 cổ phần chiếm 99,86% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 4.

10. Tờ trình số 558/TTr-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ Công ty cổ phần X20.

Kết quả biểu quyết:

- Số phiếu tán thành: 97 phiếu; đại diện cho 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 3.

11. Tờ trình số 554/TTr-HĐQT ngày 22/4/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, ban hành các quy chế của Công ty cổ phần X20.

Kết quả biểu quyết:



- Số phiếu tán thành: 97 phiếu; đại diện cho 13.653.292/13.666.692 cổ phần chiếm 99,90% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 0.

- Số phiếu không có ý kiến: 3.

Biên bản được lập thành 02 bản; được thông qua các thành viên Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 6 năm 2026./.

CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

THƯ KÝ



Nguyễn Quốc Anh

TRƯỞNG BAN



Hồ Tuấn Anh

THÀNH VIÊN



Trần Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN



Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN



Phan Thị Thủy

**GATEXCO 20**

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
 Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 024.3864.3351; Fax: 0243.3864.1208

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

TT	MÃ CD	HỌ VÀ TÊN	SỐ HỮU	ĐẠI DIỆN	TỔNG	Tỷ lệ	KÝ NHẬN
1	0002794	Chu Văn Độ	5.700	5.567.040	5.572.740	32,31	
2	0000034	Hoàng Sỹ Tám	2.300	3.092.800	3.095.100	17,94	
3	0000068	Phạm Văn Đông	6.300	42.400	48.700	0,28	
4		Lê Văn Nghĩa		1.855.675	1.855.675	10,76	
5		Lê Thiết Hùng		1.855.675	1.855.675	10,76	
6	0000057	Nguyễn Đức Tuấn	900		900	0,01	
7	0000038	Nguyễn Văn Vinh	1.000		1.000	0,01	
8		Phan Thị Thủy		300	300	0,00	
9	0001146	Ngô Thị Hoa	1.300		1.300	0,01	
10		Trần Thị Thủy Hằng		500	500	0,00	
11	0003788	Chu Thị Ngọc Anh	1.000		1.000	0,01	
12		Trần Thị Thu Hiền	5.000		5.000	0,03	
13	0003681	Nguyễn Thị Luyến	7.200		7.200	0,04	
14	0000069	Vũ Thủy Hạnh	4.100		4.100	0,02	
15	0002151	Lê Thanh Hà	2.600		2.600	0,02	
16	0003532	Nguyễn Thị Quỳnh Thương	1.200		1.200	0,01	
17	0000048	Hà Minh Vi	1.000		1.000	0,01	
18		Hồ Tuấn Anh		2.000	2.000	0,01	
19	0000121	Vũ Thị Thịnh	8.300		8.300	0,05	
20	0000468	Đàm Hải Long	700	3.600	4.300	0,02	
21	0001181	Lê Thị Minh Thu	1.100		1.100	0,01	
22	0001172	Lê Minh Dược	1.900		1.900	0,01	
23	0001305	Trần Chí Kiển	800	2.100	2.900	0,02	
24	0000927	Ngô Thị Thu Hòa	700	17.600	18.300	0,11	
25	0000904	Đào Duy Hùng	5.700	57.700	63.400	0,37	
26	0003679	Nguyễn Quốc Anh	700	58.400	59.100	0,34	
27	0000013	Phạm Thanh Thủy	2.800	19.900	22.700	0,13	
28	0000051	Lê Thanh Lương	1.300	31.800	33.100	0,19	
29	0002533	Dương Thị Phượng	1.000	23.600	24.600	0,14	
30		Mã Nguyễn Anh Thu		30.900	30.900	0,18	
31	0003057	Lê Đình Hải	600	29.200	29.800	0,17	
32	0003061	Hoàng Đình Chung	1.400	35.000	36.400	0,21	
33	0000900	Nguyễn Xuân Cường	200	25.800	26.000	0,15	
34		Vũ Xuân Nhân		29.400	29.400	0,17	
35		Nguyễn Hữu Dân		70.400	70.400	0,41	
36		Đoàn Hải Nam		34.400	34.400	0,20	
37	0002623	Ngô Bá Kha	9.900	22.400	32.300	0,19	



TT	MÃ CB	HỌ VÀ TÊN	SỐ HỮU	ĐẠI DIỆN	TỔNG	Tỷ lệ	KÝ NHẬN
38	0002217	Lê Đức Hòa	1.300	23.500	24.800	0,14	
39		Công ty cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	20.000		20.000	0,12	
40		Công ty cổ phần Đầu tư Cải Mép	500.000		500.000	2,90	
41		Nguyễn Thanh Huyền	5.200		5.200	0,03	
42	0003677	Đỗ Hoàng Sơn	3.100		3.100	0,02	
43	0003692	Đỗ Xuân Thủy	10.000		10.000	0,06	
44	0000087	Lê Thị Kim Hoa	2.100		2.100	0,01	
45	0003550	Nguyễn Thị Thêm	1.900		1.900	0,01	
46	0001422	Mai Thị Nhung	900		900	0,01	
47	0001478	Phạm Thị Vinh	1.900		1.900	0,01	
48	0003788	Châu Thị Ngọc Anh	900		900	0,01	
49		Nguyễn Thị Hiền	2.000		2.000	0,01	
50	0001437	Nguyễn Thị Liễu	2.800		2.800	0,02	
51	0001973	Hồ Thị Lan	1.700		1.700	0,02	
52	0001322	Tấn Thiệu Kha	1.900		1.900	0,01	
53		Phạm Thị Hương	1.500		1.500	0,01	
54		Hoàng Thị Tuyết	1.700		1.700	0,01	
55		Lê Thị Thúy Nga	1.600		1.600	0,01	
56	0001324	Hồ Thị Bình	2.800		2.800	0,02	
57		Nguyễn Thị Nga	2.200		2.200	0,01	
58	0001935	Mai Thị Loan	1.400		1.400	0,01	
59		Nguyễn Thị Dung	2.900		2.900	0,02	
60		Nguyễn Thị Thảo	2.100		2.100	0,01	
61	0001912	Mai Thị Liễu	2.700		2.700	0,02	
62	0001632	Trần Thị Kim Nghĩa	1.100		1.100	0,01	
63		Nguyễn T. Thu Thủy	1.400		1.400	0,01	
64		Vũ Thị Chuyền	2.300		2.300	0,01	
65		Đỗ Minh Thuận	2.900		2.900	0,02	
66	0001651	Nguyễn Văn Viên	2.800		2.800	0,02	
67		Nguyễn Thị Mai	2.700		2.700	0,02	
68		Nguyễn Thị Hiệp	1.800		1.800	0,01	
69		Phạm Thị Thu Bắc	2.700		2.700	0,02	
70		Nguyễn Thị Bình	2.500		2.500	0,01	
71		Đỗ Thị Thúy Vui	2.500		2.500	0,01	
72		Hoàng Thị Thanh	1.800		1.800	0,01	
73		Hoàng Thị Ngọc	1.000		1.000	0,01	
74		Bùi Thị Thanh Thủy	1.500		1.500	0,01	
75		Nguyễn Thị Liên	800		800	0,01	
		Tổng	679.100	12.932	00013.611.190	78,91	

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Hồ Tuấn Anh

**GATEXCO 20****CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3864 3381; Fax: 0243. 3864 1208

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 (T&2)

TT	MÃ CB	HỌ VÀ TÊN	SỐ HỮU	ĐẠI DIỆN	TỔNG	Tỷ lệ	KÝ NHẬN
1	0001556	Đinh Thị Lan	2.800		2.800	0,02	Lan
2	0001652	Đoàn Thị Xim	2.100		2.100	0,01	Xim
3	0001235	Đào Thị Oanh	2.100		2.100	0,01	Oanh
4	0001986	Nguyễn Kim Thanh	1.900		1.900	0,01	Thanh
5	0001989	Nguyễn Thị Thu	1.800		1.800	0,01	Thu
6	0000873	Vũ Kim Thịnh	1.000		1.000	0,01	Thịnh
7	0001396	Đỗ Thị Liên	2.900		2.900	0,02	Liên
8	0001284	Bùi Quang Thuộc	2.900		2.900	0,02	Thuộc
9	0001508	Nguyễn Thị Diễm	1.200		1.200	0,01	Diễm
10	0002092	Nguyễn Thị H. Hạnh	1.900		1.900	0,01	Hạnh
11		Nguyễn Văn Thịnh	2		2	0,01	Thịnh
12	0001591	Đoàn Thị Quyên	1.300		1.300	0,01	Quyên
13	0001536	Phan Thị Nhân	1.000		1.000	0,01	Nhân
14	0001344	Lê Thị Hà	1.900		1.900	0,01	Hà
15	0007730	Bùi Thị Xuân Thắm	1.700		1.700	0,01	Thắm
16		Phạm Thị Hằng	1.200		1.200	0,01	Hằng
17	0001947	Nguyễn Thị Hồng	1.800		1.800	0,01	Hồng
18	0001971	Vũ Thị Hoàng	1.400		1.400	0,01	Hoàng
19		Lê Thị Hồng	2.100		2.100	0,01	Hồng
20		Hoàng Thị Thuý	2.600		2.600	0,02	Thuý
21	0001940	Hoàng Thị Nhân	1.900		1.900	0,01	Nhân
22		Tôn Thị Kim Thư	2.100		2.100	0,01	Thư
23	0001353	Nguyễn Thị Hoà	2.800		2.800	0,02	Hoà
24	0001860	Trần Thị Bạch	1.800		1.800	0,01	Bạch
25		Nguyễn Quỳnh Uyên	11.000		11.000	0,06	Uyên
26		Trần Thuý K. Văn	300		300	0,002	Thuý K. Văn
27							
28							
29							
30							
31							
32							
33							
34							
35							
36							
37							



TT	MÃ CD	HỌ VÀ TÊN	SỞ HỮU	ĐẠI DIỆN	TỔNG	Tỷ lệ	KÝ NHẬN
38							
39							
40							
41							
42							
43							
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							
51							
52							
53							
54							
55							
56							
57							
58							
59							
60							
61							
62							
63							
64							
65							
66							
67							
68							
69							
70							
71							
72							
73							
74							
75							
		Tổng	55.502		55.502	0,322	

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Hồ Tuấn Anh



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20
nhiệm kỳ 2024 - 2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần X20 năm 2026, đã được thông qua tại Đại hội;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20 tổ chức ngày 22/6/2026 đã tiến hành bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024 - 2029. Kết quả như sau:

I. ĐẠI HỘI ĐÃ BẦU BAN KIỂM PHIẾU GỒM 5 THÀNH VIÊN

- Ông Hồ Tuấn Anh, cổ đông Phòng Chính - trị Hành chính.
- Nguyễn Quốc Anh, cổ đông Xí nghiệp Đo may Quân đội.
- Bà Trần Thị Thu Hiền, cổ đông Phòng Tài Chính Kế Toán.
- Bà Trần Thị Thuý Hằng, cổ đông Phòng Tài Chính Kế Toán.
- Bà Phan Thị Thủy, cổ đông Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.

II. BAN KIỂM PHIẾU ĐÃ BẦU TRƯỞNG BAN, THƯ KÝ

- Ông Hồ Tuấn Anh - Trưởng Ban.
- Ông Nguyễn Quốc Anh - Thư ký.

III. KIỂM TRA PHIẾU BẦU CỬ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

- Tổng số phiếu phát ra là 100 phiếu; đại diện cho 13.666.692 cổ phần chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số phiếu thu về: 100 phiếu; đại diện cho 13.666.692 cổ phần chiếm 100% tổng số cổ phần tham dự biểu quyết tại Đại hội.
- Tổng số phiếu hợp lệ: 94 phiếu; đại diện cho 13.653.792 cổ phần.
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 6 phiếu; đại diện cho 12.900 cổ phần.

IV. KẾT QUẢ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Số quyền biểu quyết/tổng số cổ phần tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Thiết Hùng	13.653.792/13.666.692	99,90

Biên bản được lập thành 02 bản; được thông qua Ban Kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 6 năm 2026./.

CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

THƯ KÝ



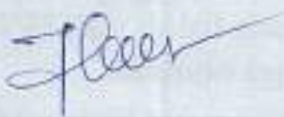
Nguyễn Quốc Anh

TRƯỞNG BAN



Hồ Tuấn Anh

THÀNH VIÊN



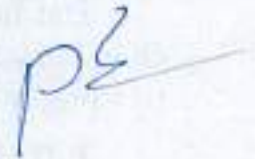
Trần Thị Thúy Hằng

THÀNH VIÊN



Trần Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN



Phan Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BAN KIỂM SOÁT
Số 21/BC20BKS



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Xuân, ngày 22 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO

Thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 – Công ty cổ phần X20

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần X20 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị Quyết số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 11/06/2026 về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần X20;

Căn cứ vào danh sách cổ đông và cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần X20.

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần X20 đã thực hiện thẩm tra theo đúng thủ tục, nội dung quy định. Căn cứ vào kết quả thẩm tra, Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo kết quả như sau:

1. Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần X20 tại thời điểm 20/05/2026 là 2.642 cổ đông, sở hữu 17.250.000 cổ phần.

2. Số đại biểu cổ đông tham dự đại hội:

- Tổng số: 100 đại biểu, đại diện cho 13.666.692 cổ phần.

- Số đại biểu không đủ tư cách: 0, tương đương 0 cổ phần.

- Số đại biểu đủ tư cách 100 đại biểu, tương đương 13.666.692 cổ phần.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết đủ tư cách là: 13.666.692 cổ phần. (tương ứng 100 đại biểu) bằng 79,24% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

3. Tính đến ngày 22/06/2026, ngoài 04 cán bộ đại diện vốn Nhà nước tại Công ty, không có cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (theo Khoản 2 điều 115 luật Doanh nghiệp 2020)

Như vậy:

Đối chiếu với quy định tại khoản 01 điều 145 luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần X20, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần X20 có đủ điều kiện để tiến hành

Biên bản này được lập lúc 8h00 ngày 22/06/2026

**T.M BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đức Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 681 /GM-HĐQT
Địa chỉ 35 Phan Đình Giót,
Phường Phương Liệt, TP Hà Nội
Tel: 0243.8643381;
Fax: 0243.8641208 Giấy chứng nhận
ĐKKD do Sở Tài Chính TP Hà Nội
cấp số: 375520/25 ngày 15/8/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

GIẤY MỜI
Dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần X20 trân trọng kính mời ông (bà) là cổ đông của Công ty về dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

- 1. Thời gian:** Từ 08h00 ngày 22 tháng 06 năm 2026.
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty CP X20, 35 Phan Đình Giót, Phường Liệt, Hà Nội.
- 3. Thành phần:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần X20 theo danh sách chốt tại ngày đăng ký cuối ngày 20/05/2026.
- 4. Nội dung:** Chương trình làm việc, thông tin, các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sẽ được công bố trên Website: www.gatexco20.com.vn của Công ty cổ phần X20.

5. Các trường hợp khác

Trường hợp Quý cổ đông không sắp xếp tham dự Đại hội được có thể ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (*Mẫu Giấy ủy quyền lấy Website Công ty*)

- Mỗi cổ đông được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Cổ đông đại diện được ủy quyền khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo giấy tùy thân có giá trị pháp luật.

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội và gửi lại cùng giấy ủy quyền (nếu ủy quyền) cho Công ty chậm nhất đến ngày 18/06/2026 (Gửi bưu điện hoặc Fax về số 024.38.641.208). Nơi nhận: Phòng Chính trị - Hành chính, Công ty CP X20 - 35 Phan Đình Giót, Phường Liệt - TP Hà Nội. Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ số.

ĐT: 024.38643381 - 0989277582.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần X20 trân trọng kính mời Quý vị Cổ đông./. 



Chu Văn Đệ

***Phần xác nhận của Quý Cổ đông:**

☐ Tham dự ĐH ☐ Không tham dự ĐH ☐ Ủy quyền tham dự ĐH.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Ngày **X 20** /2026)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
07h30-08h00	Đón tiếp đại biểu, đăng ký cổ đông và phát tài liệu	BTC
08h00-08h15	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Thông qua Quy chế làm việc; Chương trình Đại hội; - Bầu Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội.	BTC, BKS
08h15-10h15	- Hứa hẹn, phân công trong Đoàn chủ tịch - Khai mạc	Đoàn chủ tịch
	HDQT, BDH, BKS báo cáo và trình Đại hội nội dung: - Báo cáo thường niên năm 2025 của HDQT; - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng năm 2026; - Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; - Báo cáo thường niên năm 2025 của Ban Kiểm soát; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; - Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025, kế hoạch năm 2026 - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính năm 2026; - Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HDQT Công ty; - Tờ trình về chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 - Tờ trình về bầu bổ sung thành viên HDQT nhiệm kỳ 2024-2029;	Đoàn chủ tịch HDQT, BDH, BKS
	- Đại hội thảo luận, cho ý kiến về các nội dung đã trình; - Đại diện chủ sở hữu Nhà nước phát biểu-đáp từ; - Kết luận phần thảo luận.	Đoàn chủ tịch
	- Biểu quyết (bầu ban kiểm phiếu, xin ý kiến Đại hội để biểu quyết các nội dung vào 1 lần). Ban kiểm phiếu hướng dẫn biểu quyết; thu phiếu biểu quyết.	Đoàn chủ tịch; Ban KP
10h15-10h30	Đại hội giải lao (Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu)	BTC, BKP
10h30-11h00	- Công bố kết quả bỏ phiếu biểu quyết	Đoàn chủ tịch, Ban KP
	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký DH
	- Bế mạc Đại hội	BTC

BAN TỔ CHỨC

BÁO CÁO

Của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần X20.

Năm 2025, Đảng, Nhà nước ta có nhiều chủ trương, chính sách mới, thực sự đột phá để bước vào "kỷ nguyên vươn mình"; trong đó nhiều chính sách đổi mới khai thông nền kinh tế, đây là thời cơ, động lực cho các loại hình doanh nghiệp của Việt Nam vươn mình, bứt phá. Tuy nhiên, áp lực tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu của Đảng, Nhà nước trong khi tình hình thị trường nói chung và Công ty nói riêng có nhiều khó khăn, thách thức, nhất là giai đoạn đầu năm, tương chừng khó có thể hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm. Trước những khó khăn như trên, tập thể người lao động của Công ty cổ phần X20 đã cố gắng nỗ lực cùng với sự quyết tâm, quyết liệt của HĐQT, Ban Quản lý điều hành đã tập trung chỉ đạo giải quyết vướng mắc khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã đề ra, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Kết quả một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

Doanh thu tăng 6,2% so với kế hoạch, trong đó chỉ tiêu doanh thu hàng kinh tế - xuất khẩu đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên như Nhà nước đã đặt ra; lợi nhuận tăng 26,9% so với kế hoạch; thu nhập BQ tăng 17,1% so với kế hoạch.

Công ty đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp bảo đảm đủ việc làm, không bị thiếu việc, chờ việc, không để xảy ra tình trạng giảm lao động vì thiếu việc. Tổng kết năm 2025, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; thu nhập của người lao động được giữ ổn định và tiếp tục được cải thiện.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

a) HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ đúng theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty; xin ý kiến bằng văn bản 15 lượt; ban hành 75 nghị quyết để quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn nhiệm vụ của Công ty (chi tiết các phiên họp, nghị quyết, quyết định đã đăng tải trên website của Công ty trong Báo cáo quản trị thường niên năm 2025), trọng tâm, xin báo cáo vào các vấn đề chính như sau:

Ngay từ đầu năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban Quản lý điều hành triển khai xây dựng Kế hoạch sản xuất, kinh doanh (SXKD) năm 2025 để trình ĐHĐCĐ. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức quán triệt, triển khai kế hoạch đến các cán bộ chủ chốt và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Định kỳ thực hiện giám sát kết quả thực hiện kế hoạch và có chủ trương giải pháp điều chỉnh kịp thời.

Đã ưu tiên toàn bộ năng lực, vật lực để góp phần tham gia bảo đảm, phục vụ nhiều sự kiện chính trị trọng đại của đất nước đối ngoại quốc phòng, như kế hoạch A50, A80, phục vụ điều duyệt binh tại Liên bang Nga v.v.

Đã hoàn tất đầu tư (giai đoạn 1) và đưa dự án đầu tư dây chuyền nhuộm tại X20 Nam Định đi vào hoạt động, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và khả năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, khách hàng.

Tiếp tục triển khai lộ trình tái cơ cấu doanh nghiệp; sắp xếp, bố trí lại các đầu mối sản xuất - kinh doanh tại khu vực Hà Nội; thành lập Phòng Nghiên cứu - Phát triển. Tổ chức nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025; đề xuất Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035 trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành. Năm 2025, đã chú trọng cải cách thủ tục hành chính, phát huy tốt các cuộc hội họp trực tuyến, văn phòng không giấy; từ quý 3/2025, 100% văn bản không mật đều được xử lý trực tiếp trên phần mềm văn phòng số; tiếp tục triển khai ứng dụng 02 phần mềm phục vụ cho công tác quản lý và quản trị sản xuất, tạo tiền đề cơ bản để thực hiện lộ trình chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành của Công ty những năm tiếp theo.

Tăng cường kiểm soát chi phí, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực. Nguồn vốn được kiểm soát tốt và có cải thiện, nhất là vốn lưu động; vốn của chủ sở hữu, của Quý vị Cổ đông được bảo toàn, phát huy tốt.

b) Năm 2025, mọi hoạt động của Hội đồng Quản trị cơ bản tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Công tác quản trị được chú trọng chiều sâu. HĐQT đã thực hiện tốt chức năng trong việc quyết nghị các chủ trương và giám sát hoạt động quản lý, điều hành; đã thực hiện đúng các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong việc ban hành các Nghị quyết làm căn cứ cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.

Về dự kiến chi tiền thưởng và lợi ích vật chất khác đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và người quản lý của năm 2025: HĐQT đã có Tờ trình ĐHĐCĐ; khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp này sẽ thực hiện quyết toán trong năm tài chính 2026.

4. Năm 2025, Công ty không phát sinh giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do GATEXCO 20 nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; không phát sinh giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và cho ý kiến quyết nghị các nội dung được xin ý kiến bằng văn bản. Từng thành viên HĐQT trong cuộc họp đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ; chủ động, nghiên cứu đóng góp cùng HĐQT, Tổng Giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Từng thành viên độc lập HĐQT đã có báo cáo đánh giá kết quả về hoạt động của HĐQT trong năm 2025, nội dung đánh giá cụ thể như báo cáo trong bộ tài liệu đã trình ĐHCĐ (xin phép không nêu lại).

6. HĐQT đã phối hợp tốt với Ban kiểm soát, tạo điều kiện để Ban kiểm soát phát huy được vị trí, vai trò trong việc giám sát, đánh giá các hoạt động, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Công ty. 100% cuộc họp của HĐQT đều thực hiện mời và có đại diện Ban kiểm soát cùng dự họp. Toàn bộ các nghị quyết của HĐQT đều được gửi đến Ban kiểm soát như các thành viên HĐQT.

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc, người điều hành:

Việc giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty. Các đề xuất của Tổng Giám đốc trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận, quyết nghị tại cuộc họp HĐQT hoặc theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Kết thúc năm 2025, HĐQT đã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT ban hành trong năm 2025, kết quả đánh giá cho thấy: Năm 2025, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song HĐQT và Tổng Giám đốc đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt được kết quả tốt trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt công tác; đặc biệt là kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm ổn định việc làm qua đó góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu đã định, điều hành Công ty giữ vững lộ trình phát triển trong điều kiện còn nhiều khó khăn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Năm 2026, tình hình chính trị trên thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp sẽ tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế toàn cầu; dự báo chi phí nguyên, nhiên liệu, logistics tăng, biến động khó lường. Chi phí quản lý của Công ty vẫn còn lớn, giá thành sản phẩm chưa thực sự cạnh tranh trên thị trường; chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều; lao động ngành may tiếp tục xu hướng biến động giảm do hầu hết các nhà máy may của Công ty đều đóng quân trên địa bàn thành phố.

Tình hình đó HĐQT xác định trọng tâm nhiệm vụ năm 2026 như sau:

1. Tập trung quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bảo đảm hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Tổ chức triển khai toàn diện các mặt công tác, các nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm, sự quyết tâm cao nhất. Thực hiện tốt chủ trương "Chủ động ứng phó, thích ứng linh hoạt với khó khăn thách thức, vận dụng hài hòa các biện pháp quản trị tối ưu bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ SX-KD và xây dựng Công ty VMTD".

2. Tập trung mọi nguồn lực, biện pháp để bảo đảm ổn định việc làm, không để xảy ra thiếu việc; nâng cao tính chủ động trong việc tự bảo đảm nguồn hàng của các đơn vị thành viên, nhất là đối với các Công ty TNHH MTV. Toàn Công ty phấn đấu đạt mức tăng trưởng doanh thu kinh tế từ 10% trở lên.

3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị; nghiên cứu, cơ cấu lại mô hình quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới theo Chiến lược phát triển khi được phê duyệt. Rà soát sửa đổi, xây dựng mới và hoàn thiện hệ thống quy chế, thể chế nội bộ; phân định rõ hơn, phát huy tốt hơn chức năng quản lý, quản trị và chức năng điều hành doanh nghiệp nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban Quản lý điều hành và hệ thống tổ chức bộ máy. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp; cơ cấu, sắp xếp, tái cấu trúc lại hệ thống cơ quan Công ty bảo đảm tinh, gọn, hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với Chiến lược phát triển.

4. Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng ngành nghề mới, sản phẩm mới; nâng cao tỷ trọng doanh thu hàng FOB và thương mại, dịch vụ; phát huy hiệu quả đầu tư, bảo toàn, phát triển vốn; quan tâm chuẩn bị đủ nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh. Tăng cường kiểm soát chi phí, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, bảo đảm hoạt động tài chính lành mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh giải quyết có hiệu quả các vướng mắc, tồn đọng; nghiên cứu phương án đẩy mạnh khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất nhàn rỗi.

5. Đẩy mạnh triển khai kế hoạch phát triển KHCN-ĐMST và chuyển đổi số gắn với chuyển đổi xanh phù hợp với khả năng, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ phát triển Công ty; Tiếp tục hoàn thiện các phần mềm phục vụ cho hoạt động sản xuất, quản lý, điều hành.

6. Tập trung triển khai ngay Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030 khi được ĐHĐCĐ thông qua. Trọng tâm năm 2026: Triển khai thực hiện sớm, đồng bộ việc tái cấu trúc khối cơ quan, gián tiếp của Công ty, mô hình quản trị, quản lý, điều hành; đầu tư, cải tạo và đưa vào vận hành tòa nhà Chi nhánh phía Nam; nghiên cứu triển khai mô hình đơn vị vệ tinh để tăng năng lực sản xuất cho Công ty; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, kênh tiêu thụ mới.

7. Chú trọng thực hiện có hiệu quả các biện pháp xây dựng nền nếp chính quy, cơ quan đơn vị vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu" và xây dựng môi trường, văn hóa doanh nghiệp. Phấn đấu không để xảy ra vi phạm đến mức phải

xử lý kỷ luật; 100% CBCNV có tinh thần quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách được; tạo sự chuyển biến thực chất về tác phong, phương pháp, quan điểm làm việc, ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân và sự liên kết, phối hợp trong chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc.

Để đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026 theo kế hoạch trong điều kiện Công ty còn nhiều khó khăn, Hội đồng Quản trị xác định cần có sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực vượt bậc của từng thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành và sự chung sức đồng lòng của toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động để vượt qua các khó khăn, thách thức.

Trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông GATEXCO 20 thường niên hôm nay, thay mặt HĐQT, Ban điều hành Công ty xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các khách hàng, bạn hàng, đối tác, Quý vị Cổ đông và người lao động của Công ty cổ phần X20 đã tin tưởng, ủng hộ và đồng hành trong thời gian qua. Rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để Công ty phấn đấu và quyết tâm hoàn thành thắng lợi kế hoạch 2026.

Đặc biệt, thay mặt HĐQT, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Tham mưu, Cục Quân nhu và các cơ quan chức năng đại diện Chủ sở hữu Nhà nước, đã tạo điều kiện giúp đỡ, động viên hỗ trợ Công ty cổ phần X20 những năm qua.

Xin cảm ơn tới các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành và toàn thể Người lao động đã hết mình vì Công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Chu Văn Độ

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Phần 1

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2025, thị trường dật may tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức khi nhu cầu tiêu dùng giảm, đơn hàng nhỏ lẻ, giá gia công thấp và thời gian giao hàng ngày càng rút ngắn. Chi phí nguyên phụ liệu, logistics và nhân công tăng, trong khi yêu cầu về tiêu chuẩn xanh, phát thải carbon, ESG và truy xuất nguồn gốc được siết chặt, làm gia tăng áp lực tuân thủ và chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, chính sách thương mại của các thị trường lớn và cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia trong khu vực như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia... tiếp tục tác động mạnh đến khả năng mở rộng thị phần và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD.

1. Kết quả các chỉ tiêu tổng hợp năm 2025

- Doanh thu: 1.120,7 tỷ đồng / KH 1.050 tỷ (106,7% KH);
- Lợi nhuận trước thuế: 44,28 tỷ / KH 35 tỷ (126,5% KH);
- Nộp NSNN: 50,5 tỷ / KH 54,5 tỷ (92,6% KH);
- Thu nhập bình quân NLĐ: 13,259/11,300 triệu đồng/người/tháng (117,3% KH).

2. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp

a) Công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp

Thành lập triển khai hoạt động phòng Nghiên cứu phát triển; tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, triển khai sắp xếp lại các cơ quan đơn vị theo hướng tinh gọn như : XNĐMQĐ di chuyển bộ phận sản xuất khu A sang khu B, sắp xếp lại mô hình biên chế ; Xí nghiệp Thương Mại cơ cấu lại thành Bộ phận TMDV; Trường Mầm Non thu gọn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế. Sau sắp xếp các đơn vị đã ổn định hoạt động và sản xuất;

Triển khai phần mềm quản trị TRE; Tổ chức đào tạo văn hóa doanh nghiệp (VHDN) cho cán bộ lãnh đạo; xây dựng đề cương VHDN; rà soát, điều chỉnh hệ thống qui chế Công ty phù hợp với hệ thống Quy chế của Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật; Phục vụ công tác kiểm toán theo chuyên đề Bộ Quốc phòng. Triển

khai thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu bao gồm logo, gian trưng bày, catalogue, bao bì và nhãn mác sản phẩm.

b) Công tác kinh doanh, tìm kiếm đơn hàng, việc làm, kế hoạch và tổ chức sản xuất

Năm 2025 Công ty tiếp tục giữ vững quan hệ với khách hàng truyền thống, phát huy công tác tự tìm kiếm các đơn hàng đảm bảo việc làm đầy đủ cho các đơn vị, không có đơn vị nào phải nghỉ việc do không có việc làm;

Trong năm, Công ty hoàn thành toàn diện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiều nhiệm vụ chính trị trọng điểm, tiêu biểu là đảm bảo tiến độ, chất lượng các đơn hàng A50, A80 phục vụ điều binh, diễu hành các sự kiện lớn của đất nước; tham gia may trang phục phục vụ diễu duyệt binh tại Liên bang Nga; đặc biệt, trước thiên tai, bão lũ nghiêm trọng tại Miền Bắc và Miền Trung, Công ty đã kịp thời huy động tối đa nguồn lực, tổ chức sản xuất hàng ủng hộ đồng bào vùng lũ trong thời gian ngắn, bảo đảm chất lượng và tiến độ, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội và vai trò tiên phong của doanh nghiệp quốc phòng trong chung tay cùng Đảng, Nhà nước và Quân đội khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống nhân dân.

Những kết quả này đã khẳng định năng lực, uy tín, ứng phó kịp thời và tinh thần trách nhiệm của Công ty Cổ phần X20 trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị phục vụ quốc phòng và an sinh xã hội khi được giao nhiệm vụ.

Đối với các đơn hàng kinh tế, xuất khẩu Công ty tiếp đẩy mạnh tiếp thị, giữ vững khách hàng truyền thống, mở rộng đối tác mới và phát triển thị trường nội địa nhằm ổn định nguồn việc làm.

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai nghiêm túc công tác lập, quản lý và điều hành kế hoạch cả ngắn hạn và dài hạn, bám sát định hướng phát triển và nhiệm vụ được giao. Việc xây dựng, phân bổ và tổ chức thực hiện kế hoạch được thực hiện khoa học, linh hoạt, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm.

Đồng thời, Công ty đã tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, làm cơ sở xây dựng Chiến lược giai đoạn 2026–2030. Công tác tìm kiếm, bố trí nguồn hàng được chỉ đạo chặt chẽ; công tác tổ chức sản xuất được điều hành phù hợp với năng lực từng đơn vị, bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, máy móc thiết bị, cải tiến sản xuất

Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra chất lượng vật tư, nguyên phụ liệu; cập nhật kịp thời tiêu chuẩn kỹ thuật hàng quốc phòng, bảo đảm sản phẩm hợp quy, hợp chuẩn; chủ động phân tích công nghệ các đơn hàng mới. Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý ISO 9001:2015, ISO 45001, ISO 14001 và thực hành 5S; triển khai nâng cấp phần mềm quản lý đo may, hệ thống TRE và văn phòng số.

Đẩy mạnh cải tiến công nghệ, áp dụng trên 70 sáng kiến trong năm, tập trung tối ưu quy trình, ứng dụng CNTT vào quản lý sản xuất, góp phần tiết kiệm nhân lực và nâng cao hiệu quả.

d) Công tác tài chính

Chấp hành nghiêm các chế độ, quy chế tài chính theo quy định nhà nước và Bộ Quốc phòng, các quy định, hướng dẫn của TCHC-KT. Công tác hạch toán kế toán tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp; tăng cường các biện pháp quản lý và thực hành tiết kiệm triệt để trên tất cả các lĩnh vực; quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn của nhà nước, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp

Kiểm soát tốt dòng tiền, giám sát chặt chẽ các nội dung chỉ tiêu nhằm đảm bảo các chi phí đúng nội dung, mục đích, tiết kiệm hiệu quả; quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đảm bảo kịp thời cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Tình hình bảo toàn vốn và phát triển vốn doanh nghiệp: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tài sản, tiền vốn được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

e) Công tác quản lý lao động, tiền lương,

Thực hiện quản lý lao động, tiền lương đúng quy định của pháp luật và quy chế Công ty; xây dựng, quyết toán quỹ tiền lương minh bạch, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; triển khai các chính sách hỗ trợ, bổ sung lương trong giai đoạn cao điểm, bảo đảm quyền lợi và động lực cho người lao động.

Công tác bố trí, sử dụng nhân sự cơ bản theo vị trí việc làm, phân công phù hợp năng lực và chuyên môn, tạo điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ. Quân số đến 31/12/2025 là 1.783 lao động; thu nhập bình quân đạt 13,259/11,300 triệu đồng/người/tháng (117,3% KH).

g) Công tác hành chính, hậu cần, đầu tư và quản lý sử dụng đất quốc phòng

Công ty duy trì nghiêm công tác tuần tra, canh gác, chế độ trực, thực hiện đúng quy định về văn thư, bảo mật, quản lý chặt chẽ con dấu và tài liệu. Tổ chức xây dựng kế hoạch, huấn luyện và diễn tập PCCC khu vực Hà Nội, chỉ đạo các đơn vị tuân thủ đầy đủ quy định về an toàn PCCC. Thực hiện hiệu quả công tác y tế lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động; triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, quan trắc môi trường lao động; duy trì phong trào "Đơn vị quân y 5 tốt" và chủ động phòng chống dịch bệnh.

Công tác đầu tư – xây dựng cơ bản được triển khai đồng bộ, thực hiện 11 công trình cải tạo, sửa chữa trọng điểm như: Trường Mầm non, nhà làm việc, hệ thống PCCC khu B, nhà để xe, nhà công vụ, xưởng XN ĐMQĐ, bếp ăn khu B... Các hạng mục hoàn thành đều phát huy hiệu quả tốt.

Công ty quản lý, khai thác quỹ đất và tài sản đúng quy định, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm; tổ chức cho thuê tài sản đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả sử dụng. Công tác môi trường được thực hiện đầy đủ: hợp đồng thu gom rác, quan trắc định kỳ, hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan.

3. Tồn tại hạn chế

Việc áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ số còn chậm; chất lượng hoạt động trên một số mặt công tác có đơn vị chưa cao, chưa đồng đều; Tình trạng giảm lao động tiếp tục diễn ra trong toàn Công ty.

Phần II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2026, ngành dệt may Việt Nam được dự báo tiếp tục đối mặt nhiều thách thức. Chi phí nguyên phụ liệu, logistics và nhân công duy trì ở mức cao; chính sách thuế quan của Mỹ tiếp tục là rào cản cho các thị trường xuất khẩu của Công ty; biên lợi nhuận bị thu hẹp, trong khi yêu cầu về phát triển xanh, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm xã hội ngày càng khắt khe. Thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU, Nhật Bản phục hồi chậm, cạnh tranh khu vực gay gắt.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Định hướng, mục tiêu chủ yếu

a) Định hướng

Năm 2026, Công ty tiếp tục phát triển theo định hướng ổn định – hiệu quả – bền vững, giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời đẩy mạnh sản xuất kinh tế – xuất khẩu và dịch vụ. Tập trung phát triển theo mô hình công nghiệp dệt may lưỡng dụng, làm chủ chuỗi giá trị dệt – nhuộm – in – may, đẩy mạnh chuyển đổi số, sản xuất xanh và nhà máy thông minh.

b) Mục tiêu chủ yếu năm 2026

Duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, trong đó:

Giữ vững và mở rộng sản xuất hàng quốc phòng, đáp ứng tốt nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất;

Đẩy mạnh phát triển hàng kinh tế – xuất khẩu, từng bước nâng tỷ trọng FOB, mở rộng thị trường;

Nâng cao năng lực sản xuất thông qua đầu tư công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất linh hoạt, xây dựng mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh hợp tác sản xuất, tham gia các công đoạn gia công, hoàn thiện sản phẩm và sản xuất phụ trợ, qua đó tăng tính linh hoạt chuỗi cung ứng, giảm chi phí đầu tư và mở rộng nhanh năng lực sản xuất.

Chủ động đề xuất nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới; tập trung đồng phục ngành, nhóm sản phẩm dân dụng – tiêu dùng tiềm năng; củng cố các sản phẩm truyền thống, chính quy, DQTV, phân cấp.

Tăng cường khai thác hiệu quả tài sản, mở rộng hoạt động dịch vụ, góp phần đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả SXKD.

2. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu

- Doanh thu KH: 1.233 tỷ đồng tăng trưởng 10% so với thực hiện năm 2025 là 1.120,7 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 39,3 tỷ đồng;
- Nộp Ngân sách: 51,03 tỷ đồng;
- Thu nhập BQ: 12.500.000 đồng/người/tháng
- Lao động: 1.850 LĐ;

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

a) Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả; xây dựng phương án cơ cấu lại 03 Công ty may (X20 Nghệ An, X20 Thanh Hóa, X20 Thái Nguyên) theo hướng sáp nhập, hợp nhất thành đơn vị chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, bảo đảm hoạt động ổn định, phù hợp định hướng đổi mới doanh nghiệp trong giai đoạn tới. Đồng thời, thực hiện di chuyển Xí nghiệp Dệt kim về X20 Nam Định gắn với rà soát, sắp xếp lại tổ chức, biên chế; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án kiện toàn các cơ quan, đơn vị trong toàn Công ty. Triển khai lộ trình dừng hoạt động Trường Mầm non theo quy định; xây dựng mô hình doanh nghiệp vệ tinh nhằm chủ động nguồn lao động, bổ trợ năng lực sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD.

Tổ chức khai thác hiệu quả Nhà khách phía Nam/Khách sạn Sea Soul; đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng nhà xưởng, văn phòng tại Khu A, số 4 Lê Hồng Phong – Thanh Hóa; tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn thành thủ tục bàn giao điểm đất tại Phú Lý, Hà Nam theo quy định.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản trị – sản xuất – kinh doanh; vận hành hiệu quả hệ thống TRE, phát triển nền tảng thương mại điện tử, từng bước triển khai chuyển đổi xanh và xây dựng văn hóa số trong toàn Công ty.

Tập trung đầu tư MMTB, đẩy chuyển công nghệ hiện đại, bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm (cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; Văn phòng Khu B); khai thác hiệu quả tài sản, hạ tầng hiện có, nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả sử dụng vốn.

Đối với hàng kinh tế – xuất khẩu, nâng cao chất lượng, rút ngắn tiến độ giao hàng, thực hiện đúng cam kết với khách hàng; chủ động phát triển thị trường, gia tăng đơn hàng FOB, từng bước nâng tỷ trọng sản xuất giá trị gia tăng cao.

Đối với thị trường nội địa, phát huy thế mạnh các dòng sản phẩm đồng phục ngành, dân quân tự vệ, bảo hộ lao động, đồng thời phát triển sản phẩm thời trang và hệ thống bán lẻ, tổ chức triển khai thống nhất, hiệu quả nhằm gia tăng doanh thu.

Nâng cao vai trò công tác kế hoạch, đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất gắn với điều hành linh hoạt, thích ứng kịp thời với biến động thị trường; tiếp tục xác định sản xuất hàng quốc phòng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên nguồn lực,

tổ chức sản xuất khoa học, bảo đảm tiến độ, chất lượng và duy trì sản xuất thông suốt cho cả hàng quốc phòng và kinh tế – xuất khẩu.

c) Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, máy móc thiết bị, cải tiến sản xuất

Đẩy nhanh tiến độ triển khai áp dụng phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp nâng cao khả năng kết nối các máy móc để giám sát và quản lý sản xuất theo thời gian thực. Áp dụng công nghệ sản xuất linh hoạt để điều chỉnh quy trình nhanh chóng khi có sự thay đổi trong nhu cầu sản xuất.

Tiếp tục xây dựng kế hoạch đầu tư thiết bị, công nghệ mới để nâng cao khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm.

d) Kế hoạch công tác tài chính

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc về quản lý tài chính và chuẩn mực kế toán. Xây dựng, quản lý tốt dòng tiền, quản lý chặt chẽ quá trình chi tiêu, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty; Tăng cường tham mưu các biện pháp quản lý để phát triển và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Nhà nước tại Công ty. Quản lý chặt chẽ nguồn vốn đầu tư tại các Công ty TNHH MTV và doanh nghiệp khác; thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn; trích lập dự phòng; thu hồi công nợ; tăng cường kiểm tra, giám sát tài chính; chuẩn bị tốt công tác kiểm toán năm 2026;

e) Kế hoạch sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng

Triển khai công tác tiền lương, lao động và bảo hiểm đúng quy định pháp luật; quản lý, sử dụng hiệu quả lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng. Tăng cường thu hút nhân lực, thực hiện chính sách “mỗi người lao động là một nhà tuyển dụng”; tham mưu điều chỉnh tổ chức, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách; rà soát, hoàn thiện thang bảng lương, nâng bậc, chuyển ngạch phù hợp và quyết toán quỹ lương theo quy định.

g) Công tác hành chính, hậu cần, đầu tư và quản lý sử dụng đất quốc phòng

Duy trì nghiêm các chế độ công tác, chế độ trực ban, trực chỉ huy, bảo vệ, tuần tra canh gác tại các cơ quan, đơn vị; công tác văn thư bảo mật, vệ sinh môi trường, công tác lễ tân, công tác PCCN; thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số; đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả trên các mặt công tác; duy trì thực hiện có hiệu quả công tác y tế lao động; quản lý, chăm sóc sức khỏe, công tác đảm bảo môi trường lao động...; duy trì thực hiện tốt Nội quy lao động; công tác AT-VSLĐ, PCBN;

Ưu tiên đầu tư MMTB, đẩy chuyển sản xuất nâng cao năng suất và hiệu quả. Hoàn thành đúng tiến độ: Cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; hoàn thành xây dựng Văn phòng Khu B.

Tổng mức đầu tư: 125,382 tỷ đồng; trong đó mua sắm MMTB, chuyển đổi số và nội dung khác là 48,374 tỷ đồng; ĐTXDCB và sửa chữa là: 77,008 tỷ đồng.

+ Đối với mua sắm MMTB: Tiếp tục đầu tư thiết bị chuyên dùng; đầu tư đổi mới MMTB hiện đại bổ sung cho các nhà máy sản xuất theo hướng tự động hóa, tích hợp công nghệ số; máy dệt khăn, thiết bị thí nghiệm nhuộm cho ngành dệt;

+ Đối với XDCB và sửa chữa khác: Triển khai Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng tại Khu B nhằm chào mừng kỷ niệm 70 năm truyền thống X20. Cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành; đầu tư, nâng cấp cải tạo thường xuyên tại Công ty TNHH MTV;

- Quản lý sử dụng đất quốc phòng: Quản lý chặt chẽ các diện tích đất, không để xảy ra lấn chiếm, tranh chấp; tham mưu khai thác tài sản các điểm đất nhàn rỗi đảm bảo hiệu quả, đúng quy định như:

Tập trung tìm kiếm đối tác liên doanh liên kết hoặc cho thuê để khai thác hiệu quả nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng trên các điểm đất Khu A và số 4 Lê Hồng Phong (Thanh Hóa). Đồng thời hoàn thiện hồ sơ pháp lý, tập trung thu hồi công nợ tại điểm đất 4 Lê Hồng Phong; tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để thực hiện bàn giao điểm đất Hà Nam theo đúng quy định.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa quan trọng, mở đầu triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030, tạo nền tảng cho mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen, Công ty Cổ phần X20 xác định tiếp tục phát huy truyền thống, giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh tế, xuất khẩu và dịch vụ theo hướng hiệu quả, bền vững.

Với định hướng rõ ràng, giải pháp đồng bộ và quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, người lao động, Ban Quản lý Điều hành Công ty cam kết tổ chức triển khai nghiêm túc, linh hoạt và hiệu quả Kế hoạch SXKD năm 2026, phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, nâng cao đời sống người lao động và tiếp tục khẳng định vị thế, uy tín của Công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để Công ty có cơ sở triển khai thực hiện.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Đại Hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Quản lý Điều hành;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KH-KD, L07.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY
CỔ PHẦN
X 20

Thượng tá Chu Văn Đệ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam)

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VN đồng

tt	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	TÀI SẢN	599.212.981.165	689.073.335.693
1	Tài sản ngắn hạn	406.414.181.317	498.601.724.905
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	132.743.221.348	231.086.174.686
	- Đầu tư ngắn hạn	25.904.122.466	400.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	101.886.945.049	75.129.916.643
	- Hàng tồn kho	142.028.472.059	178.244.994.817
	- Tài sản ngắn hạn khác	3.851.420.395	13.740.638.759
2	Tài sản dài hạn	192.798.799.848	190.471.610.788
	- Các khoản phải thu dài hạn	-	-
	- Tài sản cố định	173.610.568.272	171.783.151.455
	- Tài sản dở dang dài hạn	2.351.202.127	2.489.371.153
	- Đầu tư tài chính dài hạn	3.931.375.462	3.611.812.514
	- Tài sản dài hạn khác	12.901.753.987	12.587.275.666
II	NGUỒN VỐN	599.212.981.165	689.073.335.693
1	Nợ phải trả	307.107.647.915	399.378.315.594
	- Nợ ngắn hạn	294.667.616.164	381.278.291.639
	- Nợ dài hạn	12.440.031.751	18.100.023.955
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	292.105.333.250	289.695.020.099
	- Vốn góp của chủ sở hữu	172.500.000.000	172.500.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	87.117.686.342	69.776.933.289
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.487.646.908	47.418.086.810

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: VN đồng

tt	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	1.120.732.498.957	1.304.385.786.032
2	Tổng chi phí	1.077.048.143.285	1.247.113.766.142

3	Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	709.763.492	623.802.722
4	Lợi nhuận trước thuế	44.280.031.750	57.556.026.150
5	Lợi nhuận sau thuế	34.743.264.060	45.223.758.758
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.781	1.958

Trên đây là báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. H03.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Thượng tá Chu Văn Đệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20

- Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và Điều lệ công ty Cổ phần X20;

- Căn cứ vào qui chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát;

- Căn cứ vào các báo cáo: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Báo cáo tài chính năm 2025 (đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) kiểm toán số 0903.02-26/BC-TC/VAE ngày 09/03/2026), Báo cáo đánh giá công tác Ban quản lý điều hành Công ty, của Hội đồng Quản trị năm 2025;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần X20 với các nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành Công ty trong năm 2025, qua thẩm định báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), Ban kiểm soát xin báo cáo như sau:

1. Kết quả hoạt động của Công ty cổ phần X20 năm 2025.

Năm 2025 là năm Công ty tiếp tục phải đương đầu với rất nhiều khó khăn do kinh tế thế giới diễn biến phức tạp. Chi phí nguyên phụ liệu, năng lượng và logistics duy trì ở mức cao, trong khi giá đơn hàng xuất khẩu chưa có dấu hiệu phục hồi rõ nét. Áp lực tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải carbon, trách nhiệm xã hội, truy xuất nguồn gốc, yêu cầu về sản xuất xanh và phát triển bền vững ngày càng gia tăng, đặc biệt đối với các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Bên cạnh đó, chính sách thuế quan và bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ tiếp

tác động lớn đến thị trường xuất khẩu của Công ty, làm gia tăng rủi ro và chi phí trong hoạt động kinh doanh. Cạnh tranh trong khu vực ngày càng gay gắt khi các quốc gia như Bangladesh, Ấn Độ, Campuchia...không ngừng mở rộng năng lực sản xuất, tận dụng lợi thế về lao động và chính sách, trong khi đó yêu cầu của khách hàng quốc tế về chất lượng, tiến độ giao hàng và tiêu chuẩn ESG ngày càng cao. Song dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành việc làm của người lao động vẫn được duy trì đều đặn, thu nhập tăng trưởng, đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra trong thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025, đặc biệt đã sản xuất hàng A50, A80, K24 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng được khách hàng đánh giá cao.

Các chỉ tiêu đạt được như sau:

+ Tổng doanh thu và thu nhập khác: 1.121,44 tỷ đồng, đạt 106,8% kế hoạch năm (1.121,44 tỷ đồng/ 1.050 tỷ đồng), chỉ đạt 85,9% so cùng kỳ năm 2024;

+ Lợi nhuận trước thuế: 44,28 tỷ đồng, đạt 126,5% kế hoạch năm (44,28 tỷ đồng/35 tỷ đồng), chỉ đạt 76,9% so cùng kỳ năm 2024;

+ Nộp ngân sách: 50,50 tỷ đồng, chỉ đạt 92,7% so kế hoạch năm (50,50 tỷ đồng/54,5 tỷ đồng), chỉ đạt 80,4% so cùng kỳ năm 2024;

+ Thu nhập BQ người lao động: 13.259.264 đồng/người/tháng, đạt 117,34% so kế hoạch năm (13.259.264 đồng/11.300.000 đồng), đạt 111,7% so cùng kỳ năm 2024;

+ Chia cổ tức: Mức cổ tức kế hoạch là 10%, dự kiến chi trả là 10%.

- Về Cơ cấu tổ chức, Công tác quản trị: Năm 2025 Công ty sắp xếp lại mô hình biên chế Xí nghiệp đo may Quân đội; Xí nghiệp Thương Mại cơ cấu lại thành bộ phận TMDV; Trường Mầm Non thu gọn bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; Giao cho khách sạn Seasoul quản lý và khai thác nhà công vụ và toà nhà 202 Tô Hiến Thành; Thành lập và triển khai hoạt động phòng Nghiên cứu phát triển; Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp; Tổ chức đào tạo lãnh đạo chuyển đổi, xây dựng đề cương và đào tạo VHDN nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo quản lý; Rà soát, điều chỉnh hệ thống quy chế Công ty phù hợp với hệ thống Quy chế TCHC-KT; Triển khai thiết kế lại bộ phận nhận diện thương hiệu bao gồm logo, gian trưng bày, Catalogue, bao bì và nhãn mác các sản phẩm.

- Về tổ chức quản lý sản xuất: Công ty đang từng bước áp dụng chuyển đổi số trong quản lý sản xuất phần mềm Tre; duy trì quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, các tiêu chuẩn đánh giá nhà máy; Công ty đã ứng dụng CNTT vào sản xuất theo phương pháp lọc, ghép số đo để triển khai cắt hàng đo may; đầu tư trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng cho ngành may, dây chuyền nhuộm liên tục tại X20 Nam Định đã nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 23/04/2025; Cải tiến

phương pháp, quy trình quản lý sản phẩm, bám sát nguồn hàng để đảm bảo tốt nguồn vốn cho sản xuất; Công ty đã triển sản xuất hàng A50, A80 phục vụ điều binh, diễu hành kỷ niệm 50 năm ngày Giải phóng Miền Nam và 80 năm Quốc khánh 2/9, cùng các đơn hàng phục vụ khẩn cấp, ủng hộ đồng bào vùng bão lụt Miền Bắc và Miền Trung, sản xuất hàng FOB chỉ định tại X20 Thanh Hoá đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng được khách hàng đánh giá cao; năm 2025 nguồn vốn lưu động của Công ty được đảm bảo một cách chủ động.

- Về giải quyết các khoản tồn đọng tài chính: Đã tiến hành thanh xử lý một số vật tư, hàng hóa, MMTB, CCDC hồng không có nhu cầu sử dụng theo đúng quy định; Trong năm không phát sinh công nợ khó đòi mới.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025.

Ban kiểm soát đã xem xét Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), Ban kiểm soát thống nhất với số liệu của VAE, xác nhận Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Trên cơ sở đó Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 số liệu cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2025 (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	So sánh 31/12/2025 với 31/12/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4= 2-3)	(5= 2/3)
I/TỔNG TÀI SẢN	599,21	689,07	-89,86	87,0%
1/Tài sản ngắn hạn	406,41	498,60	-92,19	81,5%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	132,74	231,09	-98,35	57,4%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	25,90	0,40	25,50	6.476,0%
- Các khoản phải thu ngắn hạn	101,89	75,13	26,76	135,6%
- Hàng tồn kho	142,03	178,24	-36,22	79,7%
- Tài sản ngắn hạn khác	3,85	13,74	-9,89	28,0%
2/Tài sản dài hạn	192,80	190,47	2,33	101,2%
- Tài sản cố định	173,61	171,78	1,83	101,1%
- Tài sản dở dang dài hạn	2,35	2,49	-0,14	94,5%

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	So sánh 31/12/2025 với 31/12/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ
- Đầu tư Tài chính dài hạn	3,93	3,61	0,32	108,9%
- Tài sản dài hạn khác.	12,90	12,59	0,32	102,5%
II/ TỔNG NGUỒN VỐN	599,21	689,07	-89,86	87,0%
1/ Nợ phải trả	307,11	399,38	-92,27	76,9%
- Nợ ngắn hạn	294,67	381,28	-86,61	77,3%
- Nợ dài hạn	12,44	18,10	-5,66	68,7%
2/ Vốn chủ sở hữu	292,11	289,70	2,41	100,8%
- Vốn góp của chủ sở hữu	172,50	172,50	0	100%
- Quỹ đầu tư phát triển	87,12	69,78	17,34	124,9%
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32,49	47,42	-14,93	68,5%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Các chỉ tiêu chủ yếu về kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Thực hiện năm 2024	So sánh TH 2025/2024	
			Số tiền	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4 = 2 - 3)	(5 = 2/3)
1. Doanh thu và thu nhập khác	1.121,44	1.305,01	-183,57	85,9%
- Doanh thu thuần về BH và CCDV	1.115,55	1.301,77	-186,22	85,7%
- Doanh thu hoạt động tài chính	3,76	2,32	1,44	161,9%
- Thu nhập khác	1,43	0,30	1,14	484,7%
- LN trong công ty LDLK	0,71	0,62	0,09	113,6%
2. Lợi nhuận gộp về BH, CCDV	199,53	239,54	-40,01	83,3%
3. Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	0,71	0,62	0,09	113,6%
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	42,96	57,60	-14,64	74,6%
5. Lợi nhuận khác	1,32	-0,04	1,27	3.080,3%
6. Lợi nhuận trước thuế	44,28	57,56	-13,28	76,9%
7. Lợi nhuận sau thuế (LNST)	34,74	45,22	-10,48	76,8%
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.781	1.958	-177	91,0%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2025

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	67,8%	72,4%
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	32,2%	27,6%
1.1. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,51 lần	0,58 lần
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,49 lần	0,42 lần
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,05 lần	1,38 lần
2. Khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	1,38 lần	1,31 lần
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,90 lần	0,84 lần
- Hệ số khả năng thanh toán bằng tiền	0,45 lần	0,61 lần
3. Chất lượng lợi nhuận	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024
- Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	17,9%	18,4%
- Lợi nhuận kinh doanh/Doanh thu thuần	3,9%	4,4%
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	4,0%	4,4%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,1%	3,5%
4. Hiệu suất đầu tư kinh doanh		
- Lợi nhuận ST/Tổng TSBQ (ROA)	5,4%	7,1%
- Lợi nhuận ST/Vốn CSHBQ (ROE)	11,9%	16,5%
- Lợi nhuận ST/Vốn Điều lệ	20,1%	26,2%

Đánh giá:

* Về số liệu tài sản, nguồn vốn và các chỉ số tài chính

- Tổng tài sản: Tại thời điểm 31/12/2025 so với thời điểm 31/12/2024 giảm 13% tương đương 89,86 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn giảm 18,5% tương đương 92,19 tỷ đồng, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 42,6% tương đương 98,35 tỷ đồng; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 6.376,0% tương đương 25,50 tỷ đồng; Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 35,6% tương đương 26,76 tỷ đồng; Hàng tồn kho giảm 20,3% tương đương 36,22 tỷ đồng một số các thành phẩm hàng Quốc phòng, gia công xuất khẩu và hàng kinh tế nội địa đã chủ động xuất kho được nhiều hơn so với thời điểm cuối năm 2024; Tài sản ngắn hạn khác giảm 72% tương đương 9,89 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 1,2%

tương đương 2,33 tỷ đồng, trong đó: Tài sản cố định tăng 1,1% tương đương 1,83 tỷ đồng; Tài sản dở dang dài hạn giảm 5,5% tương đương 0,14 tỷ đồng; Đầu tư tài chính dài hạn tăng 8,9% tương đương 0,32 tỷ đồng; Tài sản dài hạn khác tăng 2,5% tương đương 0,32 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn: Giảm 13% tương đương 89,86 tỷ đồng. Nợ phải trả giảm 23,1% tương đương 92,27 tỷ đồng, trong đó: Dự phòng phải trả ngắn hạn là 12,4 tỷ đồng (trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá) và khoản vay dài hạn và ngắn hạn là 10,5 tỷ đồng (Để đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục, hoàn tất tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định). Vốn chủ sở hữu tăng 0,8%, trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi; Quỹ đầu tư phát triển tăng 17,34 tỷ đồng tương đương 24,9%; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 31,5% tương đương 14,93 tỷ đồng.

- Hệ số tự tài trợ:

+) Hệ số nợ phải trả/tổng nguồn vốn của Công ty năm 2025 đạt 0,51 lần, giảm 0,07 lần so với năm 2024 là (0,58 lần). Điều này cho thấy Công ty đã giảm mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay, cơ cấu nguồn vốn có xu hướng an toàn và bền vững hơn;

+) Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn năm 2025 đạt 0,49 lần, tăng 0,07 lần so với năm 2024 là (0,42 lần), tương ứng tăng 16,7%. Điều này cho thấy tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty tăng lên, mức độ tự chủ tài chính được cải thiện, góp phần nâng cao tính an toàn và ổn định trong hoạt động tài chính của Công ty;

+) Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2025 là 1,05 lần, giảm 0,33 lần so với năm 2024 là (1,38 lần), tương ứng giảm 23,9%. Điều này cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của Công ty đã giảm, cơ cấu nguồn vốn trở nên an toàn hơn, khả năng tự chủ tài chính được cải thiện so với cùng kỳ.

Công ty có nhiều giải pháp trong quản lý điều hành sản xuất, quản lý dòng tiền linh hoạt đáp ứng được đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

- Hệ số các khả năng thanh toán: Năm 2025 công ty chú trọng đến việc quản trị dòng tiền để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất; đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá các yêu cầu về thanh khoản trong hiện tại và tương lai, nhằm đảm bảo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chỉ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,38 lần (>1 và tăng nhẹ 0,07 lần so với cùng kỳ) ở mức đảm bảo tương đối tốt; Chỉ tiêu hệ số thanh toán nhanh của Công ty là 0,9 lần tăng nhẹ 0,06 lần so với năm 2024, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản có tính thanh khoản cao được cải thiện. (Tuy nhiên, hệ số này vẫn thấp (<1), phản ánh Công ty chưa hoàn toàn chủ động trong việc đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn mà vẫn phụ thuộc một phần vào việc chuyển đổi hàng tồn kho, lý do chính: sản lượng hàng tồn kho của Công ty

luôn ở mức cao so với các doanh nghiệp sản xuất khác, do hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đã giảm so với năm 2024 là 36,2 tỷ → tập trung chủ yếu ở thành phẩm hoàn thành chờ được xuất kho → khẳng định công ty có năng lực sản xuất tốt, hàng hoá đạt chất lượng được xuất đều, hạn chế hàng chậm luân chuyển; Còn về chỉ tiêu khả năng thanh toán bằng tiền của công ty năm 2025 đạt 0,45 lần, giảm 0,16 lần so với năm 2024 và tiếp tục duy trì ở mức thấp (<1). Điều này cho thấy khả năng đáp ứng ngay các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng tiền và tương đương tiền của Công ty có xu hướng suy giảm, tiềm ẩn rủi ro về thanh khoản trong ngắn hạn.

- Khả năng hoạt động:

+) Đánh giá về khả năng hoạt động trong việc sử dụng tài sản, có nghĩa là cứ 1 đồng tài sản đưa vào hoạt động thì thu được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Năm 2025 Công ty sử dụng tài sản không tốt bằng năm 2024. (Năm 2024 bỏ ra 1 đồng tài sản hoạt động thu được 2,04 đồng doanh thu thuần, năm 2025 là 1,73 đồng).

+) Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tại 31/12/2025 tăng 35,6% so với 31/12/2024 tương đương 26,76 tỷ đồng. Trong đó, Cục Quân nhu - TCHCKT nợ 57,47 tỷ đồng, trong năm Công ty không có khoản phát sinh khoản công nợ khó đòi mới.

+) Hàng Tồn kho: Tại thời điểm 31/12/2025, hàng tồn kho giảm 20,3% so với 31/12/2024 tương đương 36,2 tỷ đồng, Thành phẩm và nguyên nguyên liệu sẽ được xuất trong quý I năm 2026 khi có kế hoạch cụ thể của khách hàng; đồng thời, tiếp tục rà soát đánh giá hàng tồn kho chậm luân chuyển từ những năm trước để lại để có phương án xử lý.

* Về số liệu kết quả kinh doanh năm 2025

- Năm 2025, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập người lao động đều tăng trưởng cao so kế hoạch năm đề ra. Với kết quả kinh doanh như đã nêu trên, năm 2025 Công ty cổ phần X20 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê chuẩn.

- Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2024 theo tỷ lệ 10% (1.000đ/cổ phiếu) tính trên cổ phiếu cổ đông hiện đang lưu hành với số tiền 17,250 tỷ đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2024 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc, ban quản lý điều hành và cổ đông

- Giữa hai kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026, Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty, của cổ đông và theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty. Trưởng ban kiểm soát được mời dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc giao ban tháng và các cuộc họp khác của Công ty. Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành cung cấp đầy đủ tài liệu theo quy định.

- Đối với cổ đông: Giữa 2 kỳ Đại hội cổ đông thường niên 2025 – 2026, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông ngoài Công ty có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị.

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 04 phiên họp thường kỳ đúng theo quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty; xin ý kiến bằng văn bản 15 lượt; ban hành 75 Nghị quyết đề quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, giải quyết các vấn đề thực tiễn nhiệm vụ của Công ty với các chủ trương về kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp lại nhân sự, công tác cán bộ, chấm dứt các hợp đồng thuê đất và chủ trương khai thác nhà xưởng nhân rồi, đầu tư MMTB, nhà điều hành mới và các hạng mục sửa chữa....; Tổ chức nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược giai đoạn 2021-2025, đề xuất Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2035; định hướng và chỉ đạo sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị các thành viên Hội đồng quản trị đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên. Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Công ty.

3. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành.

Trong năm 2025, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành đã nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo chỉ đạo thường xuyên, kịp thời để thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo khắc phục những khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành đã quyết liệt chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt được kết quả tốt trên nhiều lĩnh vực, nhiều mặt

công tác; đặc biệt là kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt, các nhiệm vụ trọng tâm; bảo đảm ổn định việc làm; giải quyết các vướng mắc, tồn tại v.v qua đó góp phần quan trọng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu đã định, điều hành Công ty vượt qua khó khăn, giữ ổn định và phát triển. Trong quá trình điều hành Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành đã tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quy chế phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành và các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

1. Cần tập trung xây dựng nhiều giải pháp cho hàng kinh tế nội địa, hàng kinh tế xuất khẩu (cần phải tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu thông qua hình thức sản xuất FOB); cần phân tích, đánh giá hiệu quả của từng khách hàng để có phương án tốt nhất cho việc lựa chọn khách hàng tiềm năng; Tiếp tục duy trì khách hàng chủ lực, dòng hàng chuyên môn hóa, khai thác thêm thị trường mới, mở rộng thị trường; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, kênh tiêu thụ mới TMĐT, nâng cao hiệu quả sản xuất gắn với hiệu quả kinh doanh;

2. Công ty cần quan tâm hơn nữa và có giải pháp trong việc đào tạo mới, đào tạo lại, đồng thời có các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực về kỹ thuật; đào tạo nhân lực để đáp ứng quản lý đơn hàng FOB, tiếp tục chăm lo tốt đời sống người lao động, xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp để ổn định lao động, đáp ứng đủ cho sản xuất, đảm bảo tiến trình phát triển bền vững của Công ty;

3. Tập trung cải tiến sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chuẩn hóa hệ thống sản xuất, hệ thống quản lý chất lượng, chú trọng giữ vững chất lượng sản phẩm; Đẩy mạnh triển khai kế hoạch phát triển KHCN-ĐMST; Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số mô hình kinh doanh và quản trị Công ty, thích ứng với xu hướng phát triển xanh, bền vững của ngành;

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị tài chính, xây dựng kế hoạch tài chính trung, dài hạn, đồng thời thực hiện tốt quản lý dòng tiền đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh xuyên suốt từ Công ty mẹ đến các công ty con và các Công ty MTV; Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, hàng tồn kho, công nợ, kiểm soát các chi phí; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm từ khâu quản lý đến khâu sản xuất; Đối với nợ xấu đã được trích lập dự phòng đề nghị Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty trong thời gian nhanh nhất; Xử lý hàng tồn lâu, kém chất lượng từ những năm trước;

5. Cần phải triển khai nhanh các dự án đầu tư mới, sửa chữa các mặt bằng; xây dựng phương án khai thác nhà xưởng nhàn rỗi cho thuê theo đúng quy định để khai thác tránh lãng phí;

6. Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung các hệ thống quy chế của Công ty đảm bảo phù hợp với tính hình thực tế, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự phát triển nhanh, ổn định của đơn vị, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông.

7. Đề nghị HĐQT cần phải có các giải pháp đồng bộ để năm 2026 Công ty hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được Tổng cục HC-KT định hướng (Kế hoạch số 28/KH-CTCP ngày 07/01/2026).

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, sự hợp tác của HĐQT, Tổng giám đốc, Ban quản lý điều hành, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong Công ty đã tạo mọi điều kiện tốt nhất, phối hợp, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin kính chúc Quý vị đại biểu, quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.T03

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đức Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN X20
BAN KIỂM SOÁT
Số: 06/CTCP-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20

- Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ của Luật Doanh nghiệp Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và Điều lệ công ty Cổ phần X20;

- Căn cứ vào qui chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần X20 với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp để phân công nhiệm vụ, triển khai các nội dung kiểm soát theo kế hoạch thường xuyên và theo yêu cầu của Cổ đông – là những người đại diện vốn tại Công ty cổ phần X20.

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Ngoài các cuộc họp của Ban kiểm soát trực tiếp nêu trên, năm 2025, Ban kiểm soát còn có các hoạt động như sau:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các phiên họp giao ban tháng và các phiên họp khác do Công ty tổ chức với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát về một số nội dung trong sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính theo yêu cầu của Đại diện vốn nhà nước tại Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát về nội dung về thanh lý vật tư, MMTB do không còn nhu cầu sử dụng...;

- Thực hiện kiểm soát báo cáo tài chính và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm, cả năm của Công ty và các nhiệm vụ theo kế hoạch và chức năng của Ban kiểm soát;

- Thực hiện các công việc khác theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định của pháp luật có liên quan.

II. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG BKS VÀ TỪNG THÀNH VIÊN BKS NĂM 2025

- Về thù lao của ban kiểm soát năm 2025

+ Đối với các kiểm soát viên không chuyên trách, mức thù lao bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân là 2 triệu đồng/người/tháng;

+ Đối với Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách mức thù lao bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân là 5 triệu đồng/người/tháng;

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025: Tuân thủ theo quy định và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty cổ phần X20 (*Chi tiết thù lao năm 2025 của các Kiểm soát viên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần X20 về báo cáo thường niên năm 2025*).

PHẦN THỨ HAI

BÁO CÁO VỀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN

I. ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

- Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban quản lý điều hành.

- Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với công ty mà trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

II. ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 - 2026 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên BKS.

PHẦN THỨ BA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có 03 kiểm soát viên, trong đó có Trưởng ban kiểm soát và 02 kiểm soát viên đều kiêm nhiệm. Các kiểm soát viên đều hoạt động độc lập. Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ của Công ty, với kết quả hoạt động như đã nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng của mình trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành qua việc quản trị và điều hành Công ty;

- Đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra và các yêu cầu của Cổ đông lớn tại Công ty;

- Qua việc thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị trong việc quản trị, điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh và công tác tài chính nhằm thống nhất, đồng bộ và tăng cường công tác quản trị, giảm thiểu rủi ro, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty. Các hoạt động của Ban kiểm soát được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KIỂM SOÁT VIÊN

Trên cơ sở Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và bản phân công nhiệm vụ đối với các kiểm soát viên. Các kiểm soát viên đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập trên tinh thần trách nhiệm cao; tham gia đóng góp ý kiến và kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong các lĩnh vực đúng với trách nhiệm, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

PHẦN THƯ TƯ

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT GIỮA 2 KỲ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025 – 2026

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định có liên quan đến Ban kiểm soát. Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết Hội đồng quản trị;

- Giám sát tính hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác tài chính, trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, các phiên họp khác của Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình phục vụ cho thực hiện chức năng của Ban kiểm soát;

- Thẩm định báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, lập công văn gửi Hội đồng quản trị Công ty;

- Trình các báo cáo theo quy định của pháp luật lên Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Thực hiện các yêu cầu của Cổ đông, nhóm cổ đông (nếu có) theo quy định của Pháp luật;

- Thực hiện các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát, các quy chế nội bộ của Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan;

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần X20 giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 – 2026 và kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông 2026 – 2027. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê chuẩn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của ĐHĐCĐ, sự hợp tác của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban quản lý điều hành, các phòng ban chức năng, các đơn vị trong Công ty đã tạo mọi điều kiện tốt nhất, phối hợp, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin kính chúc Quý vị đại biểu, quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.T03

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đức Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4/WTTr-CTCP

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030,
của Công ty cổ phần X20**

Kính gửi: - Thủ trưởng Bộ Quốc phòng
- Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần Kỹ Thuật

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thực hiện Văn bản số 512/BQP-TC ngày 26/01/2026 của Bộ Quốc phòng về việc triển khai các nghị định của Chính phủ liên quan đến quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025–2030 của Đảng ủy Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật và Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025–2030 của Đảng ủy Công ty cổ phần X20;

Trên cơ sở kết quả thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2030 và dự báo bối cảnh kinh tế, chính trị, thị trường giai đoạn 2026–2030, Công ty cổ phần X20 đã xây dựng Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030.

Công ty cổ phần X20 kính báo cáo và đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xem xét, chỉ đạo Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đối với Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 theo quy định, làm cơ sở để Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

(Kèm theo: Báo cáo Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030).

Kính trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật xem xét, chỉ đạo.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban KS; Ban QLĐH;
- Lưu: VT, KH-KD, L17.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thượng tá Chu Văn Đệ

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ và Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần X20.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Đvt: đồng

stt	Nội dung	Phương án phân phối	Ghi chú
1	Lợi nhuận Công ty mẹ trước thuế	32.443.581.480	
2	Lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế	28.029.231.026	
3	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước	2.229.029.150	
4	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối năm 2025	27.258.260.176	
4.1	Dự kiến trích lập các quỹ	10.008.260.176	
	- Quỹ đầu tư phát triển	5.000.000.000	
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.862.785.737	
	- Quỹ thưởng Ban điều hành	145.474.439	
4.2	Chia cổ tức dự kiến 10% (1.000đ/cp)	17.250.000.000	
	- Cổ đông Nhà nước (71,72%)	12.371.700.000	
	- Cổ đông ngoài	4.878.300.000	

2 Giải trình về các nội dung trích lập quỹ:

2.1. Quỹ khen thưởng , phúc lợi

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty đạt 112,7% kế hoạch năm . Do vậy, Công ty được trích tối đa 3 tháng tiền lương thực hiện cho hai quỹ này, tương đương số tiền là 26,2 tỷ đồng. Số thực trích năm 2025 của Công ty là 4,86 tỷ đồng, bằng 18,5% số được trích.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2026 của Công ty đã được cấp trên phê duyệt là 161 tỷ đồng. Số thực trích năm 2025 là 5 tỷ đồng, chiếm 3,1% so với nhu cầu vốn.

2.3. Quỹ thưởng Ban Điều hành: được áp dụng 7 tháng theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và 5 tháng theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025.

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

- Chi cổ tức bằng tiền mặt: dự kiến 10%
- Trích quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
- Trích quỹ thưởng cho người giữ vốn

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua! *H*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT, H03.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Thượng tá Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số :560/TT-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2025,
kế hoạch năm 2026 của Người quản lý và Người lao động

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ; Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và xây dựng đơn vị năm năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án tiền lương, thù lao và tiền thưởng như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2025 (Tóm tắt)

1. Tiền lương BQ của Ban quản lý điều hành và người lao động

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu	1.000 đ	1.050.000.000	1.120.733.063	106,74
2	Lợi nhuận	“	25.300.000	35.467.264	140,19
3	LĐBQ	Người	2.100	1.874	89,24
	Trong đó: CTHĐQT	“	1	1	100,00
	BQLĐH+NLD	“	2.099	1.873	89,23
4	Năng suất LĐ	1.000đ/n	189,31	203,30	107,39
5	Tiền lương BQ của Ban QLĐH và NLD	1.000đ/n	11.760	12.316	104,72

2. Thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao (tr.đồng/người/tháng)	Tổng quỹ thù lao (triệu đồng)
1	Thành viên HĐQT	2	3,0	72
2	Trưởng ban KS	1	5,5	66
3	Thành viên BKS	2	2,0	48
	Cộng	5		186

3. Tiền thưởng của Ban điều hành, thành viên hội đồng, kiểm soát viên

Năm 2025 Công ty xác định trích để lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 01 tháng tiền lương bình quân; tiền thưởng 07 tháng theo quy định tại Nghị định 44 là 98.877.798 đồng và 05 tháng Nghị định 248 = 46.596.641 đồng, tổng tiền thưởng Ban điều hành, thành viên hội đồng, kiểm soát viên năm 2025 = $98.877.798 + 46.596.641 = 145.474.439$ đồng.

(Có báo cáo kèm theo)

II. PHƯƠNG ÁN TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG NĂM 2026

1. Đối với tiền lương của người đại diện phần vốn nhà nước: Tiếp tục bám sát tinh thần Nghị định 248/2025/NĐ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ, trên cơ sở mức lương cơ bản, gắn với hiệu quả quản trị và lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch đề ra.

2. Đối với thù lao của thành viên hội đồng, kiểm soát viên: Tiếp tục thực hiện như năm 2025 được nêu trên.

3. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện trên cơ sở kết quả trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026.

4. Đối với Ban quản lý điều hành và người lao động: Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2026 gắn với mức tăng, giảm năng xuất lao động bình quân; công ty xác định mức thu nhập bình quân là 12.500.000 đ/người/tháng; tổng quỹ tiền lương năm được thực hiện trên số lao động bình quân năm kế hoạch.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CTHC. Đ100.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Chu Văn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Số: 559/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán
- Có kinh nghiệm, uy tín về chất lượng kiểm toán và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần X20 về phạm vi và tiến độ kiểm toán
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng kiểm toán
- Không xung đột các quyền và lợi ích hợp pháp khi thực hiện kiểm toán cho Công ty cổ phần X20
- Đã có kinh nghiệm kiểm toán cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề với Công ty cổ phần X20

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 đề xuất đơn vị kiểm toán sau đây là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Tên đơn vị kiểm toán độc lập lựa chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

- Mã số thuế: 0101202228

- Địa chỉ: Tầng 11, Toà nhà Sông Đà, Số 165 Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT thương thảo, đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT. H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thượng tá Chu Văn Đệ

BÁO CÁO
Chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Công nghiệp Quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;
- Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
- Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;
- Căn cứ Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;
- Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp
- Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần X20;
- Căn cứ Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025-2030 của Đảng ủy Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật; Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ 2025-2030 của Đảng ủy Công ty cổ phần X20;
- Căn cứ kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Doanh nghiệp giai đoạn 2021–2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ dự báo tình hình kinh tế – chính trị – thị trường trong nước và quốc tế giai đoạn 2026–2030, Công ty xây dựng Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 của Công ty với các nội dung cụ thể như sau:

II. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Quá trình hình thành

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN X20
- Tên tiếng Anh: X20 Joint Stock Company
- Tên viết tắt: GATEXCO 20., JSC
- Địa chỉ trụ sở: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, TP Hà Nội
- Vốn điều lệ: 172.500.000.000 đồng

Công ty Cổ phần X20 (tiền thân là Công ty 20) là doanh nghiệp dệt – may quốc phòng trực thuộc Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng, được thành lập ngày 18/02/1957. Trải qua gần 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên của Công ty luôn phát huy truyền thống đoàn kết, chủ động, sáng tạo, vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, bảo đảm quân trang phục vụ Quân đội trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, sản xuất và phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, Công ty đã hai lần vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động (năm 1989 và năm 2001), khẳng định vị thế, uy tín và truyền thống vẻ vang của một doanh nghiệp quân đội anh hùng, luôn giữ vai trò nòng cốt trong lĩnh vực dệt may quân đội.

Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, với vốn điều lệ 172,5 tỷ đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 71,72% vốn điều lệ. Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, Công ty luôn tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Bộ Quốc phòng

Theo Quyết định số 2148/QĐ-BQP ngày 19/5/2025 của Bộ Quốc phòng, Công ty là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh, thực hiện đồng thời nhiệm vụ chính trị được giao và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Với đặc thù là doanh nghiệp lưỡng dụng, Công ty vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất quân trang, quân nhu, vật tư kỹ thuật phục vụ lực lượng vũ trang, vừa chủ động phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tham gia thị trường trong nước và quốc tế, góp phần tăng cường tiềm lực công nghiệp quốc phòng gắn với phát triển kinh tế. Trong quá trình hoạt động, Công ty không ngừng đổi mới công tác quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy năng lực sẵn có, đồng thời tiếp tục khẳng định vai trò là doanh nghiệp dệt – may quốc phòng nòng cốt của Quân đội, bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với mục tiêu phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã 411 trên bảng cân đối kế toán) tại thời điểm 31/12/2025 là: 172,5 tỷ đồng;

2. Chức năng, nhiệm vụ

a) Về sản xuất kinh doanh:

Công ty tổ chức sản xuất, kinh doanh các mặt hàng dân sinh và xuất khẩu; tích cực tham gia chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu; phát triển thị trường nội địa, mở rộng khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất, khai thác hiệu quả năng lực dệt – nhuộm – in – may, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, góp phần xây dựng tiềm lực công nghiệp quốc phòng gắn với phát triển kinh tế bền vững.

Công ty thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản của Nhà nước và các cổ đông; bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn; chấp hành đầy đủ các quy định về tài chính, kế toán, thuế và nghĩa vụ nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn gắn nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với ổn định tổ chức, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo Bộ luật Lao động và quy định của Quân đội; đồng thời chú trọng công tác bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các địa bàn đơn vị đóng quân.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cán bộ, đảng viên và người lao động; phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, đoàn thể, xây dựng khối đoàn kết thống nhất, tạo sức mạnh tổng hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị được giao. Với tinh thần trách nhiệm cao, Công ty luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất do Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng giao.

b) Về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

Công ty là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, có nhiệm vụ tổ chức sản xuất quân trang, quân nhu, vật tư kỹ thuật phục vụ lực lượng vũ trang; tham gia bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho Quân đội theo kế hoạch và mệnh lệnh của cấp trên. Công ty duy trì đầy đủ năng lực sản xuất, sẵn sàng huy động khi có yêu cầu trong các tình huống quốc phòng, an ninh; chấp hành nghiêm các nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ đặc biệt do Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật giao, góp phần xây dựng tiềm lực hậu cần, kỹ thuật và công nghiệp quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Theo quyết định Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100109339
- Cấp lần đầu ngày 31/12/2008
- Thay đổi lần thứ 14 ngày 15/08/2025

- Cập nhật ngành nghề theo Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
- Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do: Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Hà Nội cấp.

- Công ty có tổng số 64 ngành nghề kinh doanh; Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất – kinh doanh dệt may, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; trong đó sản xuất quân trang cho bộ đội là nhiệm vụ chính trị trung tâm. Ngoài ra, Công ty mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực: Kinh doanh vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu, hóa chất phục vụ ngành may – dệt – nhuộm – in; Đầu tư tài chính, đầu tư phát triển hạ tầng; Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng, dịch vụ quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị; Kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú, đào tạo; Liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất với các tổ chức trong và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và Điều lệ Công ty.

4. Cơ cấu tổ chức

a) Công ty mẹ - Doanh nghiệp

- Đại hội đồng cổ đông;
 - Ban Kiểm soát.
 - Hội đồng Quản trị;
 - Ban Quản lý điều hành;
 - Các phòng chức năng
 - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
 - + Phòng Kỹ thuật – Công nghệ;
 - + Phòng Tài chính – Kế toán;
 - + Phòng Chính trị – Hành chính;
 - + Phòng Nghiên cứu - Phát triển.
 - + Bộ phận Thương mại Dịch vụ
 - + Ban Quản lý dự án
 - Các đơn vị sản xuất kinh doanh phụ thuộc
 - + Xí nghiệp Dệt may Quân đội;
 - + Trường Mầm non X20 (loại hình tư thực);
 - + Chi nhánh Miền Trung – Công ty cổ phần X20;
 - + Chi nhánh Phía Nam – Công ty cổ phần X20;
 - + Chi nhánh Miền Bắc – Công ty cổ phần X20 (hiện đang tạm dừng hoạt động);
 - + Trung tâm Mẫu mốt Thời trang (hiện đang tạm dừng hoạt động).
- b) Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên;
- Công ty TNHH MTV X20 Nam Định;
- Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa;
- Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An.

c) Công ty liên kết

- Công ty cổ phần 199.

d) Vai trò, mối quan hệ giữa Công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết

Đối với các công ty con, Công ty mẹ thực hiện quyền chủ sở hữu thông qua việc phê duyệt Điều lệ, thông qua chiến lược sản xuất kinh doanh, bổ nhiệm các chức danh quản lý theo thẩm quyền; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động điều hành hằng ngày, mà quản lý, giám sát thông qua người đại diện phần vốn. Mối quan hệ được thực hiện trên nguyên tắc các pháp nhân độc lập, tuân thủ pháp luật.

Đối với các công ty liên kết, Công ty Cổ phần X20 tham gia với tư cách cổ đông; các bên hoạt động độc lập, bình đẳng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng doanh nghiệp.

e) Đánh giá về địa bàn hoạt động của doanh nghiệp

Địa bàn hoạt động của Công ty trải dài trên nhiều tỉnh, thành phố như Hà Nội, Thái Nguyên, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An, Khánh Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất phục vụ quốc phòng, sản xuất hàng kinh tế nội địa phục vụ dân sinh, Công ty còn tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hàn Quốc, Nhật Bản, Châu Âu và Hoa Kỳ, từng bước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng dệt may trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế của doanh nghiệp.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Tổng quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ

Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, kịp thời và hỗ trợ toàn diện, hiệu quả của Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật cùng các cơ quan chức năng cấp trên, đặc biệt trong các lĩnh vực định hướng chiến lược, đầu tư phát triển, quản trị doanh nghiệp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, qua đó tạo điều kiện hết sức quan trọng để Công ty giữ vững ổn định, từng bước vượt qua khó khăn và phát triển bền vững.

Trong giai đoạn 2021–2025, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, với nhiều yếu tố bất lợi như hậu quả kéo dài của đại dịch Covid-19, xung đột vũ trang, suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát gia tăng, nhu cầu tiêu dùng suy giảm, nguồn đơn hàng khan hiếm và giá cả biến động mạnh. Những yếu tố này đã tác động sâu sắc, toàn diện đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh những khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty còn phải đối mặt với những thách thức mang tính đặc thù, như: hệ thống đơn vị đóng quân phân tán trên 7 tỉnh, thành phố; cơ chế tổ chức sản xuất hàng quốc phòng có nhiều thay đổi trong khi chưa có chính sách đặc thù riêng cho doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh; chi phí bảo hiểm, yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, đánh giá nhà máy ngày càng cao; cùng với tình trạng thiếu hụt lao động, nhất là tại khu vực Hà Nội, gây áp lực lớn đối với công tác tổ chức sản xuất và hiệu quả kinh doanh.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc và triển khai nghiêm túc, đồng bộ các nghị quyết của Đảng ủy Tổng cục, Đại hội Đảng bộ Công ty và Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã chủ động xây dựng Chiến lược phát triển theo từng giai đoạn, phù hợp với định hướng chung và điều kiện thực tiễn. Hằng năm, Công ty tổ chức lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua, làm căn cứ pháp lý và thực tiễn để tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong toàn Công ty.

a) Kết quả về thực hiện nhiệm vụ đối với các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực may mặc quốc phòng, đồng thời đẩy mạnh phát triển ngành dệt, từng bước hoàn thiện chuỗi sản xuất khép kín dệt – nhuộm – may, nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất. Thị phần ngành may cơ bản được giữ vững và mở rộng; tỷ trọng doanh thu xuất khẩu có xu hướng tăng; Công ty đã thu hút thêm nhiều khách hàng lớn, đơn hàng có giá trị cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty tập trung đầu tư phát triển ngành dệt, xác định đây là lĩnh vực mũi nhọn, tạo động lực tăng trưởng trong giai đoạn mới. Đến nay, Công ty đã từng bước làm chủ công nghệ nhuộm, in hoa, sản xuất được nhiều loại vải có yêu cầu kỹ thuật cao phục vụ quân đội, là lĩnh vực mà số ít doanh nghiệp trong nước có khả năng thực hiện. Chất lượng, tiến độ sản xuất các mặt hàng quốc phòng, đặc biệt là hàng đo may và dệt kim, được nâng lên rõ rệt, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất chính, Công ty chủ động khai thác hiệu quả hệ thống nhà xưởng, cơ sở vật chất, từng bước mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực thương mại, dịch vụ nhằm đa dạng hóa ngành nghề và nguồn thu. Năm 2024, việc đưa vào vận hành Khách sạn Sea Soul – Nha Trang đánh dấu bước phát triển mới trong lĩnh vực dịch vụ – du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tạo thêm động lực tăng trưởng và tăng tính bền vững cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Kết quả về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh

Trong giai đoạn vừa qua, Công ty Cổ phần X20 tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong lĩnh vực sản xuất quân trang toàn quân, luôn xác định bảo đảm quân trang là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Công ty đã chủ động chuẩn bị vật tư, tổ chức sản xuất linh hoạt, điều hành quyết liệt, sẵn sàng tăng ca, giãn ca

khi cần thiết, bảo đảm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong điều kiện thời gian gấp, yêu cầu cao và nguồn cung vật tư khó khăn.

Công ty duy trì sản xuất ổn định các mặt hàng quân trang truyền thống, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ dệt – nhuộm – in, nâng cao tỷ lệ tự bảo đảm vật tư, đáp ứng tốt yêu cầu của Quân đội. Trong các năm 2024–2025, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm trang phục phục vụ các nhiệm vụ chính trị lớn, các sự kiện trọng đại của Quân đội và đất nước, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chất lượng và tiến độ, được lãnh đạo Bộ Quốc phòng và các cơ quan đánh giá cao.

Bên cạnh đó, Công ty kịp thời thực hiện các nhiệm vụ đột xuất như sản xuất hàng phục vụ phòng chống thiên tai, cứu trợ nhân dân, thể hiện rõ trách nhiệm của doanh nghiệp quốc phòng, góp phần củng cố vị thế của Công ty trong hệ thống bảo đảm quân trang và hậu cần toàn quân.

c) Kết quả thực hiện lại cơ cấu lại, sắp xếp doanh nghiệp

Công ty đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm kiện toàn tổ chức quản trị, nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở chủ trương cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021–2025, Công ty xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp; đồng thời sửa đổi Điều lệ, rà soát, ban hành và hoàn thiện 25 quy chế quản lý áp dụng thống nhất trong toàn Công ty, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu lực điều hành và làm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan chức năng. Song song với đó, Công ty xây dựng và triển khai bộ tài liệu Văn hóa doanh nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng Lean, 5S và hệ thống ERP, từng bước hiện đại hóa công tác quản trị, nâng cao năng suất và chất lượng hoạt động.

Trong giai đoạn, Công ty đã thực hiện sắp xếp tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả: thành lập Phòng Nghiên cứu & Phát triển; sáp nhập Xí nghiệp May 3 vào Xí nghiệp Đo may Quân đội; di chuyển khu A của Xí nghiệp Đo may Quân đội về khu B gắn với cơ cấu lại tổ chức, biên chế; kiện toàn mô hình hoạt động của Xí nghiệp Thương mại – Dịch vụ; chuyển đổi Trường Mầm non sang mô hình tư thục phù hợp tình hình thực tế. Đồng thời triển khai đầu tư mở rộng nhà xưởng tại Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên, đầu tư dây chuyền nhuộm liên tục tại Công ty TNHH MTV X20 Nam Định; thành lập Chi nhánh Miền Trung để tổ chức khai thác Khách sạn Sea Soul tiêu chuẩn 4 sao.

Công ty cũng thành lập Ban Quản lý dự án nhằm quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống nhà xưởng, văn phòng, kho bãi; đồng thời báo cáo, xin chủ trương đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại Khu B (Long Biên) để nâng cao năng lực quản trị, phát huy hiệu quả sử dụng hạ tầng và tạo điều kiện phát triển lâu dài.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD)

a) Hợp nhất

TT	Nội dung	Giai đoạn 2021-2025			So sánh với giai đoạn 2016-2020 về giá trị	Tăng trưởng trung bình/năm
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện/Kế hoạch (%)		
1	Doanh thu	4.437.083	5.527.124	124,5%	4.815.058	4,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	121.867	170.101	139,5%	139.379	7,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	97.944	131.984	134,7%	109.206	6,9%
4	Nộp ngân sách	199.393	246.721	123,7%	223.089	4,7%
5	- Thu nhập bình quân (ngđ/ng/tháng)	9.725	10.986	112,9%	7.776	2,6%

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021-2025 đều tăng trưởng cụ thể như: Doanh thu tăng 24,6%, so kế hoạch và năm 2025 cuối nhiệm kỳ tăng 22,3% so với năm 2021, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 4,91%/năm. Lợi nhuận trước thuế tăng 39,6% so kế hoạch, năm 2025 tăng 240% so với năm 2021, với tốc độ tăng trưởng bình quân 7,9%/năm, phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh được cải thiện rõ rệt. Thu nhập bình quân người lao động tăng 13% so với kế hoạch, tương ứng tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 2,6%/năm, năm 2025 tăng 38,4% so với năm 2021 (đạt 13.259.264/9.578.000đồng/người/tháng), thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc ổn định việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người lao động trong bối cảnh thị trường lao động ngành dệt may nhiều biến động. Cổ tức được duy trì ổn định và tăng dần, từ 5% năm 2021 lên 10% năm 2025, góp phần hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động.

b) Công ty mẹ

TT	Nội dung	Giai đoạn 2021-2025			So sánh với giai đoạn 2016-2020 về giá trị	Tăng trưởng trung bình/năm
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh thực hiện/Kế hoạch (%)		
1	Doanh thu	4.086.970	4.912.791	120,2%	4.542.025	4,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	65.745	117.971	179,4%	143.194	15,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	53.409	102.410	191,7%	115.870	18,3%
4	Nộp ngân sách	154.987	143.243	92,4%	169.808	-1,5%
5	- Thu nhập bình quân (ngđ/ng/tháng)	10.698	12.262	114,6%	8.236	2,9%

3. Kết quả đầu tư cải tạo sửa chữa giai đoạn 2021-2025

(Có Bảng kê chi tiết kèm theo - Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2026-2030)

a) Đầu tư tăng tài sản cố định

- Số lượng dự án: 104 dự án

- Tổng mức đầu tư: 139,47 tỷ đồng

- Giá trị hoàn thành: Tổng giá trị đầu tư thực hiện trong kỳ đạt 134,057 tỷ đồng trên 427,5 tỷ đồng kế hoạch, tương đương 31,3% kế hoạch. Các hạng mục cụ thể như sau:

+ Ngành may: Đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại với mức độ tự động hóa cao, trong đó có các dòng máy lập trình tự động khổ lớn, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Giá trị đầu tư 27,8 tỷ/34,7 tỷ đạt 80,2%;

+ Ngành dệt: Đầu tư bổ sung thiết bị nhuộm, in, kiểm vải, hệ thống xử lý chất thải; mua bổ sung nồi hơi phục vụ sản xuất; nâng cấp máy in hoa; triển khai đầu tư dây chuyền thiết bị nhuộm và nấu tẩy liên tục giai đoạn 1 tại X20 Nam Định. Giá trị đầu tư 47,9 tỷ/97 tỷ đạt 49,4%;

+ Hạ tầng cơ sở: Mở rộng nhà xưởng tại X20 Thái Nguyên; xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 60m³/ngày đêm tại khu B; hoàn thiện hệ thống PCCC tại Trường Mầm non, bảo đảm an toàn và tuân thủ quy định pháp luật. Giá trị đầu tư đạt 58,3 tỷ/295,7 tỷ đạt 19,7%;

- Giá trị đầu tư mới (tổng mức đầu tư các dự án mới mở trong kỳ): 104,863 tỷ đồng;

- Giá trị đầu tư (giải ngân các dự án đầu tư trong kỳ): 100%

- Trong kỳ Công ty đã triển khai các dự án mới với tổng vốn đầu tư thực hiện đạt 134 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 123,5 tỷ đồng (92,2%) và vốn vay 10,5 tỷ đồng (7,8%), cho thấy cơ cấu nguồn vốn tương đối an toàn, chủ động dựa trên nội lực tài chính.

* Đánh giá về thực hiện kế hoạch đầu tư

+ Ưu điểm:

Trong giai đoạn 2021–2025, Công ty thực hiện đầu tư đạt khoảng 31,3% kế hoạch, tập trung vào các hạng mục trọng điểm nhằm nâng cao năng lực sản xuất và trình độ công nghệ. Các dự án đầu tư chủ yếu gồm: mở rộng nhà xưởng tại X20 Thái Nguyên, đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời tại khách sạn Miền Trung, đầu tư dây chuyền nhuộm hoàn tất tại X20 Nam Định và bổ sung máy móc, thiết bị hiện đại cho ngành may.

Việc đầu tư được triển khai theo hướng đổi mới công nghệ, tập trung vào các khâu then chốt trong chuỗi dệt – nhuộm – may, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và từng bước điều chỉnh cơ cấu tài sản theo hướng ưu tiên cho hoạt động sản xuất. Các thiết bị tiên tiến như máy lập trình tự động khổ lớn, thiết bị dệt thoi khí và hệ thống nhuộm – in – hoàn tất đã góp phần giảm phụ thuộc vào lao động thủ công, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công ty đồng thời chú trọng đầu tư các hạng mục công nghệ quan trọng như nhuộm, in, kiểm vải, nồi hơi, hệ thống xử lý chất thải và triển khai dây chuyền nhuộm – nấu tẩy liên tục, qua đó từng bước nâng cao năng lực hoàn tất sản phẩm và đáp ứng yêu cầu về môi trường. Nhiều thiết bị cũ, lạc hậu đã được

thay thế kịp thời, giúp nâng cao năng suất lao động tại nhiều công đoạn từ 15–30%, đồng thời cải thiện rõ rệt chất lượng và tính ổn định của sản phẩm.

Nhiều thiết bị cũ, lạc hậu, hư hỏng đã được thay thế kịp thời bằng thiết bị mới, góp phần nâng cao năng suất lao động tại nhiều công đoạn từ 15–30%, đồng thời cải thiện rõ rệt chất lượng và độ ổn định của sản phẩm. Đặc biệt, việc đưa vào vận hành máy in hoa và dây chuyền nhuộm liên tục đã nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực như vải Bamboo K24, bạt 2×1 in loang, vải chéo Cotton in loang, vải Tropicana in loang K20, vải CVC K20..., đáp ứng tốt yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng thực hiện các đơn hàng có giá trị lớn, yêu cầu chất lượng cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng thực hiện các đơn hàng có giá trị lớn.

Các dự án đầu tư, cải tạo, sửa chữa được triển khai đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng và quy chế nội bộ; bảo đảm công khai, minh bạch, sử dụng vốn đúng mục đích, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như nhiệm vụ quốc phòng của Công ty.

+ Tồn tại hạn chế:

Trong giai đoạn 2021–2025, tỷ lệ thực hiện kế hoạch đầu tư còn thấp; một số dự án theo kế hoạch chưa triển khai như: đầu tư Nhà máy giặt công nghiệp tại Khu B; đầu tư hệ thống xử lý nước thải và phòng cháy chữa cháy tại X20 Nghệ An; xây dựng Trung tâm đo may và bảo hành sản phẩm quốc phòng (05 tầng) tại số 4 Lê Hồng Phong, phường Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa; phương án mở rộng nhà máy may mới tại Thanh Hóa hoặc Nghệ An.

Tiến độ thực hiện một số hạng mục còn chậm so với kế hoạch đề ra; một số hạng mục đầu tư còn triển khai chậm so với kế hoạch. Mức độ hiện đại hóa, tự động hóa trong đầu tư thiết bị đã được cải thiện, tuy nhiên còn chưa đồng đều giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

Nguyên nhân chủ yếu do trong giai đoạn vừa qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, thị trường biến động; đồng thời có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt, dẫn đến việc tổ chức triển khai một số dự án chưa bảo đảm điều kiện thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

b) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

Hiện nay Công ty thực hiện đầu tư vốn tại 04 công ty con với tổng giá trị 61.735 triệu đồng và đầu tư tại Công ty cổ phần 199 với số tiền 1.659 triệu đồng. Trong kỳ các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty cơ bản hoạt động ổn định, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Tài sản và nguồn vốn được quản lý, sử dụng đúng mục đích, bảo đảm phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang từng bước triển khai lộ trình thoái vốn tại Công ty cổ phần 199 theo định hướng tái cơ cấu đầu tư.

Bên cạnh đó Công ty đã tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên; sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy định như Quy chế quản lý người đại diện vốn, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại các công ty con, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp.

Hoạt động đầu tư vốn của Công ty cơ bản đạt hiệu quả tốt, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, ổn định tài chính và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống; các chỉ tiêu tài chính hằng năm cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch, bảo đảm yêu cầu bảo toàn, phát triển vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

c) Đầu tư ra nước ngoài: Công ty không có nội dung này

4. Một số thành tựu nổi bật và những tồn tại hạn chế

a) Thành tựu

- Về thực hiện mục tiêu chiến lược

Giai đoạn vừa qua, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực may mặc quốc phòng, đồng thời phát triển mạnh ngành dệt, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín dệt – nhuộm – may. Công ty đã làm chủ công nghệ nhuộm, in hoa và sản xuất thành công nhiều loại vải cao cấp phục vụ yêu cầu kỹ thuật khắt khe của Quân đội – lĩnh vực mà rất ít doanh nghiệp trong nước đáp ứng được. Chất lượng và tiến độ sản xuất hàng quốc phòng, đặc biệt là hàng đo may và dệt kim, được nâng lên rõ rệt so với các năm trước;

Thị phần cơ bản được giữ vững và mở rộng; tỷ trọng doanh thu xuất khẩu có xu hướng tăng; Công ty thu hút thêm nhiều khách hàng xuất khẩu lớn, giá trị cao. Năm 2024, việc đưa vào vận hành Sea Soul Hotel (Nha Trang) đánh dấu bước phát triển mới, mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ – du lịch, tạo thêm động lực tăng trưởng và đa dạng hóa nguồn thu.

Công tác quản trị được kiện toàn toàn diện: thông qua Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp; sửa đổi Điều lệ, ban hành 25 quy chế quản lý; tinh gọn tổ chức, thành lập Phòng R&D; cơ cấu lại các đơn vị thành viên; đầu tư chuyển đổi số, Lean, 5S và ERP được triển khai đồng bộ nhằm nâng cao năng suất lao động.

Các tiêu chuẩn quốc tế (BSCI, WRAP, Better Work) tiếp tục được duy trì; điều kiện làm việc và thu nhập người lao động cải thiện qua từng năm.

+ Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế cơ bản

Trong giai đoạn 2021–2025, mặc dù chịu tác động lớn của dịch Covid-19 và biến động kinh tế thế giới, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp linh hoạt, phù hợp với từng thời điểm, qua đó duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động và giữ vững nền tảng phát triển.

Các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng trưởng so với kế hoạch như: Doanh thu duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 5% /năm; lợi nhuận trước thuế tăng BQ 7,9%/năm. Thu nhập bình quân người lao động duy trì tăng trưởng 2,6%/năm;

cổ tức năm 2025 so năm 2021 tăng 5% lên 10%, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động.

Tài sản, nguồn vốn được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả; vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển; từng bước xử lý các tồn tại tài chính kéo dài, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính.

+ Các thành tựu đột phá trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

Các chương trình đổi mới công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo và nâng cấp nhà xưởng theo đúng kế hoạch, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng tài sản. Đồng thời tổ chức rà soát, sắp xếp lại các đơn vị thành viên, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phân công và phối hợp, bảo đảm hoạt động thống nhất, đúng quy định; các công ty con được cơ cấu theo hướng tinh gọn, tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm, qua đó nâng cao tính chủ động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công tác chuyển đổi số được triển khai mạnh mẽ, đã đưa vào vận hành đồng bộ các ứng dụng công nghệ thông tin như hệ thống văn phòng điện tử, văn phòng số TRE, phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp TRE, các phần mềm kế toán, hải quan, quản lý sản xuất; triển khai mô hình sản xuất tinh gọn Lean tại các nhà máy; đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ, hệ thống họp trực tuyến, camera giám sát, kết nối thông suốt giữa Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

+ Các đột phá trong hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Công ty đã chủ động nghiên cứu, triển khai một số nội dung đầu tư ngoài doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và định hướng phát triển của doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế, nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực, đa dạng hóa ngành nghề và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trong kỳ Công ty tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế như khai thác nhà xưởng, kinh doanh dịch vụ, thương mại và du lịch, trong đó việc đưa vào vận hành Khách sạn Sea Soul tại Nha Trang là bước chuyển quan trọng, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực dịch vụ – lưu trú, tạo thêm nguồn thu ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Việc xây dựng thương hiệu doanh nghiệp

Công ty luôn xác định xây dựng và phát triển thương hiệu là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp trong Quân đội và trên thị trường. Công ty tập trung giữ vững thương hiệu truyền thống trong lĩnh vực sản xuất quân trang, đồng thời từng bước mở rộng thương hiệu trong các lĩnh vực dệt – nhuộm – may, xuất khẩu, thương mại và dịch vụ, du lịch, khách sạn

Công tác xây dựng thương hiệu được thực hiện đồng bộ thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiến độ, thực hiện nghiêm các hệ thống quản lý chất lượng, duy trì các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp,

chuẩn hóa hệ thống nhận diện, nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp, từng bước khẳng định vị thế của X20 là doanh nghiệp dệt may quốc phòng có uy tín, đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

+ Xây dựng đội ngũ, nguồn lực lao động của doanh nghiệp

Công ty đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện, hiện đại. Nhiều chương trình đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng quản trị, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế 3D, đấu thầu qua mạng, quản lý tài chính và văn hóa doanh nghiệp được triển khai đồng bộ; đồng thời tổ chức đào tạo sản xuất hàng đo may tại các đơn vị Thanh Hóa, Nghệ An, Thái Nguyên nhằm nâng cao tay nghề và khả năng thích ứng. Đặc biệt, chương trình “Lãnh đạo chuyển đổi” được triển khai trên phạm vi toàn Công ty, góp phần nâng cao tư duy đổi mới, năng lực quản trị và chất lượng đội ngũ, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

+ Việc xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Trong giai đoạn vừa qua Công ty đã tập trung rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nội bộ nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ, phù hợp với quy định của pháp luật và đặc thù doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế. Trên cơ sở Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty đã ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý trên các lĩnh vực như quản trị doanh nghiệp, tài chính, lao động – tiền lương, đầu tư, mua sắm, quản lý vật tư, quản lý chất lượng, kinh doanh và kiểm soát nội bộ, bảo đảm rõ chức năng, rõ trách nhiệm, tăng cường phân cấp gắn với kiểm soát hiệu quả.

+ Triển khai thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng – an ninh, nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao thực hiện

Công ty tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt trong lĩnh vực dệt may quân đội. Xác định bảo đảm quân trang là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, Công ty đã ưu tiên nguồn lực toàn diện từ khâu lập kế hoạch, chuẩn bị vật tư – phụ liệu, bố trí năng lực sản xuất đến tổ chức điều hành linh hoạt, sẵn sàng tăng ca, giãn ca khi cần thiết, nhằm bảo đảm tuyệt đối tiến độ và chất lượng.

Bên cạnh đó Công ty đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến và chế thử sản phẩm mới theo yêu cầu thực tiễn; từng bước làm chủ công nghệ dệt – nhuộm – in. Trong kỳ, Công ty đã sản xuất thành công hai loại vải mới, đưa sản phẩm vải trở thành mặt hàng mũi nhọn; tỷ lệ đáp ứng nhu cầu Quân đội đối với các nhóm sản phẩm dệt kim, dệt tằm, khăn mặt và vải dệt thoi đạt khoảng 50%.

Trong các năm 2024–2025, Công ty vinh dự được giao bảo đảm trang phục phục vụ luyện tập và diễn, duyệt binh cho 55 khối tham gia cùng Ban Tổ chức và 36 đơn vị thuộc các quân, binh chủng toàn quân nhân dịp kỷ niệm 50 năm Giải phóng miền Nam, 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, kỷ niệm Giải phóng Thủ đô và sự kiện quốc tế quan trọng. Công ty đã tổ chức triển khai đồng bộ từ chế mẫu, duyệt

mẫu, đo may, mặc thử đến bàn giao. Toàn bộ trang phục bảo đảm đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, kiểu dáng và tiến độ; được lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu và các đơn vị đánh giá cao, tặng Bằng khen.

Đặc biệt, trước tình hình thiên tai, bão lũ nghiêm trọng tại các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung năm 2025, thực hiện chỉ đạo của Thủ trưởng Tổng cục Công ty đã kịp thời triển khai nhiệm vụ sản xuất hàng ủng hộ đồng bào vùng lũ trong thời gian rất ngắn, bảo đảm chất lượng, tiến độ và yêu cầu sử dụng thực tế, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội, tinh thần tương thân tương ái và vai trò tiên phong của doanh nghiệp quốc phòng trong việc chung tay cùng Đảng, Nhà nước và Quân đội chăm lo đời sống nhân dân, góp phần khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống cho đồng bào vùng bị ảnh hưởng.

Những kết quả trên thể hiện rõ năng lực tổ chức sản xuất quy mô lớn, khả năng thích ứng cao trước biến động thị trường và yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời cùng cố vai trò trụ cột của Công ty cổ phần X20 trong hệ thống bảo đảm quân trang, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển giai đoạn tiếp theo.

- Về tình hình hoạt động, quản trị, tuân thủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, các đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đã quán triệt đầy đủ, tổ chức triển khai đúng quy định. Sau Đại hội, Công ty bám sát chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật về định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, tổ chức điều hành linh hoạt, triển khai đồng bộ các giải pháp, qua đó hoàn thành và cơ bản vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong quá trình hoạt động, Công ty chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty, các quy định của Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật và Bộ Quốc phòng; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, bảo đảm hoạt động quản trị, điều hành đúng quy định, an toàn và hiệu quả.

+ Công tác tài chính

Trong giai đoạn vừa qua, vốn đầu tư của chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển, tài sản và nguồn vốn của Công ty được quản lý, sử dụng hiệu quả. Công ty đã tập trung rà soát, xử lý và cơ bản giải quyết được phần lớn các tồn đọng về tài chính phát sinh từ nhiều năm trước, qua đó làm lành mạnh tình hình tài chính.

Cùng với đó, công tác quản lý tài chính được tăng cường, đặc biệt quản trị tốt nguồn vốn để đảm bảo cho sản xuất kinh doanh; quản lý tốt công nợ và hàng tồn kho để hạn chế tối đa tồn đọng về tài chính. Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh.

+ Công tác chính sách chế độ lao động, tiền lương

Về nguồn nhân lực, Công ty hiện có 1.783 lao động phân bố tại 07 tỉnh, thành phố; trong đó 241 người có trình độ đại học và trên đại học (11,4%), 260 người trình độ cao đẳng (14%), cùng đội ngũ thợ lành nghề đông đảo, gắn bó lâu

dài với Công ty. Lực lượng cán bộ, người lao động cơ bản có kinh nghiệm thực tiễn, năng lực chuyên môn vững, nhiều cá nhân có khả năng tổ chức, điều hành độc lập và phối hợp hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị được giao.

Tuy nhiên, đặc thù ngành nghề nặng nhọc, môi trường lao động gò bó cùng áp lực cạnh tranh và chi phí gia tăng đã ảnh hưởng đến khả năng thu hút và giữ chân lao động. Giai đoạn 2021-2025 quân số toàn Công ty giảm 440 người (16%). Đội ngũ kỹ thuật chuyên sâu (may, dệt, nhuộm, in) và nhân sự có năng lực ngoại ngữ còn thiếu; độ tuổi bình quân tương đối cao (khu vực Hà Nội khoảng 43,5 tuổi), đặt ra yêu cầu cấp thiết về trẻ hóa và nâng cao chất lượng nhân lực.

Công ty đã chú trọng nâng cao chất lượng bữa ăn ca cho người lao động, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đúng tiêu chuẩn chất lượng, định lượng và thực hiện công khai tài chính theo quy định. Đồng thời, triển khai tốt công tác y tế lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, góp phần bảo đảm sức khỏe và ổn định lực lượng lao động.

Công ty từng bước điều chỉnh hệ thống thang, bảng lương theo hướng phù hợp với quy định hiện hành và mặt bằng thị trường lao động, gắn với việc nâng cao mức đóng bảo hiểm xã hội, đáp ứng nhu cầu, quyền lợi chính đáng của người lao động, đặc biệt trong chế độ khi nghỉ hưu.

+ Quản lý hành chính, hậu cần, môi trường

Duy trì thực hiện tốt công tác tuần tra, canh gác, chế độ trực đảm bảo an toàn cơ quan, đơn vị; thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn chỉ đạo nghiệp vụ tại các đơn vị thành viên.

Hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai phối hợp với lực lượng cảnh sát PCCC địa phương, tổ chức huấn luyện hàng năm, cấp chứng chỉ nghiệp vụ cho trên 700 lượt cán bộ, nhân viên; 03 lần rà soát, kiện toàn các Đội PCCC cơ quan, đơn vị. Phối hợp, thực hiện tốt công tác đánh giá nhà máy của các khách hàng.

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng theo đúng quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và quy chế của Công ty. Trong kỳ, Công ty đã phối hợp xử lý hiệu quả các vướng mắc pháp lý tại điểm đất số 4 Lê Hồng Phong, thành phố Thanh Hóa (hoàn tất ký kết hợp đồng thuê đất); thu hồi thành công diện tích đất tại 202 Tô Hiến Thành (TP. Hồ Chí Minh); bàn giao tòa nhà 55 Cửa Đông (Hà Nội) cho Thành phố; thu hồi các điểm đất tại Đà Nẵng và Trần Duy Hưng (Hà Nội); đồng thời hoàn tất thủ tục ký hợp đồng thuê đất với Bộ Quốc phòng, bảo đảm quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích và hiệu quả quỹ đất được giao.

b) Tồn tại hạn chế

- Những mục tiêu chưa thực hiện

+ Việc hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT và sáp nhập Trung tâm Mẫu mốt vào Phòng Kỹ thuật - Công nghệ chưa được thực hiện.

+ Năng suất lao động và kiểm soát chi phí giá thành còn hạn chế; phát triển hàng kinh tế nội địa chưa đồng đều, chủ yếu tập trung tại XN Do may Quân đội và Xí nghiệp Thương mại, trong khi nhiều đơn vị còn thụ động, phụ thuộc vào Công ty. Thị trường tiêu thụ vải nội địa của ngành Dệt còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng.

+ Hệ thống điều lệ, quy chế và phân công nhiệm vụ đã sửa đổi, song vẫn còn một số điểm chưa thực sự phù hợp; quá trình triển khai còn vướng mắc, đặc biệt ở khâu vận hành chưa linh hoạt, ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị chung.

- Một số dự án mở rộng, nâng cấp nhà xưởng và đầu tư thiết bị chưa bảo đảm tiến độ do vướng thủ tục.

- Việc ứng dụng phần mềm quản lý, chuyển đổi số và triển khai sản xuất tinh gọn tại một số đơn vị chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ. Công tác ban hành, điều chỉnh quy chế có thời điểm chậm so với yêu cầu thực tiễn. Chế độ báo cáo, kỷ luật điều hành ở một số đơn vị chưa nghiêm.

- Tình trạng giảm lao động, nhất là lao động có tay nghề và kinh nghiệm tại khu vực Hà Nội, tiếp tục diễn ra; công tác tuyển dụng mới còn hạn chế. Thu nhập người lao động chưa cải thiện rõ rệt, chính sách giữ chân nhân lực chất lượng cao chưa đủ sức cạnh tranh.

- Việc chấp hành nội quy, quy chế ở một số đơn vị chưa nghiêm; ý thức về kỷ luật lao động, vệ sinh công nghiệp, môi trường làm việc và bảo hộ lao động còn hạn chế. Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tuyên truyền, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc chưa chặt chẽ.

- Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Giai đoạn 2021-2025 chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, bất ổn chính trị, suy thoái kinh tế. Bên cạnh đó, việc thay đổi đội ngũ lãnh đạo chủ chốt trong kỳ cũng phần nào tác động đến tiến độ triển khai và hiệu quả thực hiện một số nhiệm vụ.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có thời điểm chưa thật sự quyết liệt; tính chủ động, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; việc dự báo, thích ứng với biến động thị trường và tổ chức thực hiện các giải pháp đột phá chưa kịp thời, ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn Công ty.

5. Đánh giá chung

Trong nhiệm kỳ 2021-2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được triển khai đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Bộ Quốc phòng; công tác quản trị, điều hành từng bước được tăng cường theo hướng kỷ cương, chặt chẽ và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp. Nhiệm kỳ bắt đầu trong điều kiện nhiều khó khăn kéo dài từ giai đoạn trước như tình hình tài chính, công nợ, hàng tồn kho lớn, vòng quay vốn chậm, bộ máy tổ chức còn cồng kềnh, hiệu quả quản trị hạn chế; đồng thời

chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 và suy giảm kinh tế toàn cầu, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều thách thức.

Trước tình hình đó, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp về tổ chức sản xuất, phát triển thị trường, đầu tư, tái cơ cấu bộ máy và nâng cao năng lực quản trị; từng bước vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra, giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong lĩnh vực dệt may quân đội, đồng thời mở rộng hoạt động kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhiệm vụ sản xuất quân trang – nhiệm vụ chính trị trung tâm – luôn được bảo đảm; Công ty chủ động tổ chức sản xuất linh hoạt, từng bước làm chủ công nghệ dệt – nhuộm – may, nâng cao tỷ lệ tự chủ nguyên liệu, đáp ứng tốt yêu cầu của Quân đội.

Hoạt động kinh tế, xuất khẩu và thị trường nội địa được cơ cấu lại theo hướng hiệu quả; từng bước chuyển sang phương thức FOB, mở rộng khách hàng, duy trì thị trường xuất khẩu, phát triển lĩnh vực đồng phục, bảo hộ lao động và hàng dân sinh; đồng thời từng bước đa dạng hóa ngành nghề, phát triển thương mại, dịch vụ, khách sạn – du lịch, góp phần tăng nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

Công tác quản trị, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ; hệ thống quy chế được hoàn thiện, bộ máy được sắp xếp theo hướng tinh gọn, tăng phân cấp, nâng cao tính tự chủ; các mô hình quản lý tiên tiến, Lean, 5S, ERP, văn phòng số được áp dụng, từng bước hiện đại hóa quản trị. Hoạt động đầu tư tập trung vào đổi mới thiết bị, mở rộng nhà xưởng, nâng cao năng lực dệt – nhuộm – may; Công tác quản lý tài chính, tài sản, đất quốc phòng, an toàn, môi trường được thực hiện đúng quy định, bảo đảm ổn định cho sản xuất kinh doanh.

Đến cuối nhiệm kỳ, các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng so với năm 2021 – thời điểm đầu nhiệm kỳ; trong đó doanh thu tăng 22,3%, lợi nhuận trước thuế tăng 240%, thu nhập bình quân người lao động tăng 38,4%. Vốn của doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển, các nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ Quốc phòng được thực hiện đầy đủ; việc làm và đời sống người lao động được bảo đảm ổn định. Những kết quả đạt được khẳng định hiệu quả quản trị từng bước được nâng cao, đồng thời uy tín và thương hiệu X20 tiếp tục được giữ vững và phát huy.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2021–2025 là cơ sở quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập quốc tế.

IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

1. Đánh giá môi trường hoạt động SXKD

a) Bối cảnh quốc tế và trong nước

- Quốc tế

Giai đoạn 2026–2030, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xung đột cục bộ, bất ổn chính trị, biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu và chi phí

logistics tiếp tục tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, đa dạng hóa nguồn cung và dịch chuyển sản xuất sang các quốc gia có môi trường ổn định, chi phí hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế sẽ diễn ra mạnh mẽ, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may.

Cùng với đó, cạnh tranh về khoa học công nghệ, đặc biệt trong các lĩnh vực tự động hóa, vật liệu mới, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và quản trị thông minh đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất và mô hình kinh doanh. Xu thế số hóa, xanh hóa, phát triển bền vững, giảm phát thải, sử dụng năng lượng sạch, bảo đảm trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, nhất là trong lĩnh vực dệt may xuất khẩu.

Các yếu tố an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng và gián đoạn chuỗi cung ứng tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao khả năng thích ứng, chủ động nguồn nguyên liệu, tăng cường tự chủ công nghệ và năng lực quản trị rủi ro.

Việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP mở ra cơ hội tiếp cận các thị trường lớn với ưu đãi thuế quan, đồng thời thương mại điện tử và kinh tế số phát triển mạnh tạo thêm kênh mở rộng thị trường.

- Trong nước

Giai đoạn 2026–2030, tình hình trong nước dự báo tiếp tục ổn định về chính trị, kinh tế vĩ mô được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, cùng với áp lực về chi phí lao động, nguyên vật liệu, tiêu chuẩn môi trường và trách nhiệm xã hội sẽ đặt ra nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may và công nghiệp phục vụ quốc phòng.

Trong thời gian tới, việc triển khai các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và Chính phủ về phát triển kinh tế – xã hội, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tinh gọn bộ máy, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và đột phá phát triển khoa học công nghệ sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp. Các chính sách về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ chế tự chủ sản xuất kinh doanh, đấu thầu, cũng như các quy định về môi trường, lao động, an toàn sản xuất và tiêu chuẩn chất lượng ngày càng được siết chặt, đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị, chủ động đổi mới công nghệ và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Đối với lĩnh vực sản xuất quân trang, quân nhu và hàng dệt may, yêu cầu về chất lượng, tiến độ, tính đồng bộ, khả năng tự chủ trong nước và ứng dụng công nghệ mới ngày càng cao; đồng thời việc đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa quản trị, phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp lưỡng dụng và tăng cường liên kết sản xuất trong nước sẽ tạo cơ hội để doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh đó, hoạt động của Công ty giai đoạn 2026–2030 vừa có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, vừa chịu áp lực đổi mới mạnh mẽ về công nghệ, tổ chức và quản trị; đòi hỏi phải chủ động thích ứng với cơ chế thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy lợi thế doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế, bảo đảm phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững.

b) Xu hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp

Trong giai đoạn tới, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xu thế tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu, cạnh tranh về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và yêu cầu phát triển bền vững sẽ tác động trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Công ty có gần 70 năm xây dựng và phát triển, là doanh nghiệp dệt may chủ lực của Quân đội, có hệ thống tổ chức ổn định, nền nếp, luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật. Uy tín trong sản xuất quân trang được giữ vững; năng lực tổ chức sản xuất, điều hành đơn hàng lớn và thực hiện nhiệm vụ đột xuất được khẳng định. Hệ thống nhà máy, xí nghiệp, trang thiết bị tương đối đồng bộ; có chuỗi dệt – nhuộm – in – may khép kín, tạo lợi thế cạnh tranh. Đội ngũ cán bộ, người lao động có kinh nghiệm, kỹ thuật cao; cơ sở vật chất và quỹ đất có giá trị, thuận lợi cho khai thác và phát triển ngành nghề.

Tuy nhiên năng suất lao động và hiệu quả sản xuất ở một số khâu còn thấp; chi phí sản xuất cao; mức độ tự động hóa và chuyển đổi số chưa đồng bộ. Một số thiết bị dệt – nhuộm đã qua nhiều năm sử dụng, năng suất hạn chế. Nguồn nhân lực có xu hướng già hóa, thiếu lao động kỹ thuật, lao động trẻ và nhân sự có trình độ ngoại ngữ, công nghệ.

Trên cơ sở những thuận lợi, khó khăn nêu trên, mục tiêu của Công ty là tiếp tục giữ vững vai trò doanh nghiệp dệt may quốc phòng nòng cốt của Quân đội, phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; nâng cao năng lực tự chủ sản xuất, hoàn thiện chuỗi dệt – nhuộm – in – may, mở rộng thị trường xuất khẩu và nội địa, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và sử dụng hiệu quả vốn, tài sản.

Đối với lĩnh vực sản xuất quân trang, quân nhu, bảo đảm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tiến độ, tính đồng bộ và khả năng sẵn sàng huy động khi có tình huống quốc phòng, an ninh. Đây vừa là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, vừa là lợi thế đặc thù để Công ty giữ vững vai trò doanh nghiệp nòng cốt trong ngành dệt may Quân đội.

Trong lĩnh vực dệt – nhuộm – in – may và xuất khẩu, xu hướng chung là chuyển dịch từ gia công đơn giản sang sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín, tăng tỷ trọng FOB, ODM, nâng cao hàm lượng kỹ thuật và giá trị gia tăng.

Đối với thị trường nội địa, nhu cầu về đồ dùng phục vụ ngành, bảo hộ lao động và các sản phẩm may mặc chất lượng cao tiếp tục gia tăng, cần đẩy mạnh đổi mới phương thức kinh doanh theo hướng phát triển thương mại điện tử và đa

kênh, nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Hoạt động thương mại, dịch vụ, khách sạn – du lịch và khai thác hạ tầng tiếp tục phát triển theo hướng hỗ trợ cho sản xuất chính, góp phần đa dạng hóa nguồn thu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và tăng tính ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc khai thác hiệu quả nhà xưởng và cơ sở vật chất hiện có là một trong những hướng quan trọng để tăng năng lực tài chính và tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển.

2. Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030

Tầm nhìn

Đến năm 2035, Công ty cổ phần X20 phấn đấu trở Tập đoàn công nghiệp dệt may kỹ thuật cao lương dụng hàng đầu của Quân đội. Làm chủ chuỗi giá trị dệt – nhuộm – in – may, tiên phong trong sản xuất xanh và nhà máy thông minh, cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho quốc phòng và thị trường quốc tế.

Đến năm 2035, Công ty cổ phần X20 phấn đấu trở Tập đoàn công nghiệp dệt may lương dụng hàng đầu của Quân đội, giữ vai trò nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời là đơn vị sản xuất và cung ứng sản phẩm dệt may kỹ thuật cao cho thị trường trong nước và quốc tế.

Công ty Cổ phần X20 phát triển theo mô hình tập đoàn công nghiệp – dịch vụ lương dụng, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ kinh tế; xây dựng chuỗi giá trị khép kín dệt – nhuộm – in – may – dịch vụ, ứng dụng công nghệ hiện đại, quản trị tiên tiến, chuyển đổi số toàn diện, bảo đảm tăng trưởng bền vững, hiệu quả và minh bạch.

Công ty hướng tới xây dựng thương hiệu GATEXCO 20 trở thành thương hiệu uy tín trong lĩnh vực quân trang, đồng phục ngành và sản phẩm dệt may kỹ thuật cao, đồng thời từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ và khai thác hiệu quả tài sản, mặt bằng và hạ tầng hiện có.

Sứ mệnh:

Bảo đảm vững chắc chất lượng quân trang cho Quân đội, đồng thời phát triển chuỗi dệt – nhuộm – in – may chất lượng giá trị cao, vận hành xanh và thông minh, góp phần nâng cao năng lực công nghiệp quốc phòng và vị thế Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

2.1. Giữ vững vai trò doanh nghiệp chủ lực sản xuất quân trang

Tiếp tục xác định sản xuất quân trang cho Quân đội là nhiệm vụ chính trị trung tâm, là nền tảng ổn định và phát triển lâu dài của Công ty. Tập trung đầu tư nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng:

Quân phục các loại, Trang phục chất lượng cao, vải Quân trang chất lượng cao, Hàng dệt kim quân đội, Các sản phẩm khác phục vụ các lực lượng Dự bị động viên, Dân quân tự vệ....

Phấn đấu nâng cao tỷ lệ chủ động nguyên vật liệu và phát triển các loại vải kỹ thuật mới phục vụ quốc phòng.

a) Phát triển mạnh ngành dệt – nhuộm - in – may theo chuỗi khép kín

Đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất của các ngành: Dệt - nhuộm - in - may

Xây dựng chuỗi giá trị khép kín từ nguyên liệu vải đến sản phẩm hoàn chỉnh, giảm phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài, nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất.

Ưu tiên đầu tư các thiết bị tự động hóa, công nghệ cao và áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (Lean) nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

b) Phát triển thị trường xuất khẩu theo mô hình FOB, ODM

Chuyển dịch dần từ mô hình gia công truyền thống (CMT) sang mô hình **FOB và ODM**, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng.

Từng bước hình thành năng lực:

- Quản trị chuỗi cung ứng
- Chủ động nguyên phụ liệu
- Thiết kế sản phẩm
- Phát triển khách hàng quốc tế

Đến năm 2030, phấn đấu nâng tỷ trọng đơn hàng FOB và các hình thức giá trị gia tăng cao lên mức **30–40% tổng doanh thu**.

c) Phát triển thị trường nội địa và đồng phục ngành

Mở rộng thị trường đồng phục ngành trong nước, tập trung vào các lĩnh vực:

- Ngân hàng, hàng không, viễn thông, doanh nghiệp lớn, cơ quan nhà nước
- Phát triển các dòng sản phẩm: Đồng phục cao cấp; Bảo hộ lao động; sản phẩm dệt may phục vụ dân sinh
- Từng bước xây dựng thương hiệu **X20** trở thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực đồng phục và sản phẩm dệt may chất lượng cao.

d) Phát triển dịch vụ và khai thác hiệu quả tài sản

Phát huy lợi thế về quỹ đất, nhà xưởng và cơ sở hạ tầng hiện có để phát triển các hoạt động: Khách sạn; Nhà hàng; Cho thuê mặt bằng; cho thuê văn phòng; Dịch vụ thương mại

Hình thành hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản nhân đôi của Công ty.

2.2. Chiến lược tái cấu trúc công ty theo định hướng giai đoạn 2026 -2030

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty cổ phần X20 định hướng kiện toàn mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên môn hóa cao và phù hợp với định hướng phát triển ba khối kinh doanh chiến lược.

Mô hình tổ chức được xây dựng theo cấu trúc Công ty mẹ – các khối kinh doanh – các đơn vị thành viên, bảo đảm sự thống nhất trong quản trị và nâng cao hiệu quả điều hành.

a) Công ty mẹ

Công ty mẹ giữ vai trò trung tâm trong việc:

Hoạch định chiến lược phát triển, Quản trị tài chính, Quản trị nhân lực, Phát triển thị trường, Quản lý thương hiệu, điều phối hoạt động toàn hệ thống.

Trong giai đoạn này, Công ty cổ phần X20 định hướng tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo **03 khối kinh doanh chiến lược**, nhằm nâng cao tính chuyên môn hóa, hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

b) Khối kinh doanh Dệt – May nội địa

Khối này giữ vai trò **nền tảng chiến lược**, thực hiện đồng thời nhiệm vụ quốc phòng và kinh tế trong nước.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu gồm:

Sản xuất quân trang cho Quân đội

- Quân phục Đo may cao cấp
- Quân phục hàng loạt
- Các sản phẩm dệt kim các loại
- Trang phục dự bị động viên, Dân quân tự vệ

Sản xuất vải và vật tư dệt phục vụ quốc phòng

- Vải dệt thoi; vải dệt kim; vải kỹ thuật quân dụng, Vải phụ liệu cho May xuất khẩu, các sản phẩm dệt phụ trợ

Sản xuất đồng phục ngành trong nước

- Ngân hàng, tập đoàn kinh tế, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp lớn

Sản phẩm dệt may dân sinh

- Thời trang công sở, sản phẩm dệt may phổ thông, bảo hộ lao động.

Khối này sẽ tiếp tục khai thác và phát huy thương hiệu **X20** trong thị trường nội địa.

c) Khối may mặc xuất khẩu

Trong giai đoạn tới, Công ty định hướng tái cơ cấu các đơn vị sản xuất phục vụ xuất khẩu theo hướng tập trung, chuyên nghiệp và quy mô lớn.

Ba Công ty TNHH hiện nay sẽ từng bước sáp nhập, hợp nhất để hình thành một doanh nghiệp chuyên trách xuất khẩu:

Khối này tập trung vào các hoạt động:

- Gia công xuất khẩu
- Phát triển khách hàng quốc tế
- Tổ chức chuỗi cung ứng nguyên phụ liệu
- Từng bước triển khai mô hình FOB, ODM

Các dòng sản phẩm chủ lực gồm: áo jacket, áo lông vũ, Quần áo thể thao, Trang phục kỹ thuật ngoài trời

Việc hình thành X20 Global Corporation sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa quản trị sản xuất và mở rộng thị trường quốc tế.

d) Khối kinh doanh dịch vụ khách sạn, tổ chức sự kiện, nhà hàng và khai thác hạ tầng

Khối này được định hướng phát triển theo mô hình dịch vụ – bất động sản văn phòng cho thuê và nhà xưởng, kho bãi..., nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có của Công ty.

- Các lĩnh vực hoạt động chính gồm:

Kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch

- Khai thác và vận hành Sea Soul Hotel, mở rộng thêm một số khách sạn trên diện tích đất
- Phát triển các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, du lịch, thể thao, chăm sóc sức khỏe...

Cho thuê mặt bằng và nhà xưởng

- Nhà xưởng sản xuất
- Kho bãi
- Trung tâm logistics

Cho thuê văn phòng và dịch vụ thương mại

- Văn phòng làm việc
- Dịch vụ thương mại
- Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Khối dịch vụ sẽ góp phần đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty.

3. Chiến lược đầu tư phát triển năng lực sản xuất

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty cổ phần X20 định hướng triển khai chiến lược đầu tư theo hướng mở rộng năng lực sản xuất, nâng cao tính linh hoạt

của chuỗi cung ứng và tối ưu hóa chi phí sản xuất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ quốc phòng và hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1 Mở rộng hệ thống nhà máy tại các địa phương có lợi thế nhân công

Trên cơ sở đánh giá nhu cầu thị trường và năng lực sản xuất hiện có, Công ty dự kiến nghiên cứu, đầu tư từ 01 đến 02 nhà máy may mới tại các địa phương có lợi thế về:

- Nguồn lao động dồi dào
- Chi phí nhân công hợp lý
- Quỹ đất và hạ tầng thuận lợi
- Chính sách thu hút đầu tư của địa phương

Các địa bàn ưu tiên nghiên cứu gồm một số tỉnh khu vực:

- Đồng bằng sông hồng
- Bắc Trung Bộ
- Trung du miền núi phía Bắc
- Hoặc các địa phương có truyền thống lao động trong ngành dệt may.

Việc mở rộng nhà máy nhằm:

- Tăng năng lực sản xuất hàng xuất khẩu
- Nâng cao khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn
- Phân bổ lại nguồn lao động và giảm áp lực lao động tại khu vực Hà Nội.

Các nhà máy mới sẽ được đầu tư theo hướng hiện đại, tự động hóa cao, áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn (Lean Manufacturing), bảo đảm hiệu quả và tính cạnh tranh dài hạn.

3.2. Phát triển hệ thống doanh nghiệp vệ tinh hợp tác sản xuất

Bên cạnh việc mở rộng nhà máy trực thuộc, Công ty định hướng xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp vệ tinh hợp tác sản xuất, nhằm gia tăng tính linh hoạt của chuỗi cung ứng và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Các doanh nghiệp vệ tinh sẽ tham gia một số công đoạn sản xuất như:

- May gia công một số dòng sản phẩm
- Gia công chi tiết sản phẩm
- Hoàn thiện bán thành phẩm
- Sản xuất một số phụ trợ dệt may.

Công ty cổ phần X20 giữ vai trò:

- Tổ chức chuỗi cung ứng
- Cung cấp nguyên phụ liệu

- Kiểm soát chất lượng sản phẩm
- Điều phối đơn hàng.

Mô hình hợp tác này giúp Công ty:

- Mở rộng nhanh năng lực sản xuất
- Giảm chi phí đầu tư ban đầu
- Tăng tính linh hoạt khi thị trường biến động
- Tạo việc làm cho các địa phương.

3.3. Nâng cao năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng đơn hàng lớn

Thông qua việc kết hợp:

- Mở rộng nhà máy trực thuộc
- Phát triển mạng lưới vệ tinh
- Nâng cấp công nghệ hiện có

Công ty phấn đấu nâng cao tổng năng lực sản xuất trong giai đoạn 2026–2030, bảo đảm khả năng đáp ứng đồng thời:

- Các nhiệm vụ sản xuất quân trang quy mô lớn
- Các đơn hàng xuất khẩu giá trị cao
- Các hợp đồng đồng phục ngành trong nước.

Việc mở rộng năng lực sản xuất cũng là cơ sở để Công ty từng bước chuyển dịch sang các hình thức sản xuất có giá trị gia tăng cao như FOB và ODM, nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế cạnh tranh của X20 trên thị trường trong nước và quốc tế.

4. Mục tiêu tổng quát

a) Mục tiêu tổng quát

Giai đoạn 2026–2030, Công ty Cổ phần X20 phát triển theo hướng ổn định – bền vững – hiệu quả, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trọng tâm là sản xuất quân trang phục vụ Quân đội, đồng thời đẩy mạnh sản xuất – kinh doanh hàng kinh tế, xuất khẩu và dịch vụ; từng bước hiện đại hóa quản trị – vận hành, nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng cho phát triển dài hạn và hội nhập quốc tế. Trở thành nhóm công ty (tập đoàn) kinh tế lưỡng dụng, có quy mô thuộc top đầu trong các doanh nghiệp quân đội.

b) Mục tiêu cụ thể

Doanh thu tăng trưởng bình quân khoảng 5%/năm, trong đó doanh thu hàng kinh tế tăng trưởng bình quân trên 10%/năm. Lợi nhuận tăng trưởng từ 5%/năm, gắn với nâng cao hiệu quả quản trị và tiết giảm chi phí. Thu nhập bình quân người lao động tăng ổn định, phấn đấu đạt mức tăng tối thiểu 6%/năm.

Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, vốn cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Hàng quốc phòng: Giữ vững và mở rộng sản lượng, ưu tiên các mặt hàng truyền thống và có lợi thế công nghệ; tăng mạnh doanh thu hàng dệt kim, chủ động đáp ứng nhiệm vụ đột xuất.

Hàng kinh tế, xuất khẩu: Mở rộng thị trường khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, từng bước tiếp cận thị trường toàn cầu, phấn đấu nâng tỷ trọng doanh thu FOB lên khoảng 20% vào cuối giai đoạn.

Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ (bất động sản, nhà hàng, sự kiện, dịch vụ chăm sóc sức khỏe...) theo hướng chuyên nghiệp, an toàn vốn, hiệu quả cao.

Chủ động đề xuất nghiên cứu – phát triển sản phẩm mới; tập trung đồng phục ngành, nhóm sản phẩm dân dụng – tiêu dùng tiềm năng; củng cố các sản phẩm truyền thống, chính quy, DQTV, phân cấp.

5. Các nhiệm vụ chủ yếu

a) Về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh

Trong giai đoạn 2026–2030, Công ty tiếp tục xác định thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh; tập trung xây dựng năng lực sản xuất quân trang, quân nhu theo hướng chính quy, hiện đại, có khả năng tự chủ cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh, tiến tới hiện đại. Công ty chủ động đầu tư nâng cao năng lực dệt – nhuộm – in – may, hoàn thiện chuỗi sản xuất khép kín, tăng tỷ lệ nội địa hóa nguyên liệu, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng, tiến độ và khả năng sẵn sàng huy động khi có tình huống quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục chủ động nâng cao năng lực quản trị, năng lực kỹ thuật và tổ chức sản xuất, tăng cường dự trữ vật tư chiến lược, xây dựng phương án sản xuất linh hoạt, bảo đảm tham gia hiệu quả các chương trình đặt hàng, đấu thầu và các nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng giao;

Công ty duy trì lực lượng, phương tiện, nhà xưởng và hệ thống sản xuất trong trạng thái sẵn sàng, bảo đảm có thể triển khai nhanh các nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ phục vụ các sự kiện chính trị, quân sự trọng đại của đất nước, Quân đội; các nhiệm vụ bảo đảm trang phục, quân trang cho các ngày lễ lớn của Nhà nước, cũng như nhiệm vụ phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, hỗ trợ nhân dân khi có yêu cầu.

Trong giai đoạn tới, Công ty tiếp tục phát huy lợi thế doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế, gắn nhiệm vụ bảo đảm quân trang với phát triển sản xuất kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tăng cường tiềm lực công nghiệp

quốc phòng, đồng thời tạo nền tảng để Công ty phát triển ổn định, bền vững, đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng – an ninh trong mọi tình huống.

- Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc Công ty; quy hoạch, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất theo hướng tinh gọn, tập trung, hiệu quả; triển khai đồng bộ số hóa Quản trị – Sản xuất – Kinh doanh; xây dựng nền tảng thương mại điện tử phù hợp với đặc thù doanh nghiệp; Tiếp tục chuyển đổi số, đưa phần mềm TRE vào vận hành thông suốt; đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với xây dựng “văn hóa số”; từng bước triển khai chuyển đổi xanh phù hợp điều kiện Công ty.

Điều chỉnh cơ cấu công ty về mô hình ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị; xây dựng phương án cơ cấu lại 03 Công ty may (Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An, Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa và Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên) theo hướng sáp nhập, hợp nhất để hình thành một Công ty chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, bảo đảm hoạt động ổn định, phù hợp với định hướng sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong giai đoạn tới; di chuyển Xí nghiệp Dệt kim về X20 Nam Định gắn với rà soát, sắp xếp lại mô hình tổ chức và biên chế theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị trong toàn Công ty. Triển khai lộ trình dừng hoạt động Trường Mầm non theo quy định; đồng thời xây dựng mô hình Công ty vệ tinh nhằm chủ động nguồn lao động, bổ trợ năng lực sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức khai thác Nhà khách phía Nam/Khách sạn Sea Soul hiệu quả; khai thác hiệu quả nhà xưởng, văn phòng tại các vị trí (Khu A và số 4 Lê Hồng Phong – Thanh Hóa; tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để thực hiện bàn giao điểm đất tại Phú Lý, Hà Nam theo đúng quy định.

Ưu tiên đầu tư MMTB, đẩy chuyển sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả; bảo đảm tiến độ các dự án trọng điểm: cải tạo tòa nhà 202 Tô Hiến Thành để khai thác thương mại, dịch vụ; hoàn thành Văn phòng Khu B.

Tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong sản xuất quân phục đo may và quân trang của Quân đội. Từng bước mở rộng thị trường toàn cầu, nâng tỷ trọng xuất khẩu trực tiếp theo phương thức FOB, gia tăng giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế.

Kiện toàn bộ phận kinh doanh, phân công rõ trách nhiệm tăng doanh thu hàng đồng phục ngành Tập đoàn, Tổng Công ty, hàng DQTV, hàng phân cấp... ; Xây dựng thương hiệu, tập trung đẩy mạnh bán hàng online – TMĐT; chuẩn hóa định biên; khai thác tốt sản phẩm hiện có và phát triển mặt hàng mới theo thị hiếu.

Đẩy mạnh hoạt động R&D, phát triển các dòng sản phẩm thương mại dựa trên năng lực cốt lõi của Công ty; trong giai đoạn phân đầu hình thành ít nhất 03 sản phẩm/dòng sản phẩm thương mại chủ lực cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Từng bước xây dựng nhãn hiệu sản phẩm xuất khẩu riêng, nâng cao giá trị và vị thế thương hiệu X20 trên thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh nghiên cứu, chế thử các sản phẩm mới phục vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của bộ đội trong điều kiện huấn luyện, tác chiến công nghệ cao. Ưu tiên phát triển sản phẩm sử dụng nguyên liệu, công nghệ thân thiện môi trường, an toàn cho sức khỏe, phù hợp xu hướng phát triển bền vững.

Đẩy mạnh tuyển dụng – đào tạo – phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung, tăng cường phân cấp, giao quyền gắn với trách nhiệm và hiệu quả công việc, đặc biệt tại các điểm nóng thiếu lao động; phát triển đội ngũ quản lý cấp trung, đội ngũ kỹ thuật và thị trường.

Từng bước thực hiện chuyển đổi xanh: tuân thủ tiêu chuẩn môi trường, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu; đáp ứng yêu cầu khách hàng và thị trường xuất khẩu. Xây dựng, tuyên bố và thực hành Văn hóa X20 thống nhất trong toàn hệ thống; bố trí ngân sách phù hợp cho hoạt động văn hóa doanh nghiệp hằng năm.

6. Các chỉ tiêu kinh doanh

Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030: Các chỉ tiêu chủ yếu như doanh thu tăng BQ 10%, /năm, trong đó: lợi nhuận tăng 5%, thu nhập của người lao động tăng 6%;

a) Công ty mẹ

- Các chỉ tiêu kinh doanh (Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	1,126,000	1,180,250	1,266,100	1,347,710	1,445,481
	- Doanh thu hàng quốc phòng	597,500	620,000	650,000	670,000	700,000
	- Doanh thu hàng kinh tế	529,500	560,250	616,100	677,710	745,481
2	Lợi nhuận trước thuế	33,400	34,900	36,700	38,500	40,400
3	Lợi nhuận sau thuế	26,720	27,920	29,360	30,800	32,320
4	Lợi nhuận sau thuế/VCSH	9,65	9,89	10,18	10,44	10,70
5	Thu nộp ngân sách	38,600	41,700	45,000	48,600	52,500
	Nộp ngân sách NN	33,866	36,966	40,266	43,866	47,766
	Nộp ngân sách QP	4,734	4,734	4,734	4,734	4,734

b) Hợp nhất

- Các chỉ tiêu kinh doanh (Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Doanh thu thuần	1,233,000	1,356,300	1,491,930	1,641,123	1,805,235
	- Doanh thu hàng quốc phòng	597,500	620,000	650,000	670,000	700,000
	- Doanh thu hàng kinh tế	635,500	736,300	841,930	971,123	1,105,123
2	Lợi nhuận trước thuế	39,300	41,300	43,500	45,700	48,000
3	Lợi nhuận sau thuế	31,440	33,040	34,800	36,560	38,400
4	Lợi nhuận sau thuế/VCSH	10,6	10,9	11,3	11,6	11,9
5	Thu nộp ngân sách	51,030	55,125	59,535	64,350	69,525
	Nộp ngân sách NN	46,296	50,391	54,801	59,616	64,791
	Nộp ngân sách QP	4,734	4,734	4,734	4,734	4,734

7. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030

a) Mục tiêu tổng quát về đầu tư và phát triển giai đoạn 2026–2030

(Có Bảng kê chi tiết kèm theo - Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2026-2030)

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026–2030, Công ty dự kiến triển khai kế hoạch đầu tư với tổng mức đầu tư là 414,666 tỷ đồng, tập trung hiện đại hóa công nghệ và nâng cấp hạ tầng sản xuất. Trong đó: đầu tư máy móc thiết bị ngành may 43,8 tỷ đồng nhằm thay thế, bổ sung thiết bị hiện đại, nâng cao năng suất và chất lượng; đầu tư ngành dệt – nhuộm – in 90,4 tỷ đồng để tăng năng lực nghiên cứu, kiểm soát chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm; đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa 280,46 tỷ đồng nhằm nâng cấp hạ tầng, triển khai các dự án trọng điểm và cải thiện điều kiện sản xuất, cụ thể:

- Đầu tư máy móc thiết bị ngành May: Tổng giá trị đầu tư 43,8 tỷ đồng. Tập trung thay thế, bổ sung thiết bị hiện đại, tự động hóa và tích hợp công nghệ số; bổ sung máy móc phục vụ sản xuất sản phẩm kỹ thuật cao nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng đáp ứng các đơn hàng kỹ thuật cao.

- Đầu tư máy móc thiết bị ngành Dệt – Nhuộm – In: Tổng giá trị đầu tư 90,4 tỷ đồng. Trọng tâm đầu tư máy dệt khăn, dệt tất, thiết bị thí nghiệm – kiểm tra nhuộm và các thiết bị chuyên ngành nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, kiểm soát chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa: Tổng giá trị đầu tư là 280,46 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất (67,6% tổng mức đầu tư). Trong đó:

- + Cải tạo sửa chữa thường xuyên: Tập trung nâng cấp hạ tầng sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc và đề khai thác các nhà xưởng, văn phòng nhân đối đáp ứng yêu cầu an toàn, môi trường và tiêu chuẩn kỹ thuật mới.

- + Xây dựng cơ bản và các dự án khác: Bao gồm triển khai Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng tại Khu B (Long Biên) chào mừng kỷ niệm 70 năm truyền thống Công ty; cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhà xưởng và công trình phụ trợ nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại, bảo đảm an toàn, môi trường và tiêu chuẩn kỹ thuật trong giai đoạn mới.

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026–2030 thể hiện định hướng phát triển chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ và nâng cấp hạ tầng đồng bộ, trong đó trọng tâm là xây dựng cơ bản và nâng cao năng lực ngành dệt – nhuộm – in.

Mục tiêu đầu tư nêu trên nhằm nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả sử dụng vốn, hiện đại hóa hạ tầng và tạo nền tảng phát triển bền vững cho Công ty trong giai đoạn 2026–2030.

b) Nguồn lực để thực hiện các dự án giai đoạn 2026 – 2030

Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026–2030 được xây dựng theo hướng chủ động nguồn lực, lấy vốn tự có làm nền tảng, kết hợp sử dụng vốn vay có kiểm

soát cho các dự án tạo năng lực cốt lõi và giá trị gia tăng cao. Công ty dự kiến triển khai kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026 – 2030 với tổng mức đầu tư 389,8 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 332,5 tỷ đồng (85,3%) và vốn vay 57,3 tỷ đồng (14,7%), bảo đảm cơ cấu tài chính an toàn, chủ động và bền vững.

+ Đầu tư MMTB ngành may: Tổng nhu cầu vốn 43,8 tỷ đồng, sử dụng hoàn toàn từ vốn tự có.

+ Đầu tư máy móc thiết bị ngành dệt – nhuộm – in: Tổng nhu cầu vốn 90,4 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 68,1 tỷ đồng, vốn vay 22,3 tỷ đồng.

+ Đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa: Tổng nhu cầu vốn 255,5 tỷ đồng, trong đó vốn tự có 220,5 tỷ đồng, vốn vay 35,0 tỷ đồng;

Năm 2026, Công ty sử dụng các nguồn tự có, kết hợp cân đối thêm vốn vay để triển khai xây dựng văn phòng mới và thực hiện cải tạo, nâng cấp nhà xưởng, trang bị MMTB ngành dệt- nhuộm. Tại thời điểm 31/12/2025, Quỹ đầu tư phát triển của Công ty đạt 87,1 tỷ đồng. Nguồn khấu hao còn lại 65 tỷ đồng.

8. Kế hoạch cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác:

a) Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục thoái vốn của Công ty tại công ty cổ phần 199.

b) Đầu tư ra nước ngoài : Không có

9. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về quản trị chiến lược, thị trường và thương hiệu

Công ty tập trung nâng cao năng lực quản trị chiến lược theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm điều hành thống nhất, linh hoạt, thích ứng với yêu cầu hội nhập và cơ chế thị trường. Tiếp tục áp dụng đồng bộ các công cụ quản trị tiên tiến như ERP, KPI, Lean, 5S, quản trị số và văn phòng điện tử; nâng cao vai trò công tác kế hoạch, tăng tính chuyên môn hóa gắn với điều phối linh hoạt giữa các đơn vị; đẩy mạnh liên doanh, liên kết, thuê ngoài ở những khâu chưa đủ điều kiện tự chủ nhằm tận dụng nguồn lực xã hội, giảm áp lực đầu tư, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Với gần 70 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quân trang, Công ty sở hữu năng lực sản xuất lớn và đồng bộ theo chuỗi dệt – nhuộm – may, với khả năng sản xuất khoảng 500 nghìn suất quân phục đo may mỗi năm, trên 1 triệu bộ quân phục, đồng phục và các sản phẩm may mặc kỹ thuật cao; năng lực dệt – nhuộm – in đạt hàng triệu mét vải mỗi năm, cùng hệ thống sản phẩm phụ trợ như nút bấm, khấn mặt, dệt kim và các sản phẩm hoàn tất.

Trên cơ sở đó, Công ty tiếp tục xác định sản xuất sản phẩm quốc phòng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, giữ vững vị thế hàng đầu trong lĩnh vực quân phục đo may và các sản phẩm phục vụ lực lượng vũ trang, đồng thời phát huy năng lực sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với thị trường xuất khẩu, Công ty tập trung cơ cấu lại khách hàng theo hướng hiệu quả, tăng tỷ trọng đơn hàng có giá trị gia tăng cao, từng bước chuyển từ gia công sang FOB, ODM; đầu tư chiều sâu cho sản xuất các dòng sản phẩm chủ lực như jacket, áo lông vũ, và các sản phẩm kỹ thuật cao, hướng tới xây dựng sản phẩm mang thương hiệu riêng, nâng cao vị thế của X20 trên thị trường quốc tế.

Đối với thị trường trong nước, Công ty tiếp tục giữ vững vai trò nòng cốt trong sản xuất quân trang, đồng thời mở rộng thị phần trong lĩnh vực đồng phục ngành, bảo hộ lao động, sản phẩm may mặc chất lượng cao phục vụ các tập đoàn, tổng công ty và khách hàng lớn. Hệ thống phân phối được phát triển theo hướng đa kênh, kết hợp giữa cửa hàng truyền thống, đại lý, bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử.

Công tác xây dựng thương hiệu X20 được triển khai theo hướng thống nhất, chuyên nghiệp, gắn với hình ảnh doanh nghiệp quốc phòng uy tín, chất lượng cao; tăng cường hoạt động marketing, truyền thông, xúc tiến thương mại và tham gia các chương trình của Nhà nước, hiệp hội ngành hàng nhằm mở rộng thị trường và nâng cao sức cạnh tranh.

b) Giải pháp về Cơ cấu tổ chức

Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, tập trung, hiệu quả; từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức phù hợp với doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế, bảo đảm quản trị thống nhất, phân cấp rõ ràng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành. Kiện toàn bộ máy kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp, phân công rõ trách nhiệm, tăng cường năng lực phát triển thị trường trong nước, xuất khẩu và thương mại điện tử;

Tăng cường tổ chức khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, nhà khách, văn phòng và các khu nhà xưởng tại các vị trí trọng điểm; chỉ đạo hoạt động khách sạn Sea Soul hiệu quả; ưu tiên đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và thị trường có chất lượng; tăng cường phân cấp, giao quyền gắn với trách nhiệm và hiệu quả; đẩy mạnh tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế cận, đặc biệt tại các đơn vị sản xuất. Đồng thời tiếp tục xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp X20 thống nhất trong toàn hệ thống, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững.

d) Giải pháp về công nghệ, nghiên cứu phát triển

Trong giai đoạn này Công ty xác định phát triển khoa học công nghệ và nghiên cứu phát triển là một trong những giải pháp then chốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ quốc phòng và thị trường trong nước, quốc tế.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho các khâu then chốt trong chuỗi dệt – nhuộm – may như trái vải, cắt tự động, may chuyên dùng, hoàn tất, kiểm tra chất lượng; đồng thời nâng cấp công nghệ nhuộm, in, xử lý hoàn tất, phòng co, đốt

lông, nấu – tẩy – nhuộm liên tục nhằm nâng cao chất lượng vải, tăng tỷ lệ nội địa hóa, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao đối với các mặt hàng quân trang và sản phẩm xuất khẩu.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu – phát triển (R&D), tăng cường năng lực thiết kế, chế thử, cải tiến sản phẩm; chủ động nghiên cứu các loại vật liệu mới, vải kỹ thuật, sản phẩm có tính năng cao phục vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu sử dụng trong điều kiện huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tác chiến hiện đại.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý kỹ thuật, quản trị sản xuất và kiểm soát chất lượng; ứng dụng các phần mềm chuyên ngành trong thiết kế, giác sơ đồ, quản lý đơn hàng, quản lý vật tư, quản lý chất lượng và điều hành sản xuất; từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu số phục vụ quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và giảm chi phí sản xuất.

d) Giải pháp về đầu tư và quản trị tài chính

Tập trung nâng cao hiệu quả công tác đầu tư và quản trị tài chính theo hướng chặt chẽ, an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực tài chính và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển ổn định, bền vững. Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí, giảm chi phí trên đơn vị sản phẩm; kiểm soát chặt chẽ định mức vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng; hạn chế sai hỏng, phế phẩm trong sản xuất; nâng cao năng suất lao động ở cả khối sản xuất và khối quản lý, qua đó cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác quản lý mua sắm, đấu thầu, quản lý vật tư theo hướng công khai, minh bạch, đúng quy định; Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư theo tháng, quý, năm gắn với kế hoạch sản xuất kinh doanh; tăng cường phân tích, dự báo dòng tiền để điều hành linh hoạt, bảo đảm cân đối nguồn vốn cho hoạt động thường xuyên và đầu tư phát triển. Đồng thời, quản lý chặt chẽ công nợ, đẩy nhanh vòng quay vốn, hạn chế phát sinh nợ xấu; thực hiện đầu tư có trọng điểm, phù hợp với khả năng tài chính, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả và an toàn vốn.

Hiện nay, Công ty có quy mô tài chính ổn định, vốn điều lệ 172,5 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu trên 292 tỷ đồng; hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản có hiệu quả, vốn Nhà nước được bảo toàn và phát triển; tình hình tài chính lành mạnh, tài sản và nguồn vốn được quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng quy định. Với vị thế là một trong những doanh nghiệp dệt may quân đội có quy mô lớn, Công ty có khả năng huy động các nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất và phát triển ngành nghề, tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026–2030.

đ) Giải pháp về nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần X20 xác định phát triển nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả quản trị và năng lực cạnh tranh; tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn,

hiệu quả, chuyên nghiệp, phù hợp với mô hình doanh nghiệp quốc phòng kết hợp kinh tế và yêu cầu quản trị hiện đại. Tăng cường phân cấp, ủy quyền gắn với trách nhiệm và kiểm soát; nâng cao vai trò tham mưu, tính chủ động của các phòng, ban và đơn vị trực thuộc; chuẩn hóa mô tả công việc, định danh vị trí việc làm, áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và phần mềm quản trị nhân sự, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số.

Hiện nay, Công ty có 1.783 lao động, trong đó 244 người có trình độ đại học và trên đại học, 260 người trình độ cao đẳng, 1.279 người trình độ trung cấp, công nhân lành nghề và lao động phổ thông; Công ty sở hữu đội ngũ công nhân tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất quân trang, hàng da may và các sản phẩm kỹ thuật cao; đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có trình độ chuyên môn vững, có khả năng tổ chức và điều hành sản xuất quy mô lớn, phức tạp. Với truyền thống gắn bó lâu dài với Quân đội, người lao động có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện khẩn trương, đột xuất, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng và sản xuất kinh doanh.

g) Giải pháp về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng kết hợp kinh tế

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng với phát triển kinh tế, xác định bảo đảm quân trang, quân nhu là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Chủ động tham gia các chương trình đặt hàng, đấu thầu, nhiệm vụ đột xuất do Nhà nước và Bộ Quốc phòng giao; đồng thời mở rộng hợp tác, liên doanh, liên kết để tận dụng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Song song với nhiệm vụ quốc phòng, Công ty đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng kinh tế, hàng xuất khẩu và các hoạt động thương mại, dịch vụ phù hợp với năng lực, nhằm khai thác hiệu quả nhà xưởng, thiết bị và nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

Duy trì lực lượng, phương tiện và năng lực sản xuất trong trạng thái sẵn sàng, bảo đảm có thể triển khai nhanh các nhiệm vụ phục vụ quốc phòng, các nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn khi được giao;

10. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành Công ty căn cứ nhiệm vụ được Bộ Quốc phòng giao và các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 để tổ chức triển khai thực hiện trong toàn Công ty; đồng thời xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung Chiến lược khi cần thiết, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Việc tổ chức thực hiện Chiến lược phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ, đúng định hướng đã được

phê duyệt, gắn chặt với nhiệm vụ quốc phòng – an ninh và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hàng năm, Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính và các kế hoạch chuyên đề phù hợp với mục tiêu Chiến lược. Định kỳ rà soát danh mục các dự án đầu tư, chỉ quyết định đầu tư các dự án thật sự cần thiết, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quốc phòng; bảo đảm đầu tư đúng trọng điểm, đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo đảm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Công ty chủ động kiểm tra, đánh giá, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; đồng thời điều chỉnh kế hoạch, giải pháp thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế.

Phân công trách nhiệm thực hiện

a) Hội đồng quản trị Công ty: Chịu trách nhiệm lãnh đạo, định hướng và giám sát toàn diện việc triển khai Chiến lược; quyết định các chủ trương lớn về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy và tài chính; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện, xem xét điều chỉnh mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng và phát triển sản xuất kinh doanh.

b) Tổng Giám đốc Công ty: Căn cứ Chiến lược đã được phê duyệt, hàng năm chỉ đạo các phòng nghiệp vụ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định hướng của Chiến lược, báo cáo Hội đồng quản trị, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định. Trên cơ sở kế hoạch năm được phê duyệt thông qua, Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban và đơn vị trực thuộc; chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh bảo đảm hoàn thành kế hoạch đề ra.

c) Các Phó Tổng Giám đốc: Theo lĩnh vực được phân công, trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thuộc phạm vi phụ trách; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về tiến độ, chất lượng và hiệu quả triển khai.

d) Phòng Kế hoạch – Kinh doanh (cơ quan thường trực): Căn cứ Chiến lược phát triển đã được phê duyệt, hàng năm chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chương trình hành động; tổ chức triển khai thực hiện trong toàn Công ty. Đồng thời thực hiện tổng hợp, theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu; cân đối kế hoạch sản xuất kinh doanh với năng lực sản xuất và yêu cầu thị trường; định kỳ tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và cơ quan cấp trên theo quy định; kịp thời tham mưu điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết, bảo đảm thực hiện đúng định hướng Chiến lược và phù hợp với tình hình thực tế.

đ) Phòng Tài chính – Kế toán: Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn, phương án huy động và sử dụng vốn; kiểm soát chi phí, công nợ,

hiệu quả đầu tư; tham mưu bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước; kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài chính, kế toán, đầu tư theo quy định của pháp luật.

e) Phòng Kỹ thuật – Công nghệ: Chủ trì tham mưu về công tác kỹ thuật, công nghệ, đầu tư thiết bị, đổi mới dây chuyền sản xuất; xây dựng, ban hành và kiểm soát định mức kỹ thuật, quy trình công nghệ; triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tổ chức thực hiện chuyển đổi công nghệ, tự động hóa và số hóa trong sản xuất.

g) Phòng Nghiên cứu phát triển: Chủ trì nghiên cứu, thiết kế, chế thử và phát triển sản phẩm mới phục vụ quốc phòng và sản xuất kinh tế; tham mưu định hướng phát triển sản phẩm, vật liệu, mẫu mã; phối hợp với các đơn vị triển khai ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới; tham gia xây dựng chiến lược phát triển dài hạn về sản phẩm và công nghệ.

h) Phòng Chính trị – Hành chính: Chủ trì tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy, quản lý lao động, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; xây dựng quy hoạch cán bộ; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động; bảo đảm bộ máy tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chiến lược.

m) Các đơn vị, đầu mối trực thuộc Công ty: Giám đốc đơn vị, người đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị căn cứ Chiến lược phát triển và kế hoạch được giao, hằng năm tổ chức xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, tài chính, lao động theo định hướng chung của Công ty; xây dựng chương trình hành động cụ thể để triển khai thực hiện. Tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu được giao; quản lý, sử dụng hiệu quả vốn, tài sản, lao động và các nguồn lực; chịu trách nhiệm trước Công ty về kết quả thực hiện.

Công ty thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát thông qua hệ thống báo cáo định kỳ tháng, quý, năm. Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết, giữa kỳ và cuối kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Chiến lược; trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và giải pháp phù hợp, bảo đảm Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2030 được triển khai đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Để Chiến lược phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026–2030 được triển khai hiệu quả, góp phần xây dựng Công ty Cổ phần X20 phát triển vững mạnh, Công ty kính đề nghị:

1. Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật và các cơ quan chức năng cấp trên tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, định hướng toàn diện, đặc biệt là về phương hướng, nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 2026–2030.

2. Cho phép Công ty được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư xây dựng nhà xưởng, đổi mới – bổ sung – thay thế máy móc, thiết bị, đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

3. Căn cứ vào hệ thống pháp luật, các qui định của BQP và Tổng cục HC-KT, cho phép Công ty được xây dựng phương án, báo cáo để khai thác các nhà xưởng, văn phòng nhân dôi theo ngành nghề của Công ty đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030. Kính đề nghị Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần kỹ thuật và các cơ quan chức năng cấp trên xem xét, chỉ đạo và tạo điều kiện để Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần X20 tổ chức triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Thủ trưởng Bộ Quốc phòng;
- Cục Tài chính/BQP;
- Ban Quản lý Điều hành;
- Lưu: VT, KH-KD. L8.



Thượng tá Chu Văn Đệ

ĐẠI TỬ PHÁT TRIỂN S
CÔNG TY
CỔ PHẦN
X 20

[illegible]

TT	Tên dự án/công trình	Thời gian KC HT	Quyết định phê duyệt điều chỉnh địa điểm (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán)						Số vốn đầu tư thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/12/2025			Trong đó			Ghi chú			
			Số QĐ ngày, tháng năm	Cấp quyết định	Tổng		Trong đó		Tổng số	Vốn chủ sở hữu		Tổng số	Vốn chủ sở hữu (vốn tự có)					
					Tất cả các nguồn	Vốn chủ sở hữu	Vốn chủ sở hữu	Vay		Vốn chủ sở hữu	Vay							
													Vay	Vay				
1	2	6	13	14	5=16+1	16	17	8=19+1	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27	
II	Nhu cầu đầu tư mới giai đoạn từ 2026-2030																	
A	Máy móc thiết bị ngành may	2026-2030													414,666	357,364	57,300	
I	Máy móc thiết bị may dẫu từ năm 2026	2026													43,832	43,830	-	
2	Máy móc thiết bị may dẫu từ năm 2027	2027													17,562	17,562		
3	Máy móc thiết bị may dẫu từ năm 2028	2028													5,866	5,866		
4	Máy móc thiết bị may dẫu từ năm 2029	2029													5,938	5,937		
5	Máy móc thiết bị may dẫu từ năm 2030	2030													9,515	9,514		
B	Máy móc thiết bị ngành dệt, nhuộm, in	2026-2030													4,971	4,971		
I	Máy móc thiết bị phụ trợ, máy in dẫu từ năm 2026	2026													90,409	68,169	22,300	
2	Máy móc thiết bị dệt, nhuộm dẫu từ năm 2027	2027													26,512	10,662	15,850	
3	Máy móc thiết bị dệt, nhuộm dẫu từ năm 2028	2028													21,698	15,248	6,450	
4	Máy móc thiết bị dệt, nhuộm dẫu từ năm 2029	2029													8,679	8,679		
5	Máy móc thiết bị dệt, nhuộm dẫu từ năm 2030	2030													4,000	4,000		
C	Dự án XDDB, cải tạo sân chùa	2026-2030													29,520	29,520		
	Cải tạo sân chùa thường xuyên	2026-2030													280,405	245,405	35,000	
I	Năm 2026	2026													90,153	90,153	-	
2	Năm 2027	2027													37,823	37,823		
3	Năm 2028	2028													14,840	14,840		
4	Năm 2029	2029													10,470	10,470		
5	Năm 2030	2030													13,000	13,000		
	Xếp hạng cơ bản, khác	2026-2030													14,020	14,020		
I	Năm 2026	2026													190,252	155,252	35,000	
2	Năm 2027	2027													37,823	37,823	-	
3	Năm 2028	2028													63,727	53,727	10,000	
4	Năm 2029	2029													50,000	40,000	10,000	
5	Năm 2030	2030													19,620	9,620	10,000	
															19,082	14,082	5,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 558/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ Công ty cổ phần X20

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần X20 được Đại hội đồng cổ đông quyết định ban hành ngày 18/06/2021; được sửa đổi, bổ sung theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các năm 2023, 2024 và 2025. Điều lệ hiện hành đã bám sát các quy định của Nhà nước ở thời điểm ban hành, sửa đổi.

Năm 2025, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản QPPL có liên quan. Do đó, Điều lệ GATEXCO 20 phải được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của GATEXCO, chi tiết dự thảo Điều lệ và Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị. 

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.



Chu Văn Đệ

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần X20, một Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty cổ phần X20, bao gồm tên, hình thức pháp lý, trụ sở, thời hạn hoạt động, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước, công ty con, đơn vị trực thuộc, quản lý vốn, tài chính, công bố thông tin, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tổ chức lại, giải thể, giải quyết tranh chấp và các vấn đề cơ bản khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Điều lệ này là văn bản pháp lý nội bộ cao nhất của Công ty, làm căn cứ để tổ chức quản trị, điều hành, kiểm soát và ban hành hệ thống quy chế, quy định, quy trình nội bộ. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty phải phù hợp với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

3. Điều lệ này áp dụng đối với Công ty, cổ đông, người đại diện phần vốn Nhà nước, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành, người lao động, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Công ty.

4. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty có nội dung khác với Điều lệ này thì áp dụng Điều lệ này. Trường hợp Điều lệ này có nội dung khác với quy định của pháp luật hiện hành thì áp dụng quy định của pháp luật.

5. Trường hợp pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế làm cho nội dung của Điều lệ này không còn phù hợp thì áp dụng quy định của pháp luật mới. Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát và trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại kỳ họp gần nhất.

Điều 2. Căn cứ pháp lý và giải thích thuật ngữ

1. Công ty cổ phần X20 tổ chức và hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 57/2026/NĐ-CP của Chính phủ về cơ cấu lại vốn tại doanh

ng nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; pháp luật về kiểm tra, giám sát tài chính doanh nghiệp có vốn Nhà nước, pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết hợp pháp của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: “Công ty” hoặc “X20” là Công ty cổ phần X20; “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần X20; “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành; “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hướng dẫn thi hành; “pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp” là các quy định pháp luật điều chỉnh việc quản lý, đầu tư, giám sát, bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; “pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp” là các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh, động viên công nghiệp và các nhiệm vụ có liên quan.

3. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; “cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty; “cổ đông Nhà nước” là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý hoặc đại diện quyền sở hữu đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật; “người đại diện phần vốn Nhà nước” là cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử hoặc giao nhiệm vụ thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty.

4. “Người quản lý Công ty” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; “người điều hành Công ty” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị; “người có liên quan” được hiểu theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

5. “Công ty con” là doanh nghiệp do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc sở hữu phần vốn góp, cổ phần đủ để chi phối theo quy định của pháp luật; “đơn vị trực thuộc” bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, trung tâm, trường, ban, bộ phận hoặc đầu mối khác thuộc cơ cấu tổ chức của Công ty theo quyết định của cấp có thẩm quyền; “doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng” trong Điều lệ này được hiểu là đặc thù hoạt động của Công ty khi vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, vừa tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật.

6. Các thuật ngữ khác chưa được giải thích tại Điều lệ này được hiểu theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Các tiêu đề chương, điều, khoản trong Điều lệ này chỉ nhằm thuận tiện cho việc tra cứu, không dùng để giới hạn hoặc làm thay đổi nội dung của Điều lệ.

Điều 3. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty:

- a) Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN X20;
- b) Tên Công ty bằng tiếng Anh: X20 JOINT STOCK COMPANY;
- c) Tên viết tắt: GATEXCO 20., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam; có con dấu, tài khoản riêng; được tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0243.8645077

- Fax: 0243.8641208

- E-mail: info@gatexco20.com.vn

- Website: www.gatexco20.com.vn

4. Công ty có thể thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc hình thức hiện diện thương mại khác trong và ngoài nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty cổ phần X20 gồm có:

(i) CHI NHÁNH MIỀN TRUNG – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

(ii) CHI NHÁNH PHÍA NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 202 Tô Hiến Thành, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(iii) CHI NHÁNH MIỀN BẮC – CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, tổ chức lại hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu và đặc thù hoạt động

1. Công ty được kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm và các ngành, nghề đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các hồ sơ pháp lý liên quan. Việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền, quy định của pháp luật và phải được đăng ký, công bố theo quy định.

3. Công ty hoạt động nhằm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và vốn của cổ đông; thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao; phát triển sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực quản trị; chăm lo quyền lợi hợp pháp của người lao động; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, khách hàng và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh. Trong mọi hoạt động của Công ty, nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tuân thủ pháp luật, minh bạch thông tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông phải được đặt ở vị trí trọng yếu.

5. Khi phát sinh xung đột giữa lợi ích kinh tế ngắn hạn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty ưu tiên thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đồng thời phải có phương án kiểm soát tác động tài chính, sản xuất kinh doanh, lao động và quyền lợi cổ đông theo quy định của pháp luật và thẩm quyền quản trị của Công ty.

6. Công ty phát triển theo định hướng lưỡng dụng, kết hợp năng lực dệt – nhuộm – in – may, sản xuất hàng quốc phòng, hàng dân sinh, hàng xuất khẩu, thương mại, dịch vụ, khai thác tài sản và các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, pháp luật hiện hành và nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức quản trị và nguyên tắc quản trị, điều hành, kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị, quyết định và giám sát các vấn đề thuộc thẩm quyền. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Công ty tổ chức quản trị theo nguyên tắc tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay

Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không quyết định thay Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát không can thiệp trực tiếp vào hoạt động điều hành thường xuyên.

4. Mỗi thẩm quyền trong Công ty phải được xác định rõ phạm vi, giới hạn, điều kiện thực hiện, người chịu trách nhiệm, cơ chế báo cáo, cơ chế giám sát và cơ chế xử lý khi vi phạm. Không cá nhân, bộ phận nào được tự mở rộng thẩm quyền hoặc sử dụng chỉ đạo miệng, tiền lệ nội bộ, quan hệ cá nhân để thay thế căn cứ pháp lý, hồ sơ, nghị quyết, quyết định hoặc ủy quyền hợp pháp.

5. Hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty phải dựa trên hệ thống kế hoạch, ngân sách, dữ liệu, báo cáo, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, công bố thông tin và trách nhiệm giải trình. Mọi quyết định quản trị, điều hành trọng yếu phải có căn cứ, đúng thẩm quyền, có hồ sơ, có đánh giá rủi ro phù hợp và có thể kiểm tra sau quyết định.

6. Công ty tổ chức bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty và các bộ phận chuyên môn theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ. Các bộ phận giúp việc, tham mưu, kiểm soát không phải là cấp điều hành độc lập, không được làm thay chức năng của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát.

7. Nội dung chi tiết về phân cấp, ủy quyền, trình tự ra quyết định, chế độ báo cáo, giám sát, kiểm soát nội bộ, quan hệ phối hợp, trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là **Chủ tịch Hội đồng quản trị**.

2. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty; đại diện Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án; đại diện Công ty trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm bảo đảm tính hợp pháp trong hoạt động quản trị của Công ty, tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát hoạt động điều hành theo thẩm quyền, bảo đảm việc công bố thông tin, bảo mật thông tin, quản lý vốn Nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong phạm vi trách nhiệm được pháp luật và Điều lệ này quy định.

4. Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật nhưng là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty. Tổng Giám đốc được ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, văn bản điều hành và thực hiện các công việc nhân danh Công

ty trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hợp pháp hoặc theo quy chế phân quyền ký của Công ty.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền bằng văn bản cho Tổng Giám đốc hoặc cá nhân khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi, thời hạn và điều kiện cụ thể theo quy định của pháp luật. Việc ủy quyền không làm thay đổi trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Công ty có con dấu theo quy định của pháp luật. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

7. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức, nội dung dấu và quy định việc quản lý, sử dụng dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật. Việc sử dụng dấu phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng hồ sơ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần X20 tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **172.500.000.000** đồng. Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng.

2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.250.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

3. Cơ cấu vốn của Công ty bao gồm phần vốn Nhà nước và phần vốn của các cổ đông khác, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối.

5. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu và phần vốn Nhà nước tại Công ty; không được thực hiện giao dịch, quyết định hoặc hành vi làm thất thoát vốn, tài sản hoặc làm suy giảm trái pháp luật quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty và cổ đông.

6. Mọi thay đổi liên quan đến vốn điều lệ, cơ cấu vốn, phần vốn Nhà nước, phát hành cổ phần, mua lại cổ phần, chuyển nhượng cổ phần hoặc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ pháp lý đầy đủ và tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Loại cổ phần, cổ phiếu, chứng khoán khác, sổ đăng ký cổ đông và xác lập quyền sở hữu cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết và tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi, trái phiếu, chứng khoán chuyển đổi, chứng quyền, quyền mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyết định của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền.

3. Việc phát hành chứng khoán của Công ty phải phù hợp với chiến lược phát triển, nhu cầu vốn, khả năng tài chính, quyền lợi hợp pháp của cổ đông, yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước và quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

4. Cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết, đăng ký giao dịch, chuyển nhượng và quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Công ty lập, quản lý và cập nhật sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác.

6. Đối với cổ phiếu đã đăng ký lưu ký, niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, quyền sở hữu cổ phần được xác lập trên cơ sở dữ liệu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

7. Công ty có trách nhiệm bảo đảm dữ liệu cổ đông được quản lý đầy đủ, chính xác, bảo mật, thống nhất và có thể truy xuất khi cần thiết để phục vụ quản trị công ty, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, chi trả cổ tức, công bố thông tin và thực hiện các quyền hợp pháp của cổ đông.

8. Cổ đông có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Công ty hoặc tổ chức lưu ký chứng khoán về việc thay đổi thông tin liên quan đến cổ đông theo quy định. Công ty không chịu trách nhiệm đối với việc không liên lạc được với cổ đông nếu cổ đông không cập nhật thông tin theo quy định.

Điều 9. Cổ đông, cổ đông Nhà nước và cơ cấu sở hữu cổ phần

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông Nhà nước là cơ quan, tổ chức được Nhà nước giao quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty hoặc chủ thể đại diện quyền sở hữu phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Quyền của cổ đông Nhà nước tại Công ty được thực hiện thông qua người đại diện phần vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này và quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Việc quản lý cơ cấu cổ đông của Công ty phải bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật về công ty đại chúng, pháp luật chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà nước tại Công ty, chuyển nhượng phần vốn Nhà nước hoặc thực hiện giao dịch làm thay đổi quyền kiểm soát đối với phần vốn Nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước không phải là một cấp quản lý nội bộ độc lập của Công ty, không điều hành thay Tổng Giám đốc, không quyết định thay Hội đồng quản trị, mà thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông Nhà nước theo cơ chế cổ đông, cơ chế Đại hội đồng cổ đông, cơ chế Hội đồng quản trị và các cơ chế khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ này hoặc điều kiện phát hành chứng khoán có quy định hạn chế chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty là công ty đại chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, đăng ký, lưu ký và bù trừ chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phần đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc chuyển nhượng phần vốn Nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước hoặc giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. Nghiêm cấm việc lợi dụng chuyển nhượng cổ phần để che giấu sở hữu thực, thao túng giao dịch, trục lợi, chuyển dịch lợi ích trái pháp luật, làm thất thoát phần vốn Nhà nước hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm quyền tham dự, phát biểu, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; nhận cổ tức; ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu; tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định; xem xét, tra cứu, trích lục thông tin; đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp luật định; yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định; và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này, bao gồm quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể, xem xét, tra cứu tài liệu và kiến nghị nội dung đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo tỷ lệ sở hữu, điều kiện và trình tự được quy định tại pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Công ty bảo đảm cổ đông được đối xử bình đẳng đối với cùng một loại cổ phần; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin hợp pháp, quyền tham gia quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông, quyền giám sát và quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Đối với cổ đông Nhà nước, việc thực hiện quyền cổ đông phải bảo đảm đúng quy định về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, đồng thời tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông khác theo quy định của pháp luật.

6. Việc thực hiện quyền của cổ đông phải tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, quy chế nội bộ có liên quan và không được gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông khác, người lao động hoặc bên có quyền lợi liên quan.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn số cổ phần đã đăng ký mua; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quy chế nội bộ có liên quan và quy định pháp luật.

4. Cổ đông có nghĩa vụ bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định; chỉ được sử dụng thông tin để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao gửi, sử dụng thông tin nội bộ, bí mật kinh doanh, bí mật quốc phòng, thông tin chưa công bố để trục lợi hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Cổ đông không được lạm dụng quyền cổ đông, quyền của cổ đông lớn, quyền của nhóm cổ đông hoặc vị thế sở hữu cổ phần để gây cản trở hoạt động hợp pháp của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông khác hoặc làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

6. Cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới bất kỳ hình thức nào để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, kinh doanh vì tư lợi, phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc thực hiện giao dịch gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 13. Nguyên tắc quản lý cổ phần, bảo toàn vốn Nhà nước, quản trị cổ đông và minh bạch thông tin

1. Công ty quản lý cổ phần, cổ đông, giao dịch cổ phần và dữ liệu cổ đông theo nguyên tắc minh bạch, chính xác, bảo mật, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

2. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, việc quản lý cổ phần phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, không làm thất thoát vốn, không làm suy giảm trái pháp luật quyền kiểm soát của Nhà nước và phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Mọi giao dịch liên quan đến cổ phần, quyền mua cổ phần, phát hành cổ phần, mua lại cổ phần, chuyển nhượng cổ phần, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc quyền của cổ đông phải được thực hiện đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Công ty thực hiện quản trị cổ đông theo nguyên tắc bình đẳng, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, cổ đông Nhà nước và các cổ đông có quyền, lợi ích liên quan đến Công ty.

5. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ; bảo đảm thông tin cung cấp chính xác, trung thực, kịp thời, không phân biệt đối xử và không làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ đông, phát hành chứng khoán, chuyển nhượng cổ phần, thay đổi vốn điều lệ và bảo toàn phần vốn Nhà nước tại Công ty.

7. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền cổ đông Nhà nước theo đúng chỉ đạo, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại Công ty.

8. Trường hợp phát hiện giao dịch cổ phần, thay đổi sở hữu, phát hành, chuyển nhượng hoặc quản lý cổ phần có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thất thoát vốn, ảnh hưởng đến phần vốn Nhà nước, quyền cổ đông hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Công ty phải kịp thời báo cáo, công bố thông tin và xử lý theo quy định.

9. Các nội dung chi tiết về quản lý cổ đông, thực hiện quyền cổ đông, trình tự cung cấp thông tin, đề cử, ứng cử, kiến nghị chương trình họp, quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin và xử lý yêu cầu của cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế liên quan của Công ty.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Vị trí, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần X20, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bao gồm định hướng phát triển, chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; mức cổ tức hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; quyết định đầu tư, bán tài sản, hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quyết định tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; phê duyệt hoặc thông qua các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan đến phần vốn Nhà nước tại Công ty, tổ chức lại Công ty, thay đổi cơ cấu quản trị, thay đổi ngành nghề kinh doanh trọng yếu, đầu tư, giao dịch lớn, phân phối lợi nhuận, cổ tức và các vấn đề có ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo đúng thẩm quyền, trình tự, tỷ lệ biểu quyết và quy định pháp luật có liên quan.

4. Đại hội đồng cổ đông thực hiện quyền thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

5. Không cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được hạn chế trái pháp luật quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc quyền hợp pháp của cổ đông trong việc tham dự, phát biểu, biểu quyết, đề cử, ứng cử, kiến nghị, yêu cầu cung cấp thông tin và thực hiện các quyền cổ đông khác theo quy định.

Điều 15. Hợp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt là báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, lựa chọn tổ chức kiểm toán và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không còn đủ theo quy định; theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm

soát; theo yêu cầu hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật; hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định, Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục luật định.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc hình thức hợp pháp khác, bảo đảm cổ đông có thể tham dự, phát biểu, biểu quyết, xác thực tư cách cổ đông và thực hiện quyền cổ đông theo quy định của pháp luật.

6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến, Công ty phải bảo đảm hệ thống kỹ thuật, xác thực cổ đông, ghi nhận biểu quyết, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 16. Quyền dự họp, ủy quyền, triệu tập họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông là cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, doanh nghiệp và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự họp, hoặc tham dự thông qua hình thức trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trong đó xác định rõ cổ đông ủy quyền, người được ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, số cổ phần được ủy quyền và nội dung ủy quyền nếu có. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện quyền trong phạm vi được ủy quyền và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền được giao.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp, dự thảo nghị quyết; xác định thời gian, địa điểm, hình thức họp; gửi thông báo mời họp; công bố thông tin; tổ chức điều kiện kỹ thuật, hậu cần, an ninh, bảo mật và các công việc cần thiết khác phục vụ cuộc họp.

5. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một ngày trước ngày khai mạc cuộc họp, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và hệ thống công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6. Thông báo mời họp phải nêu rõ thời gian, địa điểm, hình thức họp, chương trình họp, điều kiện tham dự, cách thức ủy quyền, cách thức biểu quyết, tài liệu họp hoặc đường dẫn truy cập tài liệu họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản, gửi đúng thời hạn, nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và căn cứ kiến nghị.

8. Người triệu tập họp có quyền từ chối kiến nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nếu kiến nghị không được gửi đúng thời hạn, không đủ điều kiện theo quy định, nội dung kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc thuộc trường hợp được từ chối theo quy định của pháp luật. Việc từ chối phải được thông báo và nêu rõ lý do phù hợp với quy định.

9. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được chuẩn bị đầy đủ, trung thực, chính xác, có căn cứ pháp lý và được cung cấp cho cổ đông theo đúng thời hạn, hình thức, phạm vi được pháp luật quy định. Đối với các nội dung có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố, việc cung cấp tài liệu phải tuân thủ quy định về bảo mật và công bố thông tin.

Điều 17. Điều kiện tiến hành họp, thể thức biểu quyết và điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, việc triệu tập và điều kiện tiến hành cuộc họp lần thứ hai, lần thứ ba được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp, xác định tư cách cổ đông, người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết và số phiếu biểu quyết của từng cổ đông tham dự. Kết quả đăng ký cổ đông dự họp phải được ghi nhận trong biên bản hoặc tài liệu phục vụ cuộc họp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ này hoặc Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể chủ trì cuộc họp thì việc lựa chọn Chủ tọa được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tọa cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp hợp pháp, cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp đúng chương trình, bảo đảm trật tự, an toàn, quyền tham dự, quyền phát biểu, quyền biểu quyết của cổ đông và tính hợp pháp của cuộc họp.

5. Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc thông qua Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Việc biểu quyết được thực hiện trực tiếp, bằng phiếu, bằng phương thức điện tử hoặc hình thức hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Kết quả biểu quyết phải được kiểm đếm trung thực, chính xác, công khai tại cuộc họp, ghi nhận trong biên bản và công bố theo quy định của pháp luật.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung thông thường được thông qua khi có trên năm mươi phần trăm tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ này quy định tỷ lệ cao hơn.

8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quan trọng được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm trở lên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành, bao gồm sửa đổi, bổ sung Điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh trọng yếu; thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị; tổ chức lại, giải thể Công ty; quyết định đầu tư, bán tài sản hoặc giao dịch có giá trị lớn theo quy định; các nội dung có ảnh hưởng lớn đến phần vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

9. Việc biểu quyết đối với giao dịch có xung đột lợi ích, giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch thuộc trường hợp cổ đông, người có liên quan không được tham gia biểu quyết phải tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và Điều lệ này.

10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp, kể cả trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết có sai sót, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 18. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp pháp luật quy định không được lấy ý kiến bằng văn bản hoặc phải thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đúng nội dung, đúng thời hạn, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cổ đông, bảo mật phiếu lấy ý kiến và có thể kiểm tra, đối chiếu.

3. Phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi đến cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản. Biên bản họp phải ghi nhận đầy đủ thời gian, địa điểm, hình thức họp, thành phần tham dự, chương trình họp, diễn biến chính của cuộc họp, ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, nghị quyết được thông qua, ý kiến khác biệt nếu có và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp. Trường hợp Chủ tọa hoặc Thư ký từ chối ký biên bản thì việc xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực được ghi trong nghị quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu, phiếu biểu quyết, phiếu lấy ý kiến, tài liệu họp và các tài liệu liên quan phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật, có thể truy xuất theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 19. Công bố thông tin và hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty thực hiện công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán, công ty đại chúng và Điều lệ này.

2. Nội dung công bố thông tin bao gồm thông báo mời họp, tài liệu họp, nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kết quả biểu quyết, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc công bố thông tin phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng hình thức, đúng thời hạn, đồng thời tuân thủ yêu cầu bảo mật đối với thông tin liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh và thông tin chưa được phép công bố.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến hoặc thông qua nghị quyết vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật, Điều lệ, gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông, Nhà nước hoặc bên có quyền lợi liên quan.

5. Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trong thời hạn, trình tự, thủ tục và điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét việc hủy bỏ nghị quyết, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

7. Mọi hành vi lợi dụng việc triệu tập họp, cung cấp tài liệu, biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản, ban hành nghị quyết hoặc công bố thông tin nhằm làm sai lệch ý chí cổ đông, gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động hoặc

bên có quyền lợi liên quan đều bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Vị trí, vai trò và thành phần của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị và giám sát cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, thực hiện chức năng định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề quản trị trọng yếu, giám sát hoạt động điều hành, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

3. Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty. Hoạt động điều hành hằng ngày thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

4. Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm tuân thủ pháp luật, minh bạch, thận trọng, hiệu quả, kiểm soát quyền lực và gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên Hội đồng quản trị.

5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm kỳ, việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện vai trò giám sát độc lập, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và quản trị công ty đại chúng.

7. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm mọi quyết định quản trị trọng yếu phải đồng thời xem xét yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động và yêu cầu công bố thông tin, bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 21. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư và các định hướng quản trị trọng yếu của Công ty theo thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề về vốn, cổ phần, đầu tư, tài sản, tổ chức lại doanh nghiệp, giao dịch có giá trị lớn, giao dịch với người có liên quan và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc, công ty con và các bộ phận thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền; quyết định hoặc phê duyệt việc cử, thay đổi, đánh giá người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác theo quy định.

6. Hội đồng quản trị ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế tài chính, quy chế phân cấp, quy chế quản lý vốn Nhà nước, quy chế người đại diện phần vốn, quy chế quản lý công ty con, quy chế công bố thông tin, quy chế kiểm soát nội bộ, quy chế quản trị rủi ro và các quy chế khác cần thiết cho hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát của Công ty.

7. Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành, người quản lý, người đại diện phần vốn của Công ty và các đơn vị trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, chiến lược, kế hoạch, ngân sách, quy chế nội bộ và các quyết định quản trị đã được phê duyệt.

8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm Công ty quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty; bảo đảm tuân thủ các quy định về công ty đại chúng, công bố thông tin, kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng và bí mật kinh doanh.

9. Hội đồng quản trị xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét các biện pháp cần thiết khi phát hiện hoạt động điều hành có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vượt thẩm quyền, sai nghị quyết, không bảo đảm tiến độ, gây rủi ro thất thoát vốn, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động.

10. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nguyên tắc hoạt động và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng, khách quan, liêm chính, vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, nghiên cứu hồ sơ, phát biểu quan điểm, biểu quyết độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết và phần nhiệm vụ được phân công.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn, thông tin, tài sản hoặc cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và kịp thời lợi ích có liên quan; không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề mà mình có xung đột lợi ích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải chủ động phát hiện, cảnh báo và yêu cầu làm rõ các vấn đề có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, thiếu căn cứ, có xung đột lợi ích, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty, làm thất thoát vốn Nhà nước, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

6. Thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, che giấu xung đột lợi ích, không thực hiện nghĩa vụ cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi biết hoặc phải biết, hoặc gây thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật.

7. Chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, cơ chế giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị; lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị; ký nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện vai trò tổ chức quản trị và giám sát hoạt động điều hành thông qua cơ chế quản trị, báo cáo, giải trình, giám sát và các quyền được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền; không trực tiếp điều hành hoạt

động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty và không ra quyết định thay Tổng Giám đốc đối với các công việc thuộc thẩm quyền điều hành.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Ban điều hành, người quản lý, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, báo cáo, hồ sơ, tài liệu và giải trình về các vấn đề thuộc phạm vi quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị.

6. Trường hợp phát hiện quyết định hoặc hoạt động điều hành có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, không phù hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty, ảnh hưởng đến vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi cổ đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình, kiến nghị tạm dừng để rà soát và trình Hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Quyền này không được hiểu là quyền điều hành thay Tổng Giám đốc.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ, việc ủy quyền, phân công người thay mặt thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và văn bản ủy quyền hợp pháp. Việc ủy quyền không làm thay đổi trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 24. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập hoặc không chủ trì cuộc họp thì việc triệu tập, chủ trì được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc theo hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự, thảo luận, biểu quyết và xác nhận ý kiến một cách hợp lệ.

4. Điều kiện tiến hành họp, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, chương trình họp, tài liệu họp, thể thức biểu quyết, lập biên bản, thông qua nghị quyết và lưu trữ hồ sơ họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ có giá trị khi được thông qua đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đủ điều kiện biểu quyết và không trái pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Biên bản họp, nghị quyết, quyết định và tài liệu liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật và có thể truy xuất theo quy định.

7. Đối với nội dung có liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, thông tin chưa công bố hoặc giao dịch có khả năng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán, tài liệu họp, ý kiến thảo luận, biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được quản lý, bảo mật và công bố theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 25. Phân cấp, ủy quyền và kiểm soát thực hiện

1. Hội đồng quản trị được phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác thực hiện một số quyền, nhiệm vụ trong phạm vi pháp luật và Điều lệ này cho phép.

2. Việc phân cấp, ủy quyền phải được lập thành văn bản hoặc được thể hiện trong nghị quyết, quyết định, quy chế nội bộ của Công ty; phải xác định rõ phạm vi, nội dung, hạn mức, thời hạn, điều kiện thực hiện, chế độ báo cáo và trách nhiệm của người được phân cấp, ủy quyền.

3. Việc phân cấp, ủy quyền không làm thay đổi thẩm quyền và trách nhiệm cuối cùng của Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Người được phân cấp, ủy quyền không được vượt quá phạm vi được giao, không được ủy quyền lại nếu không được phép và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với việc thực hiện quyền được phân cấp, ủy quyền.

5. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện phân cấp, ủy quyền; kịp thời điều chỉnh, thu hồi hoặc chấm dứt phân cấp, ủy quyền khi phát hiện việc thực hiện không hiệu quả, vượt thẩm quyền, trái quy định hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty.

6. Việc phân cấp, ủy quyền phải bảo đảm Tổng Giám đốc có đủ thẩm quyền điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, hạn mức và mục tiêu được phê duyệt; đồng thời bảo đảm Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện được chức năng giám sát, kiểm soát theo quy định.

7. Các nội dung chi tiết về phân cấp, ủy quyền, hạn mức ký kết, hạn mức tài chính, trình tự phê duyệt, cơ chế báo cáo, cơ chế kiểm tra sau ủy quyền được quy định tại Quy chế phân cấp, ủy quyền, Quy chế tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 26. Người phụ trách quản trị công ty, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Công ty có Người phụ trách quản trị công ty theo quy định áp dụng đối với công ty đại chúng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị được bổ trí bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, chuẩn bị hồ sơ, tổng hợp thông tin, theo dõi việc thực hiện nghị quyết và các nhiệm vụ khác theo quy chế nội bộ của Công ty.

3. Bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị không phải là cơ quan quản lý, không phải là cơ quan điều hành, không phải là cơ quan kiểm soát độc lập và không có thẩm quyền ban hành quyết định điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

4. Bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị không thay thế chức năng của Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Ban kiểm soát hoặc Người phụ trách quản trị công ty; không được hình thành cấp quyền lực song song trong Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban hoặc nhóm công tác giúp việc Hội đồng quản trị về chiến lược, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán, rủi ro, đầu tư, quản lý vốn, công ty con hoặc lĩnh vực khác phù hợp với nhu cầu quản trị của Công ty, quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, trách nhiệm phối hợp của bộ phận, nhân sự hoặc đầu mối giúp việc Hội đồng quản trị và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và/hoặc các quy chế, quy định khác có liên quan.

Điều 27. Thù lao, thưởng, lợi ích khác, báo cáo, công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc chi trả thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị phải bảo đảm công khai, minh bạch, phù hợp với kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty, trách nhiệm của từng thành viên và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động quản trị, kết quả giám sát, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, thù lao, thưởng, lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về công ty đại chúng.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, giao dịch của người nội bộ, người có liên quan, nghị quyết, quyết định và các thông tin khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và công ty đại chúng.

5. Hội đồng quản trị phải tổ chức lưu trữ đầy đủ, an toàn và bảo mật hồ sơ, tài liệu, biên bản họp, nghị quyết, quyết định, phiếu biểu quyết, ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không được nhận bất kỳ lợi ích nào trái pháp luật hoặc không được công bố theo quy định. Trường hợp vi phạm phải hoàn trả lợi ích, bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

7. Việc không báo cáo, báo cáo không trung thực, công bố thông tin không đúng quy định, lưu trữ hồ sơ không đầy đủ, làm sai lệch hồ sơ Hội đồng quản trị hoặc tiết lộ thông tin thuộc diện bảo mật là căn cứ xem xét trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 28. Vị trí, vai trò của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hợp pháp, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc được ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, văn bản điều hành và thực hiện các công việc nhân danh Công ty trong phạm vi được pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, quy chế phân cấp, ủy quyền hoặc văn bản ủy quyền hợp pháp cho phép.

3. Tổng Giám đốc chịu sự quản trị, giám sát của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc được giao quyền chủ động điều hành trong phạm vi chiến lược, kế hoạch, ngân sách, hạn mức, thẩm quyền và nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc giao quyền chủ động điều hành không làm giảm trách nhiệm của Tổng Giám đốc về tính hợp pháp, hiệu quả, tiến độ, chất lượng, chi phí và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, bao gồm kết quả sản xuất kinh doanh, quản lý tài sản, sử dụng vốn, quản lý lao động, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc trong phạm vi được giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, hợp đồng và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền và Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc phải có đủ năng lực tổ chức điều hành doanh nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết về pháp luật, tài chính, quản trị sản xuất, quản lý lao động, quản lý rủi ro, quản lý doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và phù hợp với đặc thù doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng của Công ty.

4. Tổng Giám đốc không được thuộc các trường hợp bị cấm quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; không được có lợi ích xung đột không được kiểm soát với lợi ích của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Việc đánh giá, xem xét tiếp tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả sản xuất kinh doanh, tuân thủ pháp luật, tuân thủ Điều lệ, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, năng lực quản trị rủi ro, chất lượng điều hành, mức độ bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty, và kết quả thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao.

Điều 30. Quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có quyền tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, kế hoạch sản xuất quốc phòng, kế hoạch quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các kế hoạch khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc có quyền điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty; phân công, điều phối, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành khác, các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các đầu mối thuộc bộ máy điều hành.

3. Tổng Giám đốc có quyền ban hành các quyết định điều hành, quy trình, hướng dẫn, kế hoạch triển khai và các văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền để tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc có quyền ký kết hợp đồng, giao dịch, chứng từ, hồ sơ, văn bản điều hành và tài liệu khác nhân danh Công ty trong phạm vi được phân cấp, ủy quyền hoặc theo quy chế phân quyền ký của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề vượt thẩm quyền điều hành, bao gồm điều chỉnh kế hoạch, bổ sung ngân sách, phương án đầu tư, phương án tổ chức lại đơn vị,

phương án nhân sự cấp quản lý, phương án xử lý rủi ro lớn, phương án xử lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các nội dung trọng yếu khác.

6. Tổng Giám đốc có quyền áp dụng các biện pháp điều hành cần thiết để bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhưng không được vượt quá thẩm quyền, không được trái pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

7. Các quyền hạn cụ thể của Tổng Giám đốc về tài chính, đầu tư, hợp đồng, nhân sự, mua sắm, quản lý tài sản, sản xuất, kinh doanh, công ty con, chi nhánh và đơn vị trực thuộc được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 31. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ, đúng chất lượng, đúng thẩm quyền các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng kế hoạch điều hành, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch lao động, kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất quốc phòng, kế hoạch quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và các kế hoạch chuyên môn khác để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp về việc sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực của Công ty đúng mục đích, đúng thẩm quyền, tiết kiệm, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí, không để phát sinh rủi ro không kiểm soát, đặc biệt đối với phần vốn Nhà nước và tài sản, nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy điều hành tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân công nhiệm vụ rõ ràng; xác định đầu mối chịu trách nhiệm; thiết lập cơ chế kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả; xử lý kịp thời các trường hợp chậm trễ, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm trong hệ thống điều hành.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, kế toán, thuế, lao động, bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật Nhà nước, công bố thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về quyết định điều hành, kết quả điều hành, tính trung thực của báo cáo, việc chậm trễ trong thực hiện nhiệm vụ, việc vượt thẩm quyền, việc thiếu kiểm soát gây thiệt hại hoặc rủi ro cho Công ty.

7. Trường hợp đã phân công, phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới thực hiện nhiệm vụ, Tổng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và chịu trách nhiệm quản lý đối với kết quả thực hiện trong phạm vi chức trách điều hành của mình.

Điều 32. Nguyên tắc điều hành và kiểm soát tiến độ, kết quả

1. Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo nguyên tắc kế hoạch, ngân sách, thẩm quyền, dữ liệu, báo cáo, kiểm soát nội bộ và trách nhiệm giải trình.

2. Mọi nhiệm vụ điều hành trọng yếu phải xác định rõ mục tiêu, đầu mối chủ trì, người chịu trách nhiệm chính, thời hạn hoàn thành, nguồn lực thực hiện, kết quả đầu ra và cơ chế báo cáo.

3. Tổng Giám đốc không được trì hoãn việc điều hành khi đã có đầy đủ căn cứ, điều kiện, thẩm quyền và nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ. Việc chậm trễ không có lý do chính đáng, không báo cáo kịp thời, không đề xuất phương án xử lý hoặc để chậm trễ gây thiệt hại, mất cơ hội, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, ảnh hưởng vốn Nhà nước, ảnh hưởng quyền lợi cổ đông hoặc người lao động được coi là vi phạm trách nhiệm điều hành.

4. Khi phát sinh chậm trễ, sai lệch, rủi ro, không đạt mục tiêu hoặc có khả năng không hoàn thành nhiệm vụ, Tổng Giám đốc phải kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền, nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm, mức độ ảnh hưởng, biện pháp khắc phục và thời hạn hoàn thành.

5. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, giải trình, khắc phục, điều chỉnh biện pháp điều hành hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền khi Tổng Giám đốc không hoàn thành, chậm trễ hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ. Việc yêu cầu báo cáo, giải trình, khắc phục hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét không được hiểu là Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành thay Tổng Giám đốc.

6. Nội dung chi tiết về kiểm soát tiến độ, chế độ báo cáo, chỉ tiêu đánh giá, cơ chế cảnh báo, xử lý chậm trễ và trách nhiệm điều hành được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế làm việc của Ban điều hành và các quy chế chuyên ngành của Công ty.

Điều 33. Ban điều hành và người điều hành khác

1. Ban điều hành của Công ty gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Tổng Giám đốc và theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao

động, quyết định bổ nhiệm, quy chế nội bộ và các văn bản phân công, ủy quyền hợp pháp.

4. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và pháp luật về lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công; không được viện dẫn việc thực hiện theo chỉ đạo để hợp thức hóa hành vi trái pháp luật, trái Điều lệ, vượt thẩm quyền hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cuối cùng về tổ chức, phối hợp, kiểm soát và kết quả hoạt động của Ban điều hành, trừ trường hợp pháp luật quy định trách nhiệm trực tiếp của cá nhân khác.

Điều 34. Chế độ báo cáo, giới hạn thẩm quyền, quan hệ công tác và xử lý trách nhiệm đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập và thực hiện chế độ báo cáo phục vụ công tác quản trị, giám sát, kiểm soát và công bố thông tin của Công ty. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải trung thực, đầy đủ, kịp thời, có số liệu, có căn cứ, có đánh giá rủi ro, có kiến nghị xử lý và có thể kiểm tra, đối chiếu.

2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, nhân sự, lao động, công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, quản trị rủi ro và các vấn đề trọng yếu khác.

3. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu, dữ liệu và giải trình theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc không báo cáo, báo cáo chậm, báo cáo không trung thực, che giấu thông tin, cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc cản trở hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm toán là căn cứ xem xét trách nhiệm của Tổng Giám đốc và cá nhân có liên quan.

4. Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc cơ quan có thẩm quyền khác; không được thực hiện giao dịch, hợp đồng, đầu tư, mua sắm, vay, cho vay, bảo lãnh, xử lý tài sản, sử dụng vốn hoặc cam kết nghĩa vụ tài chính khi chưa được phê duyệt theo thẩm quyền.

5. Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được che giấu thông tin, báo cáo sai lệch, trì hoãn thực hiện nhiệm vụ không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cản trở hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm toán, sử dụng tài sản, thông tin, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền; được quyền chủ động điều hành hoạt động hằng ngày của Công

ty trong phạm vi được giao, đồng thời phải chịu sự giám sát, yêu cầu báo cáo, yêu cầu giải trình và kiểm tra của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không được từ chối, trì hoãn hoặc né tránh nghĩa vụ báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin với lý do độc lập điều hành.

8. Tổng Giám đốc và người điều hành khác bị xem xét trách nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, chậm trễ kéo dài không có lý do chính đáng, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, vượt thẩm quyền, báo cáo không trung thực, che giấu rủi ro, không kiểm soát được lĩnh vực được giao, gây thiệt hại cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành hoặc vi phạm pháp luật.

9. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu khắc phục, yêu cầu giải trình, cảnh báo trách nhiệm, điều chỉnh phân công, tạm đình chỉ việc thực hiện một số nhiệm vụ theo thẩm quyền, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc áp dụng biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và cá nhân có liên quan phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc xử lý trách nhiệm phải bảo đảm khách quan, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và không được sử dụng để can thiệp trái quy định vào quyền điều hành hợp pháp của Tổng Giám đốc

CHƯƠNG VI

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Vị trí, vai trò và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát độc lập của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản trị, điều hành, tài chính, tuân thủ pháp luật và việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

2. Công ty tổ chức mô hình quản trị có Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát không phải là Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị và không chịu sự chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng kiểm soát theo quy định.

3. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành; không trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; không quyết định thay Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

4. Ban kiểm soát có quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu cung cấp thông tin, yêu cầu giải trình, cảnh báo rủi ro và kiến nghị biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực, cẩn trọng, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, bảo mật thông tin và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông và pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Trong đặc thù Công ty cổ phần X20 là công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, Ban kiểm soát có trách nhiệm chú trọng giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, việc tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, việc quản lý công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc và việc kiểm soát các rủi ro trọng yếu trong toàn hệ thống.

Điều 36. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên. Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, điều kiện, việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về quản trị công ty đại chúng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có phẩm chất trung thực, liêm chính, độc lập, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp về tài chính, kế toán, kiểm toán, pháp luật, quản trị, kiểm soát nội bộ hoặc lĩnh vực khác phù hợp với hoạt động của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát không được thuộc các trường hợp bị cấm hoặc bị hạn chế theo quy định của pháp luật; không được có quan hệ, lợi ích hoặc vị trí làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong thực hiện chức năng kiểm soát.

5. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, điều phối việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát, ký các báo cáo thuộc thẩm quyền và chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định.

6. Thành viên Ban kiểm soát phải thường xuyên cập nhật quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản trị công ty đại chúng, quản lý vốn Nhà nước, tài chính, kế toán, kiểm toán, lao động, bảo hiểm xã hội, quốc phòng, an ninh và các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng trong quản trị, điều hành, tài chính, kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và việc tuân thủ Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hợp đồng, giao dịch, hồ sơ quản trị, hồ sơ điều hành, tài liệu tài chính và các tài liệu khác của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện chức năng kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, đơn vị trực thuộc, công ty con và các cá nhân, bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình phục vụ hoạt động kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có quyền tham dự và phát biểu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác khi nội dung cuộc họp có liên quan đến chức năng kiểm soát hoặc khi được mời theo quy định.

5. Ban kiểm soát có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, khắc phục sai phạm, xử lý rủi ro, hoàn thiện cơ chế quản trị, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính, quản lý vốn Nhà nước, công bố thông tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động.

6. Ban kiểm soát có nghĩa vụ thực hiện kiểm soát đúng phạm vi, đúng thẩm quyền, trung thực, khách quan, không lạm quyền, không cản trở hoạt động hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

7. Ban kiểm soát có nghĩa vụ bảo mật thông tin, tài liệu, dữ liệu của Công ty; không được sử dụng thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 38. Phạm vi kiểm soát và nội dung giám sát trọng yếu

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ và các quyết định hợp pháp của Công ty.

2. Ban kiểm soát giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, tài chính, kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, nghĩa vụ với Nhà nước, nghĩa vụ với cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

3. Ban kiểm soát giám sát việc bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn Nhà nước; việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo quy định.

4. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo mật thông tin, quản lý tài sản và nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

trong phạm vi phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh.

5. Ban kiểm soát giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và công ty đại chúng, đặc biệt đối với báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị, giao dịch với người có liên quan, thay đổi nhân sự quản lý, giao dịch có giá trị lớn và các thông tin bất thường khác.

6. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện nguyên tắc tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát; phát hiện và kiến nghị xử lý các trường hợp chồng chéo thẩm quyền, vượt quyền, né trách nhiệm, trì hoãn thực hiện nhiệm vụ, che giấu thông tin hoặc báo cáo sai lệch.

7. Ban kiểm soát giám sát hoạt động của công ty con, chi nhánh, đơn vị trực thuộc thông qua báo cáo, hồ sơ, tài liệu và cơ chế kiểm soát của Công ty mẹ, nhưng không trực tiếp điều hành hoặc can thiệp trái quy định vào hoạt động hằng ngày của các đơn vị này.

8. Ban kiểm soát không thay thế chức năng kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán hoặc Văn phòng Hội đồng quản trị; các bộ phận này có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin và thực hiện kiến nghị theo đúng thẩm quyền, chức năng được giao.

Điều 39. Quan hệ phối hợp của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan

1. Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị trên nguyên tắc độc lập, tôn trọng chức năng, không làm thay nhiệm vụ của nhau và bảo đảm hiệu quả giám sát hoạt động của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, nghị quyết, quyết định và thông tin cần thiết theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc, Ban điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, công ty con và cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình theo yêu cầu hợp pháp của Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát phối hợp với Người phụ trách quản trị công ty, Văn phòng Hội đồng quản trị, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, bộ phận pháp chế, bộ phận kiểm soát nội bộ, bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận có liên quan trên nguyên tắc không chồng chéo, không thay thế chức năng, không làm phát sinh thêm cấp điều hành và bảo đảm sử dụng thông tin đúng mục đích kiểm soát.

5. Mọi hành vi cản trở hoạt động kiểm soát hợp pháp, trì hoãn cung cấp thông tin, cung cấp thông tin sai lệch, che giấu hồ sơ, không giải trình hoặc giải trình không trung thực theo yêu cầu của Ban kiểm soát đều là hành vi vi phạm Điều lệ và phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 40. Báo cáo của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm lập và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát phải phản ánh trung thực, khách quan kết quả kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát hoạt động điều hành, tài chính, kế toán, kiểm toán, công bố thông tin, quản lý vốn Nhà nước và các vấn đề trọng yếu khác.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát phải nêu rõ các phát hiện, sai phạm, rủi ro, nguyên nhân, trách nhiệm liên quan, kiến nghị xử lý và tình trạng thực hiện kiến nghị kỳ trước nếu có.

4. Ban kiểm soát có quyền báo cáo đột xuất Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật khi phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, rủi ro lớn, nguy cơ thất thoát vốn, tài sản, vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin, vi phạm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc hành vi có khả năng gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

5. Ban kiểm soát phải bảo đảm báo cáo đúng thời hạn, đúng thẩm quyền, có căn cứ, có hồ sơ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của báo cáo.

6. Trường hợp báo cáo của Ban kiểm soát có nội dung liên quan đến bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, thông tin chưa công bố hoặc thông tin có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán, việc gửi, lưu giữ và công bố báo cáo phải tuân thủ quy định pháp luật về bảo mật và công bố thông tin.

Điều 41. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc chi trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm công khai, minh bạch, tương xứng với trách nhiệm, thời gian làm việc, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát không được nhận bất kỳ lợi ích nào trái pháp luật hoặc lợi ích có khả năng làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong hoạt động kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

5. Việc xác định, chi trả và công bố thông tin về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm phù hợp với quy định áp

dụng đối với công ty đại chúng và quy định quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp nếu có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, kết luận, kiến nghị, báo cáo và các hành vi của mình trong quá trình thực hiện chức năng kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ; báo cáo không trung thực; che giấu sai phạm; không cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi biết hoặc phải biết; tiết lộ thông tin mật; lạm dụng quyền kiểm soát; gây cản trở hoạt động hợp pháp của Công ty; hoặc có hành vi gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông, Nhà nước hoặc người lao động.

3. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát phát hiện sai phạm nhưng không báo cáo, không kiến nghị xử lý hoặc cố ý làm sai lệch nội dung kiểm soát thì phải chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, xử lý trách nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế nội bộ có liên quan.

5. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định chi tiết về chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, kế hoạch kiểm soát, phương thức kiểm tra, báo cáo, kiến nghị, theo dõi thực hiện kiến nghị, bảo mật thông tin và trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

6. Việc xử lý trách nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm khách quan, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có căn cứ, có hồ sơ và không được sử dụng để cản trở tính độc lập hợp pháp của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CON

Điều 43. Nguyên tắc quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước và các cá nhân, bộ phận có liên quan phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

4. Mọi quyết định liên quan đến phần vốn Nhà nước, tài sản của Công ty, đầu tư, chuyển nhượng vốn, mua bán tài sản, phân phối lợi nhuận, tổ chức lại doanh nghiệp, công ty con, công ty liên kết và các giao dịch có ảnh hưởng lớn đến vốn Nhà nước phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ, có căn cứ pháp lý, có đánh giá hiệu quả và có kiểm soát rủi ro.

5. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng vốn Nhà nước sai mục đích, làm thất thoát vốn, che giấu thông tin về vốn, quyết định vượt thẩm quyền, hợp thức hóa hồ sơ không đúng bản chất, chuyển dịch lợi ích trái pháp luật hoặc thực hiện giao dịch có nguy cơ gây thiệt hại cho Nhà nước, Công ty và cổ đông.

6. Trong trường hợp có xung đột giữa mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn và yêu cầu bảo toàn vốn Nhà nước, an toàn tài chính, tuân thủ pháp luật hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty phải ưu tiên bảo toàn vốn, an toàn pháp lý và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định.

Điều 44. Trách nhiệm của Công ty trong bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển phần vốn Nhà nước tại Công ty thông qua việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ tài sản, kiểm soát dòng tiền, kiểm soát đầu tư, quản lý công ty con, công ty liên kết và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quyết định định hướng, chính sách, kế hoạch và cơ chế quản lý nhằm bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước; giám sát việc sử dụng vốn; kịp thời xem xét, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các rủi ro, sai phạm, thất thoát, lãng phí hoặc hiệu quả thấp trong quản lý vốn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty, có trách nhiệm tổ chức hoạt động quản trị, giám sát và kiểm soát theo thẩm quyền nhằm bảo đảm các quyết định liên quan đến vốn Nhà nước được thực hiện đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực của Công ty trong phạm vi điều hành được giao; bảo đảm vốn được sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch, đúng ngân sách, đúng thẩm quyền, tiết kiệm, hiệu quả và đạt mục tiêu đã được phê duyệt.

5. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại Công ty theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ này quy định.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước có trách nhiệm thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Nhà nước theo đúng quy định pháp luật, đúng chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại Công ty.

7. Trường hợp để xảy ra thất thoát vốn, thiệt hại tài sản hoặc suy giảm nghiêm trọng hiệu quả sử dụng vốn do vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, vượt thẩm quyền, thiếu trách nhiệm hoặc không kiểm soát rủi ro, cá nhân, bộ phận có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 45. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty là cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cử hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện quyền cổ đông tương ứng với phần vốn Nhà nước tại Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty và cổ đông.

3. Người đại diện phần vốn Nhà nước có trách nhiệm tham gia, biểu quyết, đề xuất, kiến nghị, báo cáo và thực hiện các quyền cổ đông Nhà nước theo đúng thẩm quyền, đúng nội dung được giao, đúng chỉ đạo và đúng quy định của pháp luật.

4. Người đại diện phần vốn Nhà nước có nghĩa vụ báo cáo định kỳ, đột xuất và xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung phải xin ý kiến trước theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy chế quản lý người đại diện phần vốn.

5. Người đại diện phần vốn Nhà nước không được tự ý biểu quyết, chấp thuận, cam kết hoặc quyết định đối với các vấn đề vượt thẩm quyền, chưa được xin ý kiến hoặc trái với chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

6. Người đại diện phần vốn Nhà nước không phải là một cấp quản lý nội bộ độc lập của Công ty, không điều hành thay Tổng Giám đốc, không quyết định thay Hội đồng quản trị, không làm thay chức năng của Ban kiểm soát, mà thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông Nhà nước thông qua cơ chế cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cơ chế hợp pháp khác theo quy định.

7. Người đại diện phần vốn Nhà nước chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết, quyết định, báo cáo, việc xin ý kiến, việc không xin ý kiến hoặc việc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ đại diện phần vốn theo quy định của pháp luật.

8. Quyền, nghĩa vụ, chế độ báo cáo, quy trình xin ý kiến, đánh giá, thay thế, miễn nhiệm, xử lý trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn Nhà nước được quy định cụ thể tại quy chế quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước và các văn bản có liên quan của Công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Điều 46. Cơ chế phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước phối hợp với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan trong việc quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty trên nguyên tắc đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, không chồng chéo, không làm thay chức năng của các cơ quan quản trị, điều hành và kiểm soát trong Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời hồ sơ, tài liệu, báo cáo và thông tin cần thiết để người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện nghĩa vụ báo cáo, xin ý kiến và thực hiện quyền cổ đông Nhà nước theo quy định.

3. Việc cung cấp thông tin cho người đại diện phần vốn Nhà nước phải bảo đảm đúng pháp luật về công bố thông tin, bảo mật thông tin, bí mật kinh doanh, bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng và các quy định nội bộ của Công ty.

4. Trường hợp người đại diện phần vốn Nhà nước phát hiện nội dung có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vượt thẩm quyền, gây rủi ro thất thoát vốn, ảnh hưởng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, ảnh hưởng quyền lợi cổ đông hoặc quyền lợi người lao động thì có trách nhiệm kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

5. Mọi hành vi cản trở người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, che giấu thông tin, cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây áp lực trái quy định đối với người đại diện phần vốn Nhà nước đều bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Việc phối hợp giữa người đại diện phần vốn Nhà nước với Công ty phải được thực hiện bằng văn bản, hồ sơ, báo cáo, nghị quyết, biên bản hoặc phương thức hợp pháp khác có thể kiểm tra, đối chiếu, lưu trữ và truy trách nhiệm.

Điều 47. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện quyền của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác phải bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả, minh bạch, không thất thoát, không lạm dụng, không đầu tư dàn trải, không đầu tư ngoài chiến lược, không đầu tư vượt thẩm quyền và không làm ảnh hưởng bất lợi đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

3. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, tăng giảm vốn, cử người đại diện phần vốn, phê duyệt định hướng chiến lược, kế hoạch lớn, giao dịch trọng yếu và các vấn đề thuộc thẩm quyền đối với công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp; theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn, rủi ro, nghĩa vụ tài chính và các vấn đề phát sinh theo quy định.

5. Ban kiểm soát có quyền giám sát việc quản lý vốn đầu tư của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

6. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện quyền của Công ty tại doanh nghiệp được cử làm đại diện theo đúng chỉ đạo, nghị quyết, quyết định và quy chế của Công ty.

7. Nội dung chi tiết về quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn, chế độ báo cáo, đánh giá hiệu quả, xử lý rủi ro và xử lý trách nhiệm được quy định tại quy chế quản lý vốn đầu tư, quy chế người đại diện phần vốn và quy chế quản lý công ty con của Công ty.

Điều 48. Nguyên tắc quản lý công ty con và đơn vị trực thuộc

1. Công ty thực hiện quyền đối với công ty con và đơn vị trực thuộc trên cơ sở pháp luật, Điều lệ này, Điều lệ của công ty con, quy chế nội bộ của Công ty và nguyên tắc tôn trọng tư cách pháp lý độc lập của công ty con.

2. Đối với công ty con, Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu, quyền cổ đông hoặc quyền thành viên góp vốn thông qua Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn và các cơ chế quản trị theo quy định; không trực tiếp can thiệp vào hoạt động điều hành hằng ngày của công ty con trái với quy định của pháp luật.

3. Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, trung tâm, trường, ban, bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc khác, Công ty thực hiện quản lý trực tiếp theo mô hình tổ chức nội bộ, phân cấp, ủy quyền, kế hoạch, ngân sách, quy chế và quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện chiến lược, kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ, chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các quy định quản trị, kiểm soát của Công ty trong phạm vi được áp dụng.

5. Việc quản lý công ty con và đơn vị trực thuộc phải bảo đảm không chồng chéo giữa quản trị và điều hành; rõ quyền, rõ trách nhiệm, rõ kết quả; kiểm soát được vốn, tài sản, con người, chất lượng, tiến độ, chi phí, rủi ro và hiệu quả hoạt động.

6. Người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả hoạt động, việc sử dụng vốn, tài sản, lao động, tài chính, chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện nhiệm vụ và việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Công ty không sử dụng quyền chủ sở hữu tại công ty con để hợp thức hóa quyết định trái pháp luật, che giấu rủi ro, chuyển dịch lợi ích, né tránh nghĩa vụ tài

chính, né tránh trách nhiệm đối với người lao động hoặc làm sai lệch kết quả hoạt động của công ty con.

Điều 49. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác

1. Người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và doanh nghiệp khác là cá nhân được Công ty cử hoặc giao nhiệm vụ để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty với tư cách chủ sở hữu, cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp đó.

2. Người đại diện phần vốn của Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền biểu quyết, đề xuất, báo cáo, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp được cử làm đại diện.

3. Người đại diện phần vốn của Công ty phải thực hiện đúng chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc cấp có thẩm quyền của Công ty; không được tự ý quyết định, biểu quyết, cam kết đối với nội dung vượt thẩm quyền hoặc chưa được Công ty cho ý kiến theo quy định.

4. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về tình hình hoạt động, tài chính, đầu tư, nhân sự, rủi ro, giao dịch trọng yếu, phân phối lợi nhuận, nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ với người lao động và các vấn đề phát sinh tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

5. Người đại diện phần vốn chịu trách nhiệm cá nhân trong trường hợp không báo cáo, báo cáo không trung thực, biểu quyết trái chỉ đạo, không bảo vệ lợi ích của Công ty, để xảy ra thất thoát vốn hoặc gây thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác không được lợi dụng vị trí đại diện vốn để trục lợi, che giấu thông tin, ưu tiên lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của tổ chức khác trái với lợi ích hợp pháp của Công ty.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự cử, thay thế, miễn nhiệm, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, chế độ báo cáo và trách nhiệm của người đại diện phần vốn được quy định cụ thể tại quy chế người đại diện phần vốn của Công ty.

Điều 50. Kiểm soát kế hoạch, tài chính, đầu tư và rủi ro tại công ty con, đơn vị trực thuộc

1. Công ty thực hiện kiểm soát công ty con, chi nhánh và đơn vị trực thuộc thông qua hệ thống kế hoạch, ngân sách, báo cáo, giám sát, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, đánh giá hiệu quả và cơ chế trách nhiệm cá nhân.

2. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc phải xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các kế hoạch liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hoặc cho ý kiến theo quy định.

3. Mọi hoạt động đầu tư, mua sắm, vay, cho vay, bảo lãnh, xử lý tài sản, ký kết hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hoặc có rủi ro cao tại công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, đúng quy chế, có hồ sơ, có thẩm định, có đánh giá hiệu quả và có kiểm soát rủi ro.

4. Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc không được thực hiện giao dịch, dự án, hợp đồng, đầu tư, mua sắm hoặc cam kết nghĩa vụ tài chính vượt thẩm quyền, ngoài kế hoạch, không có nguồn vốn bảo đảm hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty.

5. Khi phát sinh sai lệch lớn so với kế hoạch, rủi ro tài chính, rủi ro pháp lý, rủi ro lao động, rủi ro chất lượng, rủi ro môi trường, rủi ro quốc phòng, rủi ro công bố thông tin hoặc nguy cơ thất thoát vốn, người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và người đại diện phần vốn phải báo cáo kịp thời cho Công ty theo quy định.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận chức năng của Công ty thực hiện kiểm soát, giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động của công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc theo đúng phạm vi thẩm quyền, không làm thay hoạt động điều hành hàng ngày nhưng phải bảo đảm không để mất kiểm soát vốn, tài sản, con người, nhiệm vụ và rủi ro.

7. Nội dung chi tiết về hệ thống chỉ tiêu, chế độ báo cáo, hạn mức, quy trình phê duyệt, cơ chế cảnh báo, cơ chế xử lý sai lệch và trách nhiệm của công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc được quy định tại quy chế quản lý công ty con, quy chế tài chính, quy chế phân cấp ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 51. Trách nhiệm và xử lý vi phạm trong quản lý vốn Nhà nước, người đại diện vốn và công ty con

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý vốn Nhà nước, quản lý phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, quản lý người đại diện phần vốn, quản lý công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quyết định vượt thẩm quyền; sử dụng vốn, tài sản sai mục đích; làm thất thoát vốn, tài sản; che giấu thông tin; báo cáo sai lệch; không xin ý kiến khi thuộc diện phải xin ý kiến; biểu quyết trái chỉ đạo; không kiểm soát rủi ro; trì hoãn xử lý sai phạm; để công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc hoạt động ngoài phạm vi được phê duyệt; hoặc làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

3. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Nhà nước, Công ty, cổ đông, công ty con, người lao động hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức vi phạm phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị có quyền xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý đối với người đại diện phần vốn, người quản lý, người điều hành, người đứng đầu đơn vị hoặc cá nhân có liên quan khi phát hiện vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ, không bảo vệ lợi ích của Công ty hoặc có nguy cơ gây thiệt hại.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức xử lý, khắc phục các sai lệch trong phạm vi điều hành được giao và báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định.

6. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát việc xử lý vi phạm, khắc phục sai lệch, thực hiện kiến nghị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng theo quy định.

7. Các quy trình chi tiết về đánh giá, cảnh báo, xử lý trách nhiệm, thay thế người đại diện phần vốn, xử lý rủi ro tại công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc được quy định tại các quy chế nội bộ chuyên ngành của Công ty.

CHƯƠNG VIII

DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG – LƯƠNG DỤNG, TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC QUẢN CHỨNG TRONG CÔNG TY

Điều 52. Nguyên tắc hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng – lương dụng

1. Công ty cổ phần X20 là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng, đồng thời là doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện đồng thời nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Hoạt động của Công ty phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh với thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, xây dựng năng lực sản xuất quốc phòng, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật và sản phẩm phục vụ lực lượng vũ trang theo yêu cầu của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong trường hợp phát sinh xung đột giữa mục tiêu kinh tế ngắn hạn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao hợp pháp, Công ty ưu tiên thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đồng thời Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức phương án điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, nhân lực và nguồn lực phù hợp để hạn chế tác động bất lợi đến hiệu quả chung của Công ty, quyền lợi hợp pháp của cổ đông và người lao động.

4. Việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng kế hoạch, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng, đúng tiến độ, có kiểm soát chi phí, kiểm soát rủi ro và tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh, bí mật kinh doanh và nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với công ty đại chúng.

5. Công ty phát triển năng lực lưỡng dụng trên cơ sở tận dụng hiệu quả hệ thống nhà xưởng, công nghệ, nhân lực, kinh nghiệm sản xuất, chuỗi cung ứng và năng lực quản trị nhằm phục vụ đồng thời yêu cầu quốc phòng, an ninh và nhu cầu thị trường dân sinh, xuất khẩu, thương mại, dịch vụ phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

6. Việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh không được làm suy giảm năng lực thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, không làm thất thoát vốn, tài sản, không làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, không vi phạm quy định về bảo mật và không trái với chỉ đạo hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 53. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các định hướng, kế hoạch, phương án đầu tư, phương án tổ chức nguồn lực, phương án duy trì năng lực sản xuất và cơ chế kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hoạt động quản trị và giám sát nhằm bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được triển khai đúng chủ trương, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, đúng nghị quyết của Hội đồng quản trị, không để xảy ra tình trạng buông lỏng quản trị, chậm trễ, sai lệch hoặc mất kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong hoạt động điều hành; bảo đảm kế hoạch sản xuất, tiến độ, chất lượng, an toàn, bảo mật, chi phí, nhân lực, vật tư, công nghệ và năng lực giao hàng theo yêu cầu được giao.

4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, người quản lý, người điều hành và người lao động có liên quan có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo phân công, kế hoạch, mệnh lệnh sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình chất lượng, quy định bảo mật và các yêu cầu quản lý chuyên ngành.

5. Việc chậm trễ, không hoàn thành, thực hiện không đúng yêu cầu, làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ, bảo mật hoặc uy tín của Công ty trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được xem là vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm quản trị, điều hành hoặc thực hiện nhiệm vụ và phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Trường hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phát sinh yêu cầu điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngân sách, nhân lực, vật tư, công nghệ hoặc năng lực sản xuất, Tổng Giám đốc có trách nhiệm kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và cơ quan có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định hoặc tổ chức thực hiện trong phạm vi thẩm quyền được giao.

Điều 54. Quản lý tài sản, công nghệ, nguồn lực và thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

1. Tài sản, thiết bị, công nghệ, tài liệu, dữ liệu, vật tư, sản phẩm, hợp đồng và các nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được quản lý chặt chẽ, đúng mục đích, đúng chế độ, đúng quy định về tài chính, tài sản, kế toán, kiểm kê, bảo mật và kiểm soát nội bộ.

2. Công ty không được sử dụng tài sản, thiết bị, vật tư, công nghệ hoặc nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vào mục đích trái pháp luật, trái nhiệm vụ được giao, trái Điều lệ này hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng đến khả năng sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Các thông tin, tài liệu, dữ liệu, mẫu sản phẩm, định mức kỹ thuật, quy trình công nghệ, hợp đồng, kế hoạch sản xuất, danh mục khách hàng, sản phẩm, số lượng, tiến độ và các thông tin khác liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được quản lý theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, quy chế bảo mật của Công ty và quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.

4. Cá nhân, bộ phận, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản, công nghệ, tài liệu, dữ liệu và nguồn lực phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh chịu trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm đơn vị nếu để mất mát, thất thoát, lộ lọt thông tin, sử dụng sai mục đích hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

5. Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận kiểm soát có thẩm quyền thực hiện giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản, công nghệ, nguồn lực và thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

6. Việc cung cấp, công bố, chuyển giao, lưu trữ, sao chụp, khai thác, sử dụng hoặc tiêu hủy thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng quy trình và bảo đảm kiểm soát được người tiếp cận, mục đích sử dụng, thời hạn lưu giữ và trách nhiệm bảo mật.

Điều 55. Kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

1. Công ty thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh gắn với chiến lược phát triển doanh nghiệp từng giai đoạn đã được phê duyệt, trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất hàng quốc phòng, hiện đại hóa công nghệ dệt – nhuộm – in – may, phát triển năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm, quản trị chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng, khai thác hiệu quả tài sản và mở rộng thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty được phát triển hoạt động kinh tế, thương mại, dịch vụ, xuất khẩu, khai thác tài sản, hợp tác, liên doanh, liên kết, thương mại điện tử và các ngành nghề đã đăng ký, nhưng phải bảo đảm không làm suy giảm khả năng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, không làm thất thoát vốn, không ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp quốc phòng và không trái chỉ đạo hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các dự án đầu tư, mua sắm, hợp tác, chuyển giao công nghệ, liên doanh, liên kết, khai thác tài sản hoặc mở rộng ngành nghề có liên quan đến năng lực quốc

phòng, an ninh hoặc tài sản có nguồn gốc, công năng phục vụ quốc phòng, an ninh phải được xem xét thận trọng, đánh giá đầy đủ tác động pháp lý, tài chính, quốc phòng, bảo mật, môi trường, lao động và rủi ro trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Công ty khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, quản trị dữ liệu, nâng cao năng suất lao động và phát triển văn hóa doanh nghiệp X20 trên nền tảng kỷ luật, chính trực, trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo và phụng sự nhiệm vụ chung.

5. Việc kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với hoạt động kinh tế phải được quản trị bằng chiến lược, kế hoạch, ngân sách, chỉ tiêu, báo cáo, kiểm soát rủi ro và trách nhiệm giải trình, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, khách hàng và các bên liên quan.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát để chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh không làm lệch nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và không tạo rủi ro đối với phần vốn Nhà nước, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động, uy tín và thương hiệu X20.

Điều 56. Công đoàn trong Công ty

1. Tổ chức Công đoàn trong Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về công đoàn, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan.

2. Công đoàn là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phối hợp với Công ty trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động, văn hóa doanh nghiệp và kỷ luật lao động.

3. Công đoàn có quyền tham gia ý kiến, giám sát, kiến nghị đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp trong Công ty.

4. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện để Công đoàn hoạt động đúng chức năng, đúng pháp luật; cung cấp thông tin cần thiết theo quy định; tổ chức đối thoại, thương lượng, trao đổi, phối hợp giải quyết kiến nghị của người lao động trong phạm vi thẩm quyền.

5. Công đoàn không thực hiện chức năng quản trị doanh nghiệp, không ra quyết định điều hành, không can thiệp trái quy định vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các cơ quan quản lý của Công ty.

6. Mọi kiến nghị, đề xuất của Công đoàn liên quan đến quản trị, điều hành, chế độ chính sách, lao động, tiền lương, phúc lợi, an toàn, vệ sinh lao động và quan hệ lao động phải được thực hiện thông qua cơ chế đối thoại, phối hợp, giám sát, kiến nghị theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

7. Công đoàn phối hợp với Công ty trong việc tuyên truyền, vận động người lao động chấp hành nội quy lao động, kỷ luật lao động, kỷ luật sản xuất, kỷ luật bảo mật, kỷ luật quốc phòng và văn hóa doanh nghiệp X20; không được lợi dụng hoạt động công đoàn để cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Công ty.

Điều 57. Tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng trong Công ty

1. Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, quy định của Đảng và pháp luật có liên quan, giữ vai trò lãnh đạo chính trị, tư tưởng, định hướng xây dựng tổ chức vững mạnh, bảo đảm Công ty hoạt động đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

2. Các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức quần chúng trong Công ty được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức và quy định nội bộ của Công ty; có trách nhiệm tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, người lao động thực hiện nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật lao động, kỷ luật quốc phòng, văn hóa doanh nghiệp và các quy định của Công ty.

3. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức quần chúng khác phải phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và yêu cầu bảo mật, an toàn, kỷ luật của doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

4. Các tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức quần chúng không làm thay chức năng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và bộ máy quản lý doanh nghiệp; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát của Công ty.

5. Công ty khuyến khích các tổ chức chính trị – xã hội và tổ chức quần chúng tham gia xây dựng văn hóa X20, phát huy truyền thống doanh nghiệp quân đội, nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ luật, đoàn kết, sáng tạo, tinh thần phục vụ và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

6. Việc phối hợp giữa tổ chức Đảng, Công đoàn, các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức quần chúng với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị trong Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức, quy chế phối hợp và các quy định nội bộ có liên quan, bảo đảm không chồng chéo chức năng, không làm phát sinh cơ chế quyền lực ngoài Điều lệ và pháp luật.

Điều 58. Đối thoại, quan hệ lao động và trách nhiệm với người lao động

1. Công ty thực hiện đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế dân chủ cơ sở và các cơ chế quan hệ lao động khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách lao động, tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, đào tạo, kỷ luật lao động, phúc lợi và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Hội đồng quản trị giám sát việc xây dựng và thực hiện chính sách lớn về lao động, tiền lương, phúc lợi, an toàn lao động, văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, khả năng tài chính và quy định pháp luật.

4. Công đoàn có trách nhiệm phối hợp với Tổng Giám đốc và các đơn vị trong việc tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện chính sách đối với người lao động; tham gia bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định.

5. Người lao động có trách nhiệm chấp hành pháp luật, Điều lệ, nội quy lao động, quy chế, quy trình, kỷ luật điều hành, kỷ luật tài chính, kỷ luật bảo mật, kỷ luật quốc phòng, văn hóa doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm, năng suất, chất lượng, hiệu quả.

6. Việc không thực hiện hoặc chậm giải quyết các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động; vi phạm quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn lao động; hoặc để phát sinh tranh chấp lao động do lỗi quản lý thì người quản lý, người điều hành và bộ phận có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

7. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, người lao động ngoài nghĩa vụ lao động theo hợp đồng còn có trách nhiệm chấp hành yêu cầu về bảo mật, kỷ luật sản xuất, kỷ luật chất lượng, kỷ luật tiến độ và các quy định phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo phân công hợp pháp của Công ty.

8. Chính sách đối với người lao động phải gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả, kết quả công việc, mức độ tuân thủ kỷ luật, đóng góp thực tế và khả năng tài chính của Công ty; không được hiểu là nghĩa vụ bảo đảm thu nhập cố định ngoài quy định của pháp luật, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy và quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

CHƯƠNG IX

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 59. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Công ty thực hiện quản lý tài chính theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch, trung thực, hiệu quả, tiết kiệm, có kiểm soát và bảo đảm an toàn tài chính.

2. Hoạt động tài chính của Công ty phải phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật về kế toán, kiểm toán, thuế, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

3. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, đặc biệt là phần vốn Nhà nước tại Công ty; không được sử dụng vốn, tài sản sai mục đích, không được để thất thoát, lãng phí, không được thực hiện giao dịch tài chính vượt thẩm quyền hoặc có rủi ro không được kiểm soát.

4. Mọi khoản thu, chi, đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh, mua sắm, thanh lý, chuyển nhượng, sử dụng tài sản và các giao dịch tài chính khác phải có căn cứ, có hồ sơ, có thẩm quyền phê duyệt, có chứng từ hợp lệ, có thể kiểm tra, đối chiếu và xác định trách nhiệm cá nhân.

5. Trong đặc thù Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, việc quản lý tài chính phải đồng thời bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ với Nhà nước, quyền lợi cổ đông, quyền lợi người lao động, an toàn tài chính và yêu cầu bảo mật thông tin theo quy định.

6. Việc quản lý tài chính không được tách rời trách nhiệm quản trị, điều hành và kiểm soát. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát tài chính ở cấp quản trị; Tổng Giám đốc tổ chức điều hành tài chính trong phạm vi được giao; Ban kiểm soát thực hiện giám sát độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 60. Kế hoạch tài chính, ngân sách và kiểm soát dòng tiền

1. Công ty xây dựng kế hoạch tài chính, ngân sách hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch lao động, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu bảo toàn vốn của Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch tài chính, ngân sách, định hướng sử dụng vốn, chính sách quản lý dòng tiền và các vấn đề tài chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, ngân sách, kế hoạch dòng tiền sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm việc sử dụng vốn, tài sản và nguồn lực tài chính đúng mục tiêu, đúng kế hoạch, đúng ngân sách, đúng thẩm quyền, tiết kiệm và hiệu quả.

4. Việc điều chỉnh kế hoạch tài chính, ngân sách, dòng tiền, nguồn vốn hoặc các chỉ tiêu tài chính trọng yếu phải được thực hiện theo đúng thẩm quyền, có căn cứ, có phân tích tác động, có đánh giá rủi ro và có phương án xử lý phù hợp.

5. Công ty phải kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, công nợ phải thu, công nợ phải trả, hàng tồn kho, nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ với người lao động, nghĩa vụ với cổ đông, nghĩa vụ với Nhà nước và các nghĩa vụ tài chính khác nhằm bảo đảm khả năng thanh toán, an toàn tài chính và hiệu quả sử dụng vốn.

6. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm đối với việc quản lý dòng tiền, kiểm soát ngân sách, kiểm soát chi phí, quản lý công nợ, quản lý hàng tồn kho và bảo đảm tính chính xác, trung thực, kịp thời của thông tin tài chính trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Nội dung chi tiết về lập, phê duyệt, điều chỉnh, kiểm soát kế hoạch tài chính, ngân sách, dòng tiền, hạn mức chi tiêu, thẩm quyền phê duyệt và chế độ báo cáo tài chính nội bộ được quy định tại Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 61. Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam và có thể mở tài khoản ở nước ngoài theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động của Công ty.

2. Việc mở, sử dụng, quản lý, ủy quyền sử dụng tài khoản ngân hàng, ký chứng từ ngân hàng, lệnh chi, ủy nhiệm chi, chứng từ thanh toán và giao dịch tài chính phải thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế tài chính và Quy chế phân quyền ký của Công ty.

3. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Công ty phải lập, ghi chép, quản lý và lưu trữ đầy đủ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hồ sơ tài chính, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật.

6. Mọi số liệu kế toán, tài chính, giá thành, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, công nợ, tồn kho, dòng tiền và các chỉ tiêu tài chính khác phải được phản ánh trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời và có thể kiểm tra, đối chiếu.

7. Kế toán trưởng có quyền từ chối thực hiện hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với yêu cầu lập chứng từ, ghi nhận nghiệp vụ, thanh toán, hạch toán hoặc báo cáo tài chính trái pháp luật, trái Điều lệ, trái chuẩn mực kế toán hoặc không có hồ sơ, chứng từ hợp lệ.

Điều 62. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và trách nhiệm về số liệu

1. Công ty lập báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý và các báo cáo tài chính khác theo quy định của pháp luật về kế toán, chứng khoán và công ty đại chúng.

2. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố thông tin theo quy định.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tình hình sử dụng vốn, báo cáo công nợ, báo cáo dòng tiền, báo cáo đầu tư, báo cáo quản lý công ty con và các báo cáo khác theo quy định.

4. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, kiểm soát số liệu kế toán, lập và trình ký báo cáo tài chính theo đúng quy định pháp luật, bảo đảm tính trung thực, hợp lý, hợp lệ và nhất quán của số liệu.

5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát việc lập, kiểm toán, trình, thông qua và công bố báo cáo tài chính; Ban kiểm soát có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các báo cáo khác theo quy định.

6. Người lập, cung cấp, kiểm tra, phê duyệt, ký hoặc công bố báo cáo phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu và nội dung báo cáo trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch số liệu kế toán, che giấu doanh thu, chi phí, công nợ, rủi ro, nghĩa vụ tài chính, thất thoát tài sản hoặc cung cấp thông tin tài chính không trung thực cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, cơ quan quản lý Nhà nước, kiểm toán hoặc bên có thẩm quyền.

8. Trường hợp phát hiện sai lệch số liệu, báo cáo không trung thực, rủi ro tài chính trọng yếu hoặc dấu hiệu thất thoát vốn, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo, giải trình, đề xuất biện pháp khắc phục và chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 63. Kiểm toán

1. Công ty thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập, chứng khoán, công ty đại chúng và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách được chấp thuận theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty phải bảo đảm điều kiện hành nghề, tính độc lập, khách quan và tuân thủ chuẩn mực kiểm toán theo quy định.

4. Công ty có thể tổ chức kiểm toán nội bộ, kiểm toán chuyên đề, kiểm toán tuân thủ hoặc kiểm toán theo yêu cầu quản trị nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, bảo vệ tài sản, nâng cao hiệu quả quản trị và phòng ngừa sai phạm.

5. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời hồ sơ, tài liệu, số liệu và giải trình phục vụ hoạt động kiểm toán.

6. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có trách nhiệm xem xét, xử lý, khắc phục các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán, thư quản lý, kiến nghị kiểm toán và các cảnh báo rủi ro có liên quan.

7. Mọi hành vi cản trở hoạt động kiểm toán, che giấu hồ sơ, làm sai lệch số liệu, cung cấp thông tin không trung thực hoặc không thực hiện kiến nghị kiểm toán

thuộc trách nhiệm phải bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

8. Kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập không thay thế trách nhiệm quản trị của Hội đồng quản trị, trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, trách nhiệm tổ chức kế toán của Kế toán trưởng và trách nhiệm giám sát độc lập của Ban kiểm soát.

Điều 64. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành, nhu cầu tái đầu tư, yêu cầu bảo toàn vốn, tình hình dòng tiền, khả năng thanh toán và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty chỉ được chia lợi nhuận, chia cổ tức khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn sau khi chia cổ tức, không làm ảnh hưởng đến an toàn tài chính, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nguyên tắc bảo toàn vốn Nhà nước.

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức, việc trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, phương án trích lập quỹ và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sau khi được thông qua.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập phương án phân phối lợi nhuận, cung cấp số liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, đánh giá khả năng thanh toán, nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, đầu tư phát triển, nghĩa vụ với Nhà nước, nghĩa vụ với người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác để trình Hội đồng quản trị xem xét.

6. Lợi nhuận của Công ty được phân phối theo trình tự phù hợp với quy định của pháp luật, bao gồm bù đắp lỗ của các năm trước nếu có, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, trích lập các quỹ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chia cổ tức cho cổ đông.

7. Phần lợi nhuận tương ứng với phần vốn Nhà nước tại Công ty được quản lý, phân phối, nộp, giữ lại hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

8. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc lập, trình, thông qua và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định.

9. Nghiêm cấm việc lập phương án phân phối lợi nhuận trên cơ sở số liệu sai lệch, che giấu lỗ, che giấu nghĩa vụ tài chính, che giấu rủi ro hoặc làm ảnh hưởng đến nguyên tắc bảo toàn vốn Nhà nước và khả năng thanh toán của Công ty.

Điều 65. Cổ tức và thanh toán cổ tức

1. Cổ tức được trả cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, thủ tục, danh sách cổ đông được nhận cổ tức, hình thức thanh toán cổ tức và tổ chức chi trả cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ tức được chi trả theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc chi trả cổ tức phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tỷ lệ, đúng thời hạn, công khai, minh bạch, có hồ sơ, chứng từ đầy đủ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Công ty không được chi trả cổ tức trái quy định, chi trả khi chưa đủ điều kiện, chi trả làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hoặc làm suy giảm trái pháp luật vốn, tài sản, an toàn tài chính của Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức trái quy định, người quyết định, người tham mưu, người thực hiện và cổ đông nhận cổ tức không đúng quy định phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

7. Việc chi trả cổ tức đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo hợp pháp của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 66. Kiểm soát tài chính, trách nhiệm cá nhân và xử lý vi phạm

1. Công ty thiết lập cơ chế kiểm soát tài chính nhằm bảo vệ vốn, tài sản, dòng tiền, dữ liệu tài chính, báo cáo tài chính, hiệu quả đầu tư, phân phối lợi nhuận, cổ tức và nghĩa vụ tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát hệ thống quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán, phân phối lợi nhuận và bảo toàn vốn; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện vai trò giám sát theo thẩm quyền; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức điều hành, quản lý và kiểm soát tài chính trong hoạt động hằng ngày; Ban kiểm soát thực hiện giám sát độc lập theo quy định.

3. Các quyết định tài chính, đầu tư, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, vay, cho vay, bảo lãnh, mua sắm, thanh lý, phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức phải xác định rõ người đề xuất, người thẩm định, người phê duyệt, người thực hiện, người kiểm tra và trách nhiệm cá nhân liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán, phân phối lợi nhuận, cổ tức, quản lý vốn Nhà nước, quản lý tài sản, công bố thông tin tài chính hoặc nghĩa vụ báo cáo thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả phải bị xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

5. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức có liên quan phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định.

6. Việc xử lý trách nhiệm về tài chính phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có hồ sơ, có căn cứ, có kết luận rõ ràng, không làm thay đổi trách nhiệm bồi thường hoặc trách nhiệm pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

7. Nội dung chi tiết về quản lý tài chính, kế toán, ngân sách, dòng tiền, kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, quản lý quỹ, kiểm soát tài chính và xử lý trách nhiệm được quy định tại Quy chế tài chính, Quy chế kiểm soát nội bộ và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

CHƯƠNG X

CÔNG BỐ THÔNG TIN, QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 67. Nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Việc công bố thông tin phải bảo đảm chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, dễ tiếp cận, đúng thẩm quyền, đúng hình thức và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin công bố phải phản ánh đúng bản chất sự việc, không được gây hiểu nhầm cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung công bố thông tin bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, thay đổi nhân sự quản lý, giao dịch với người có liên quan, giao dịch có giá trị lớn, thay đổi vốn, cổ phần, cổ tức, kiểm toán, rủi ro trọng yếu và các thông tin khác theo quy định pháp luật.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát chung đối với hoạt động công bố thông tin của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị, với tư cách người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, tổng hợp, kiểm tra, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin phục vụ công bố thông tin; chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ của thông tin thuộc phạm vi điều hành.

8. Người được ủy quyền công bố thông tin, Người phụ trách quản trị công ty và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế nội bộ và văn bản phân công, ủy quyền hợp pháp.

9. Mọi cá nhân tham gia lập, cung cấp, thẩm định, phê duyệt hoặc công bố thông tin phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với phần việc, nội dung, số liệu, hồ sơ và ý kiến của mình.

10. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng và yêu cầu bảo mật thông tin liên quan đến quốc phòng, an ninh, Công ty thực hiện công bố thông tin trong phạm vi pháp luật cho phép, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và bảo đảm không che giấu thông tin phải công bố theo quy định pháp luật.

Điều 68. Cung cấp, kiểm soát và bảo mật thông tin nội bộ

1. Công ty thiết lập hệ thống quản lý thông tin nội bộ nhằm phục vụ hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát, công bố thông tin và thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định.

2. Thông tin nội bộ phải được quản lý tập trung, thống nhất, có phân quyền, có bảo mật, có lưu trữ và có khả năng kiểm tra, truy xuất khi cần thiết.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty, người đại diện phần vốn và các chủ thể có thẩm quyền được cung cấp thông tin phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành, người đứng đầu đơn vị trực thuộc, công ty con, người đại diện phần vốn và các bộ phận chuyên môn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5. Công ty thực hiện bảo mật đối với thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật tài chính, bí mật nhân sự, dữ liệu nội bộ, thông tin khách hàng, thông tin hợp đồng, thông tin liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước theo quy định.

6. Các thông tin liên quan đến sản phẩm quốc phòng, đơn hàng quốc phòng, kế hoạch sản xuất quốc phòng, quy trình kỹ thuật, định mức, mẫu mã, năng lực sản xuất, khách hàng quốc phòng, dữ liệu phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các thông tin khác thuộc diện bảo mật phải được quản lý theo chế độ bảo mật phù hợp.

7. Việc cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, kiểm toán, đối tác, khách hàng hoặc bên thứ ba phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng quy định về công bố thông tin và không làm lộ bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa được phép công bố.

8. Nghiêm cấm mọi hành vi che giấu thông tin, cung cấp thông tin sai lệch, trì hoãn cung cấp thông tin trái quy định, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, tiết lộ

thông tin mật hoặc làm sai lệch dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành, kiểm soát và công bố thông tin.

Điều 69. Quản trị rủi ro

1. Công ty thiết lập hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, mô hình công ty đại chúng, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng.

2. Quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện trên nguyên tắc phòng ngừa là chính, nhận diện sớm, đánh giá đúng, xử lý kịp thời, phân định rõ trách nhiệm, có báo cáo, có giám sát và có hậu kiểm.

3. Các nhóm rủi ro trọng yếu cần được quản trị bao gồm rủi ro pháp lý, rủi ro tài chính, rủi ro vốn Nhà nước, rủi ro đầu tư, rủi ro công ty con, rủi ro sản xuất, rủi ro chất lượng, rủi ro thị trường, rủi ro lao động, rủi ro môi trường, rủi ro công nghệ, rủi ro thông tin, rủi ro công bố thông tin, rủi ro quốc phòng, an ninh và rủi ro uy tín.

4. Hội đồng quản trị quyết định định hướng, nguyên tắc và cơ chế quản trị rủi ro của Công ty; giám sát việc tổ chức thực hiện hệ thống quản trị rủi ro.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện vai trò giám sát, cảnh báo và yêu cầu báo cáo, giải trình đối với các rủi ro trọng yếu thuộc phạm vi quản trị của Hội đồng quản trị; việc yêu cầu báo cáo, giải trình và cảnh báo rủi ro không được hiểu là điều hành thay Tổng Giám đốc.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức nhận diện, đánh giá, kiểm soát, xử lý và báo cáo rủi ro trong hoạt động điều hành hằng ngày của Công ty; bảo đảm rủi ro phát sinh trong sản xuất, kinh doanh, tài chính, đầu tư, lao động, chất lượng, công ty con, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công bố thông tin được phát hiện và xử lý kịp thời.

7. Ban kiểm soát giám sát việc tuân thủ cơ chế quản trị rủi ro, việc phát hiện, báo cáo và xử lý rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ này quy định; Ban kiểm soát không làm thay chức năng quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị, không làm thay trách nhiệm điều hành rủi ro của Tổng Giám đốc.

8. Người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn, người đứng đầu công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm nhận diện, báo cáo, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các rủi ro thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

9. Nội dung chi tiết về danh mục rủi ro, mức độ rủi ro, ngưỡng cảnh báo, quy trình báo cáo, đầu mối xử lý, biện pháp kiểm soát và trách nhiệm cụ thể được quy định tại Quy chế quản trị rủi ro, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy chế chuyên ngành khác của Công ty.

Điều 70. Kiểm soát nội bộ

1. Công ty thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết

của Hội đồng quản trị, quy chế nội bộ; bảo vệ vốn, tài sản, dữ liệu, uy tín và lợi ích hợp pháp của Công ty.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải bao quát các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm quản trị, điều hành, tài chính, kế toán, đầu tư, mua sắm, hợp đồng, quản lý tài sản, quản lý hàng tồn kho, quản lý công nợ, quản lý lao động, quản lý chất lượng, công bố thông tin, quản lý công ty con, quản lý vốn Nhà nước và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Kiểm soát nội bộ phải được thiết kế theo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm, phân tách chức năng phù hợp, phê duyệt đúng thẩm quyền, kiểm tra trước – trong – sau, lưu trữ hồ sơ đầy đủ, báo cáo kịp thời và xử lý sai lệch theo thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động điều hành; Ban kiểm soát giám sát độc lập việc tuân thủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ theo chức năng của mình.

5. Kiểm soát nội bộ là hệ thống phục vụ quản trị và điều hành, không phải là Ban kiểm soát và không thay thế chức năng của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát độc lập do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán, bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ (nếu có) và các bộ phận chuyên môn khác thực hiện nhiệm vụ tham mưu, hỗ trợ, kiểm tra, kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được giao; không được tự mở rộng thẩm quyền hoặc hình thành cấp điều hành, cấp kiểm soát độc lập ngoài quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ.

7. Công ty có thể tổ chức kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ chuyên trách hoặc các đầu mối kiểm soát phù hợp với quy mô, đặc thù và yêu cầu quản trị của Công ty.

8. Các nội dung chi tiết về tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm soát, chế độ báo cáo, cơ chế cảnh báo và xử lý sai lệch được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế tài chính, Quy chế kiểm soát nội bộ, Quy chế quản trị rủi ro và các quy chế chuyên ngành khác.

Điều 71. Xử lý vi phạm về công bố thông tin, bảo mật, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin, bảo mật thông tin, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ hoặc không thực hiện trách nhiệm báo cáo, cảnh báo, xử lý rủi ro thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

2. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc công bố thông tin sai lệch, công bố chậm, không công bố thông tin theo quy định, che giấu thông

tin, tiết lộ thông tin mật, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, báo cáo không trung thực, không cảnh báo rủi ro, không kiểm soát rủi ro, không khắc phục sai lệch hoặc cản trở hoạt động kiểm soát hợp pháp.

3. Trường hợp thông tin đã công bố sai lệch, không đầy đủ hoặc gây hiểu nhầm, Công ty có trách nhiệm đính chính, bổ sung, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp vi phạm quy định về bảo mật thông tin, bí mật Nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh hoặc thông tin chưa công bố, cá nhân, bộ phận, đơn vị vi phạm phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định.

5. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động, nhà đầu tư hoặc bên thứ ba, cá nhân, tổ chức vi phạm phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty và các bộ phận có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, ngăn ngừa, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời các vi phạm quy định tại Điều này.

7. Việc xử lý vi phạm phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, có căn cứ, có hồ sơ, xác định rõ trách nhiệm cá nhân và không được sử dụng để cản trở quyền giám sát hợp pháp của cổ đông, Ban kiểm soát, cơ quan quản lý Nhà nước hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước.

CHƯƠNG XI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 72. Tổ chức lại Công ty

1. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, cơ cấu lại hoặc các hình thức tổ chức lại khác của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc tổ chức lại Công ty phải bảo đảm tuân thủ pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, lao động, thuế, tài chính, kế toán, đất đai, quốc phòng, an ninh, công bố thông tin và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Đối với Công ty là doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, công ty đại chúng và doanh nghiệp quốc phòng – lưỡng dụng, mọi phương án tổ chức lại phải được xem xét trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, không làm thất thoát tài sản, không ảnh hưởng tiêu cực đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, không làm suy giảm năng lực sản xuất quốc phòng, không xâm phạm quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động và phải được báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

4. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hoặc chỉ đạo xây dựng phương án tổ chức lại Công ty trình Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Phương án tổ chức lại phải có đầy đủ căn cứ pháp lý, phân tích tài chính, đánh giá tác động đến vốn, tài sản, người lao động, cổ đông, công ty con, đơn vị trực thuộc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ công bố thông tin và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Tổng Giám đốc có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng quản trị trong việc chuẩn bị hồ sơ, số liệu, phương án tổ chức lại và tổ chức thực hiện phương án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

6. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát quá trình xây dựng và thực hiện phương án tổ chức lại theo chức năng, nhiệm vụ của mình; kịp thời kiến nghị xử lý nếu phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ, thất thoát vốn, tài sản hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

7. Việc tổ chức lại Công ty không được sử dụng để che giấu thua lỗ, chuyển dịch tài sản trái pháp luật, né tránh nghĩa vụ tài chính, né tránh nghĩa vụ với người lao động, làm sai lệch quyền cổ đông hoặc làm suy giảm trái pháp luật phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Điều 73. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, bao gồm trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, hết thời hạn hoạt động mà không gia hạn, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty chỉ được thực hiện khi Công ty bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc giải thể Công ty phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng trình tự, đúng thẩm quyền, có kiểm soát, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Công ty, cổ đông, người lao động, chủ nợ, khách hàng, đối tác và các bên có quyền lợi liên quan.

4. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, việc xử lý khi giải thể phải tuân thủ pháp luật về quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về tài chính, kế toán, tài sản công nếu có liên quan và chịu sự giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước theo quy định.

5. Đối với tài sản, hồ sơ, tài liệu, công nghệ, dữ liệu, sản phẩm, hợp đồng hoặc nguồn lực liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, việc xử lý khi giải thể phải tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo mật thông tin và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Nghiêm cấm mọi hành vi tẩu tán tài sản, che giấu công nợ, chuyển dịch tài sản trái quy định, làm sai lệch hồ sơ, ưu tiên thanh toán trái pháp luật, che giấu nghĩa vụ đối với Nhà nước, người lao động, cổ đông, chủ nợ hoặc bên có quyền lợi liên quan trong quá trình giải thể.

7. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình nếu để xảy ra vi phạm, thất thoát tài sản, sai lệch hồ sơ, chậm trễ bất hợp lý hoặc thiệt hại trong quá trình giải thể.

Điều 74. Thanh lý tài sản và thứ tự thanh toán khi giải thể

1. Hội đồng quản trị tổ chức việc thanh lý tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Ban thanh lý hoặc thuê tổ chức có chức năng phù hợp để thực hiện việc thanh lý tài sản theo quy định.

2. Việc thanh lý tài sản phải bảo đảm kiểm kê đầy đủ, xác định đúng hiện trạng, giá trị, quyền sở hữu, nghĩa vụ liên quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, không làm thất thoát tài sản của Công ty, đặc biệt là phần vốn, tài sản có liên quan đến Nhà nước và tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Thứ tự thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty khi giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm chi phí giải thể, các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết, nghĩa vụ thuế và các khoản nợ khác.

4. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể, phần tài sản còn lại được phân chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần, loại cổ phần và quyền của từng loại cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc thanh toán, phân chia tài sản, xử lý phần vốn Nhà nước, xử lý tài sản có yếu tố quốc phòng, an ninh và hoàn tất thủ tục giải thể phải được lập hồ sơ đầy đủ, có chứng từ, có xác nhận, có lưu trữ và có thể kiểm tra, đối chiếu.

6. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban thanh lý và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm cá nhân về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của hồ sơ, số liệu, tài sản, công nợ, thứ tự thanh toán và kết quả giải thể trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

7. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát quá trình thanh lý tài sản, thanh toán nghĩa vụ và phân chia tài sản còn lại theo chức năng, nhiệm vụ của mình; trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm phải kịp thời kiến nghị xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp nội bộ của Công ty bao gồm tranh chấp giữa cổ đông với Công ty, giữa cổ đông với cổ đông liên quan đến Công ty, giữa cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc tranh chấp

phát sinh trong quá trình áp dụng Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của Công ty.

2. Khi phát sinh tranh chấp nội bộ, các bên liên quan trước hết phải ưu tiên giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng, hòa giải trên tinh thần thiện chí, hợp tác, minh bạch, tôn trọng lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có liên quan.

3. Trường hợp tranh chấp không liên quan trực tiếp đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể chủ trì hoặc chỉ đạo tổ chức việc thương lượng, hòa giải, yêu cầu các bên cung cấp thông tin, tài liệu, giải trình và đề xuất phương án xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp tranh chấp liên quan trực tiếp đến Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc có khả năng ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình giải quyết, các bên có thể thống nhất lựa chọn người trung gian hòa giải, tổ chức hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Các bên tham gia tranh chấp có trách nhiệm cung cấp thông tin trung thực, bảo mật thông tin theo quy định, không được lợi dụng tranh chấp để gây rối hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến công bố thông tin, uy tín, vốn Nhà nước, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc quyền lợi hợp pháp của cổ đông, người lao động và bên thứ ba.

7. Chi phí giải quyết tranh chấp được thực hiện theo thỏa thuận của các bên hoặc theo phán quyết, quyết định của Trọng tài, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

8. Trong thời gian giải quyết tranh chấp, các bên có liên quan vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ không bị tranh chấp và không được đình trệ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nghĩa vụ công bố thông tin hoặc nghĩa vụ với người lao động, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền có quyết định khác.

Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo tỷ lệ biểu quyết quy định tại pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm rà soát Điều lệ, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ khi có thay đổi của pháp luật, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, yêu cầu quản trị công ty đại chúng, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu phát triển của Công ty.

3. Hồ sơ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải nêu rõ căn cứ pháp lý, lý do sửa đổi, nội dung sửa đổi, đánh giá tác động, bảng so sánh nội dung hiện hành và nội dung đề xuất sửa đổi, ý kiến thẩm định pháp lý nếu cần thiết và dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp quy định của pháp luật có nội dung khác với Điều lệ này hoặc có quy định mới phát sinh mà Điều lệ chưa kịp sửa đổi, quy định của pháp luật được ưu tiên áp dụng. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ tại kỳ họp gần nhất.

5. Các quy chế nội bộ, quy chế hoạt động, quy định, quy trình của Công ty phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ sau khi Điều lệ được sửa đổi, bổ sung.

6. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải bảo đảm không làm mất đi các nguyên tắc nền tảng của Công ty, bao gồm tuân thủ pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước, bảo vệ quyền cổ đông, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tách bạch quản trị – điều hành – kiểm soát, minh bạch thông tin và trách nhiệm giải trình.

Điều 77. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, chức danh, cơ cấu tổ chức, thẩm quyền và quy chế nội bộ đã được xác lập trước đó tiếp tục được thực hiện nếu không trái với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Các nghị quyết, quyết định, hợp đồng, giao dịch, phân cấp, ủy quyền, quy chế, quy trình đã được ban hành hoặc ký kết trước ngày Điều lệ này có hiệu lực tiếp tục có giá trị thi hành nếu không trái với Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan phải hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh văn bản nội bộ, phân cấp, ủy quyền, cơ chế báo cáo và cơ chế kiểm soát để phù hợp với Điều lệ này.

4. Trường hợp phát sinh vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ, việc xử lý được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông, người lao động và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Trường hợp các quy định chuyển tiếp liên quan đến phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn Nhà nước, công ty con, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc công bố thông tin cần có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, Công ty thực hiện theo đúng trình tự báo cáo, xin ý kiến và chỉ triển khai khi đủ điều kiện theo quy định.

6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện điều khoản chuyển tiếp; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai trong phạm vi điều hành; Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 78. Trách nhiệm rà soát, cập nhật hệ thống quy chế nội bộ sau khi Điều lệ có hiệu lực

1. Sau khi Điều lệ này có hiệu lực, Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty để bảo đảm phù hợp với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

2. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phải được rà soát bao gồm Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế tài chính, Quy chế phân cấp, ủy quyền, Quy chế người đại diện phần vốn, Quy chế quản lý công ty con, Quy chế công bố thông tin, Quy chế kiểm soát nội bộ, Quy chế quản trị rủi ro, Quy chế lao động, tiền lương và các văn bản nội bộ khác có liên quan.

4. Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty, bộ phận pháp chế, bộ phận tài chính – kế toán, bộ phận tổ chức – nhân sự, cơ quan giúp việc Hội đồng quản trị và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản nội bộ theo thẩm quyền.

5. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ có nội dung khác với Điều lệ này thì áp dụng Điều lệ này cho đến khi văn bản nội bộ được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xác định thời hạn hoàn thành việc rà soát hệ thống quy chế nội bộ và phân công rõ đầu mối chủ trì, đầu mối phối hợp, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 79. Lưu giữ, sao lục và giải thích Điều lệ

1. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được đăng tải hoặc cung cấp theo quy định của pháp luật về công ty đại chúng, quản trị công ty và công bố thông tin.

2. Cổ đông, người quản lý, người điều hành, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn Nhà nước và các chủ thể có quyền liên quan được quyền tra cứu, trích lục, sao lục Điều lệ theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị sử dụng khi được chứng thực, xác nhận hoặc ký bởi người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của Công ty.

4. Trong trường hợp phát sinh cách hiểu khác nhau về nội dung Điều lệ, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải thích trên cơ sở tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

5. Trường hợp nội dung cần giải thích có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của cổ đông, thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước hoặc có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Việc giải thích Điều lệ không được làm thay đổi nội dung, tinh thần hoặc giới hạn thẩm quyền đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; không được sử dụng việc giải thích Điều lệ để mở rộng thẩm quyền của bất kỳ cá nhân, cơ quan hoặc bộ phận nào trong Công ty.

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 11 chương, 80 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

2. Điều lệ này là duy nhất, thay thế toàn bộ các bản Điều lệ trước đây của Công ty cổ phần X20 kể từ ngày có hiệu lực.

3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác, người quản lý, người điều hành, đơn vị trực thuộc, công ty con, cổ đông, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

4. Các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty đã ban hành trước ngày Điều lệ này có hiệu lực tiếp tục được áp dụng nếu không trái với Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

5. Trường hợp quy chế, quy định, quy trình nội bộ có nội dung khác với Điều lệ này hoặc không còn phù hợp với pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo thẩm quyền.

6. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 55/H/TTtr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung ban hành các quy chế của Công ty cổ phần X20

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 tổ chức họp thường niên ngày 18/06/2021 đã quyết nghị phê duyệt ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20.

Năm 2025, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản QPPL có liên quan. Do đó, các quy chế nêu trên cần phải được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).

2. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN X20

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /6/2026
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCD ngày... tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20, phiên họp thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần X20:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và mục đích ban hành

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, cơ chế, quy trình và trách nhiệm trong quản trị nội bộ Công ty cổ phần X20 nhằm cụ thể hóa Điều lệ Công ty, bảo đảm quản trị minh bạch, điều hành có kiểm soát, giám sát độc lập và truy vết trách nhiệm cá nhân.

2. Quy chế này không thay thế Điều lệ và không lặp lại các nội dung đã được Điều lệ hoặc pháp luật quy định đầy đủ; các điều khoản tại Quy chế này chỉ được hiểu là quy định hướng dẫn thực thi, cụ thể hóa hoặc thiết kế cơ chế vận hành nội bộ.

3. Mục tiêu của Quy chế là bảo đảm mỗi thẩm quyền có giới hạn, mỗi quyết định có căn cứ, mỗi rủi ro có đầu mối xử lý và mỗi sai phạm có cá nhân, bộ phận chịu trách nhiệm.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp Quy chế này có nội dung khác với Điều lệ Công ty thì áp dụng Điều lệ Công ty; trường hợp Điều lệ hoặc Quy chế có nội dung khác với pháp luật thì áp dụng pháp luật hiện hành.

2. Mọi cá nhân, bộ phận, đơn vị trực thuộc, người quản lý, người điều hành, người đại diện phần vốn và người được ủy quyền nhân danh Công ty đều có nghĩa vụ tuân thủ Quy chế này trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Không cá nhân nào được vi phạm dẫn dắt tập quán điều hành, tiền lệ nội bộ hoặc chỉ đạo miệng để thay thế căn cứ pháp lý, hồ sơ trình, nghị quyết, quyết định hoặc phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị cốt lõi

1. Tách bạch giữa quản trị, điều hành và kiểm soát; Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị và giám sát; Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành; Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập.

2. Mỗi việc chỉ có một đầu mối chủ trì và một người chịu trách nhiệm chính; việc phối hợp không làm triệt tiêu trách nhiệm của đầu mối chủ trì.

3. Mọi quyết định quản trị và điều hành phải đáp ứng đủ bốn điều kiện: đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đủ hồ sơ và có thể kiểm tra sau quyết định.

4. Công ty quản trị trên cơ sở dữ liệu, kế hoạch, ngân sách, báo cáo và cơ chế giải trình; không quản trị theo cảm tính, không phê duyệt trên cơ sở thông tin thiếu kiểm chứng.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ trong Quy chế

1. “Quyết định quản trị” là quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo phân cấp, ủy quyền hợp pháp.

2. “Quyết định điều hành” là quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền hợp pháp để tổ chức thực hiện hoạt động hằng ngày của Công ty trong phạm vi được giao.

3. “Vượt thẩm quyền” là việc quyết định, chấp thuận, cam kết, ký kết hoặc triển khai công việc ngoài phạm vi quyền hạn, hạn mức, điều kiện hoặc thủ tục bắt buộc theo pháp luật, Điều lệ, Quy chế này hoặc văn bản phân cấp, ủy quyền.

4. “Xung đột lợi ích” là trường hợp lợi ích của cá nhân, người có liên quan hoặc tổ chức có liên quan có khả năng chi phối, ảnh hưởng hoặc làm sai lệch tính khách quan của việc thực hiện nhiệm vụ.

5. “Người có liên quan” được xác định theo pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II

KHUNG QUẢN TRỊ VÀ PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN

Điều 5. Mô hình quản trị và nguyên tắc phân định

1. Mô hình quản trị của Công ty được vận hành theo nguyên tắc: Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền tối cao; Hội đồng quản trị quyết định định hướng, chính sách, kế hoạch lớn và kiểm soát điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động quản trị, giám sát và kiểm soát trong phạm vi được giao; Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày; Ban kiểm soát giám sát độc lập.

2. Hội đồng quản trị không trực tiếp làm thay chức năng điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị không điều hành thay Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc không quyết định thay Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát không can thiệp trực tiếp vào hoạt động điều hành thường nhật.

3. Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ phận giúp việc, hỗ trợ thẩm tra, tổng hợp và giám sát cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Văn phòng Hội đồng quản trị không phải là cấp quản lý điều hành và không được ban hành quyết định điều hành.

Điều 6. Phân định thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo luật, Điều lệ và các vấn đề sau đây để bảo đảm quản trị thống nhất: Chiến lược; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; kế hoạch tài chính năm; chính sách quản trị rủi ro; chính sách nhân sự quản lý; các giao dịch, dự án, phương án đầu tư, vay, cho vay, bảo lãnh và giao dịch khác theo hạn mức phải trình.

2. Hội đồng quản trị quyết định hoặc phê duyệt các quy chế nội bộ; quyết định phân cấp, ủy quyền; quy định rõ hạn mức, điều kiện, trình tự, chế độ báo cáo và trách nhiệm hậu kiểm đối với từng thẩm quyền được phân giao.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý, người đại diện phần vốn, đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan báo cáo, cung cấp hồ sơ, tài liệu, giải trình đầy đủ, đúng thời hạn; trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị được yêu cầu tạm dừng việc thực hiện quyết định có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền hoặc rủi ro nghiêm trọng để xem xét.

Điều 7. Phân định thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị; triệu tập, chủ trì họp Hội đồng quản trị; ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức theo dõi việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Trong phạm vi được Hội đồng quản trị phân cấp, Chủ tịch Hội đồng quản trị được xem xét, phê duyệt hoặc cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền được giao; việc thực hiện quyền này phải đúng giới hạn, điều kiện, hồ sơ và trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được trực tiếp chỉ đạo điều hành sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty; không được ra quyết định điều hành

thay Tổng Giám đốc; không được sử dụng Văn phòng Hội đồng quản trị để hình thành một cấp điều hành song song.

Điều 8. Phân định thẩm quyền của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty trên cơ sở chiến lược, kế hoạch, ngân sách, hạn mức và nghị quyết, quyết định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổng Giám đốc được quyền chủ động tổ chức bộ máy điều hành, phân công nhiệm vụ, điều phối nguồn lực, ký kết hợp đồng và quyết định biện pháp điều hành trong phạm vi thẩm quyền được giao; không được tự mở rộng thẩm quyền bằng việc phân công nội bộ hoặc ủy quyền tiếp.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về tính hợp pháp, tính hiệu quả, tính trung thực của thông tin, báo cáo và kết quả thực hiện đối với các quyết định thuộc phạm vi điều hành.

Điều 9. Phân định thẩm quyền của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát độc lập đối với việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, việc quản lý vốn, tài sản, báo cáo tài chính, công bố thông tin và hoạt động của người quản lý, người điều hành.

2. Ban kiểm soát được yêu cầu Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Văn phòng Hội đồng quản trị, đơn vị trực thuộc và cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu, giải trình phục vụ kiểm tra, giám sát theo luật.

3. Ban kiểm soát không thay thế chức năng của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc; các kiến nghị của Ban kiểm soát phải được gửi đúng đầu mối, đúng thẩm quyền và được theo dõi thực hiện.

CHƯƠNG III

QUẢN TRỊ CỔ ĐÔNG, BẢO VỆ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN LÝ PHẢN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 10. Nguyên tắc quản trị cổ đông

1. Công ty bảo đảm đối xử bình đẳng giữa các cổ đông cùng loại cổ phần; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền tham dự, phát biểu, biểu quyết, kiến nghị và các quyền khác theo pháp luật, Điều lệ.

2. Việc thực hiện quyền cổ đông phải được tổ chức theo quy trình rõ ràng, có đầu mối tiếp nhận, thời hạn xử lý, người chịu trách nhiệm và lưu vết hồ sơ.

3. Không cơ quan, bộ phận, cá nhân nào được trì hoãn, cản trở, gây khó khăn hoặc cung cấp thông tin sai lệch làm ảnh hưởng việc thực hiện quyền hợp pháp của cổ đông.

Điều 11. Đầu mối thực hiện công việc về cổ đông

1. Người phụ trách quản trị công ty hoặc bộ phận được giao quản lý công tác cổ đông là đầu mối tổ chức các thủ tục về danh sách cổ đông, tài liệu họp, tiếp nhận kiến nghị, ủy quyền, đăng ký dự họp, công bố thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông.

2. Mọi yêu cầu của cổ đông phải được tiếp nhận bằng văn bản, thư điện tử chính thức hoặc phương thức hợp pháp khác; việc trả lời phải đúng thời hạn, nêu rõ căn cứ pháp lý và tình trạng xử lý.

3. Hồ sơ về cổ đông, tài liệu Đại hội đồng cổ đông, ý kiến bằng văn bản, biên bản, nghị quyết và tài liệu kèm theo phải được lưu trữ đầy đủ, thống nhất, bảo mật và có thể truy xuất.

Điều 12. Bảo vệ cổ đông thiểu số

1. Các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích, giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của cổ đông thiểu số phải được công bố đầy đủ, trình đúng thẩm quyền và tổ chức biểu quyết đúng quy định.

2. Khi nhận được yêu cầu hợp pháp của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về triệu tập họp, bổ sung chương trình họp, cung cấp thông tin, kiểm tra vấn đề cụ thể hoặc yêu cầu khác theo luật, đầu mối được giao phải tham mưu xử lý ngay, không được trì hoãn vì lý do hành chính nội bộ.

3. Mọi hành vi lợi dụng vị trí quản trị, điều hành hoặc thông tin nội bộ để làm suy giảm quyền cổ đông thiểu số hoặc chuyển lợi ích của Công ty sang chủ thể khác đều phải được xem xét xử lý trách nhiệm.

Điều 13. Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty

1. Phần vốn Nhà nước tại Công ty được quản lý theo pháp luật về quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế này và các chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty có trách nhiệm thực hiện quyền cổ đông nhà nước đúng nội dung được giao, đúng chỉ đạo, đúng thẩm quyền; không được tự ý biểu quyết, chấp thuận hoặc cam kết đối với nội dung phải xin ý kiến trước mà chưa có ý kiến chấp thuận hợp lệ.

3. Các vấn đề ảnh hưởng đến bảo toàn vốn, đầu tư, cơ cấu vốn, tổ chức lại doanh nghiệp, nhân sự quản lý, giao dịch lớn, giao dịch với bên liên quan, phân phối lợi nhuận và vấn đề khác theo pháp luật phải được tổng hợp đầy đủ để người đại diện phần vốn thực hiện báo cáo, xin ý kiến đúng quy định.

CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, bảo đảm minh bạch, tranh luận thực chất, độc lập trong xem xét và cá nhân hóa trách nhiệm biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải nghiên cứu đầy đủ hồ sơ trước khi họp; tham dự đầy đủ các cuộc họp; nêu rõ quan điểm; chịu trách nhiệm cá nhân đối với ý kiến, phiếu biểu quyết và kiến nghị của mình.

3. Không thành viên nào được viện dẫn biểu quyết tập thể để loại trừ trách nhiệm cá nhân khi đã biết hoặc phải biết quyết định có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, thiếu căn cứ hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

Điều 15. Hồ sơ trình Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ trình Hội đồng quản trị phải tối thiểu bao gồm: Tờ trình; dự thảo nghị quyết hoặc quyết định; báo cáo thẩm định hoặc ý kiến chuyên môn của bộ phận liên quan; căn cứ pháp lý; phân tích tài chính, rủi ro, phương án xử lý; ý kiến khác biệt nếu có.

2. Đối với nội dung có yếu tố đầu tư, giao dịch, tài chính, vay nợ, bảo lãnh, hợp tác kinh doanh, góp vốn, mua bán tài sản, xử lý tài sản, nhân sự cấp cao hoặc giao dịch với người có liên quan, hồ sơ phải có đánh giá tác động đến vốn, tài sản, dòng tiền, tuân thủ pháp luật và khả năng phát sinh xung đột lợi ích.

3. Hồ sơ không đầy đủ, không rõ thẩm quyền, không đủ căn cứ pháp lý hoặc không có ý kiến thẩm định bắt buộc thì không được đưa vào chương trình họp để biểu quyết, trừ trường hợp khẩn cấp theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải nêu rõ lý do trong biên bản.

Điều 16. Quy trình ra nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

1. Quy trình ra nghị quyết/quyết định gồm các bước: Đề xuất – Kiểm tra thẩm quyền – Thẩm định – Gửi hồ sơ – Hợp hoặc lấy ý kiến – Biểu quyết – Ban hành nghị quyết/quyết định – Tổ chức thực hiện – Giám sát – Báo cáo kết quả.

2. Bộ phận trình chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; bộ phận thẩm định chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định; người triệu tập họp chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục; từng thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về biểu quyết của mình.

3. Nghị quyết/quyết định Hội đồng quản trị phải xác định rõ nội dung quyết nghị, mục tiêu, căn cứ, đầu mối tổ chức thực hiện, thời hạn, chế độ báo cáo, cơ chế kiểm soát và xử lý nếu không đạt yêu cầu.

Điều 17. Xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, người điều hành và cá nhân có liên quan có nghĩa vụ kê khai trung thực, đầy đủ và kịp thời các lợi ích liên quan theo quy định.

2. Người có lợi ích liên quan đối với nội dung đang được xem xét phải tự giác báo cáo, không tham gia thảo luận sâu về lợi ích của mình, không biểu quyết và không tác động trái pháp luật đến quá trình quyết định.

3. Mọi giao dịch với người có liên quan hoặc có nguy cơ xung đột lợi ích chỉ được thực hiện sau khi được trình, thẩm định, công bố và phê duyệt đúng thẩm quyền; trường hợp vi phạm thì quyết định, giao dịch và trách nhiệm xử lý được thực hiện theo pháp luật.

Điều 18. Theo dõi thực hiện nghị quyết/quyết định Hội đồng quản trị

1. Sau khi nghị quyết/quyết định được ban hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo giao đầu mối theo dõi thực hiện; Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện; Văn phòng Hội đồng quản trị hoặc đầu mối được giao có trách nhiệm tổng hợp tiến độ, kết quả, vướng mắc, sai lệch.

2. Nội dung theo dõi tối thiểu gồm: Công việc phải làm, thời hạn hoàn thành, người chịu trách nhiệm, sản phẩm đầu ra, trạng thái thực hiện, rủi ro phát sinh, kiến nghị điều chỉnh.

3. Trường hợp phát hiện chậm tiến độ, thực hiện sai nghị quyết/quyết định, vượt phạm vi được phê duyệt hoặc phát sinh rủi ro nghiêm trọng, đầu mối theo dõi phải báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét.

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH, PHÂN CẤP VÀ ỦY QUYỀN

Điều 19. Nguyên tắc điều hành

1. Tổng Giám đốc điều hành trên cơ sở mục tiêu năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính, ngân sách, hạn mức và chỉ tiêu được phê duyệt; không được điều hành ngoài khuôn khổ đó nếu chưa có chấp thuận theo thẩm quyền.

2. Điều hành phải bảo đảm đúng pháp luật, đúng quy chế, đúng quy trình, đúng dữ liệu; mọi quyết định điều hành quan trọng phải được thể hiện bằng văn bản hoặc trên hệ thống điện tử có giá trị lưu vết.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập trật tự điều hành thống nhất; nghiêm cấm việc hình thành kênh chỉ đạo điều hành không chính thức, làm méo lệch thông tin hoặc vô hiệu hóa hệ thống phân cấp.

Điều 20. Phân cấp trong điều hành

1. Tổng Giám đốc được phân cấp tiếp cho Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và chức danh quản lý khác trong phạm vi được Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và văn bản phân cấp cho phép.

2. Văn bản phân cấp phải nêu rõ: Chức danh được giao; phạm vi công việc; hạn mức; điều kiện thực hiện; chế độ phối hợp; chế độ báo cáo; trách nhiệm cá nhân; trường hợp phải xin ý kiến trước.

3. Phân cấp không làm thay đổi trách nhiệm cuối cùng của Tổng Giám đốc đối với kết quả điều hành; người nhận phân cấp không được suy diễn mở rộng thẩm quyền, không được tự ý phân cấp tiếp nếu văn bản không cho phép.

Điều 21. Ủy quyền

1. Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản; chỉ được thực hiện đối với công việc thuộc quyền của người ủy quyền và pháp luật cho phép ủy quyền.

2. Văn bản ủy quyền phải xác định rõ người ủy quyền, người được ủy quyền, nội dung ủy quyền, thời hạn, phạm vi, điều kiện, trách nhiệm báo cáo và chế độ kiểm tra của người ủy quyền.

3. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại nếu không có chấp thuận rõ ràng; khi thực hiện ủy quyền phải nhân danh đúng chủ thể, lưu hồ sơ đầy đủ và chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền.

Điều 22. Các trường hợp bất thường Tổng Giám đốc phải trình hoặc xin ý kiến

1. Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với công việc vượt hạn mức, vượt ngân sách, thay đổi mục tiêu, làm thay đổi đáng kể dòng tiền, làm phát sinh nghĩa vụ nợ lớn, thay đổi cơ cấu tài sản trọng yếu, thay đổi nhân sự quản lý thuộc thẩm quyền trên.

2. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến trước khi thực hiện đối với công việc có xung đột lợi ích; giao dịch với người có liên quan; giao dịch tiềm ẩn rủi ro pháp lý lớn; phương án có nguy cơ lỗ, giá bán dưới giá thành, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thanh toán hoặc uy tín Công ty.

3. Trường hợp khẩn cấp cần xử lý ngay để ngăn ngừa thiệt hại lớn hơn, Tổng Giám đốc được áp dụng biện pháp tạm thời trong phạm vi cần thiết và phải báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị; việc tiếp tục thực hiện phải theo ý kiến của cấp có thẩm quyền.

4. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Cơ chế báo cáo của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc phải thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ và đột xuất phục vụ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Báo cáo định kỳ tối thiểu gồm: Kết quả thực hiện kế hoạch; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; dòng tiền; công nợ; hàng tồn kho; đầu tư; tình hình vốn, tài sản; nhân sự; tuân thủ pháp lý; công bố thông tin; rủi ro và kiến nghị xử lý.

3. Báo cáo đột xuất phải được thực hiện ngay khi xảy ra một trong các trường hợp: Không đạt chỉ tiêu trọng yếu; biến động bất thường; sự cố pháp lý; mất an toàn tài chính; phát sinh rủi ro vượt ngưỡng; giao dịch hoặc hành vi có dấu

hiệu vượt thẩm quyền; sự kiện có thể ảnh hưởng lớn đến vốn, tài sản, uy tín, nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

Điều 24. Cơ chế giải trình của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ giải trình khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát trong phạm vi luật định; hoặc khi có sai lệch lớn so với kế hoạch, có rủi ro trọng yếu, có dấu hiệu vi phạm hoặc có kiến nghị của cơ quan kiểm toán/kiểm soát.

2. Báo cáo giải trình phải xác định rõ: Diễn biến sự việc; căn cứ pháp lý; người quyết định, người tham mưu, người thực hiện; nguyên nhân; mức độ ảnh hưởng; biện pháp khắc phục; trách nhiệm cá nhân, bộ phận liên quan.

3. Việc không giải trình, giải trình chậm, giải trình không trung thực hoặc cố ý che giấu thông tin là hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người điều hành.

CHƯƠNG VI

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, GIÁM SÁT VÀ GIẢI TRÌNH

Điều 25. Thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty được thiết kế trên ba lớp: Kiểm soát tại nơi phát sinh; giám sát quản trị của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và đầu mối được giao; kiểm tra, giám sát độc lập của Ban kiểm soát theo luật.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải bao phủ tối thiểu các lĩnh vực: Tài chính – kế toán; đầu tư; mua sắm; hợp đồng; công nợ; hàng tồn kho; quản lý tài sản; nhân sự; công bố thông tin; dữ liệu và bảo mật; công ty con; người đại diện phần vốn; tuân thủ pháp luật và quản trị rủi ro.

3. Quy trình kiểm soát phải gắn với từng công đoạn, từng hạn mức, từng đầu mối phê duyệt, từng sản phẩm đầu ra và cơ chế cảnh báo khi có dấu hiệu lệch chuẩn.

Điều 26. Quyền giám sát của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành thông qua hệ thống chỉ tiêu, báo cáo, dữ liệu, kế hoạch, ngân sách, hồ sơ giao dịch, giải trình và các công cụ quản trị khác.

2. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, đối chiếu dữ liệu, mời cá nhân liên quan giải trình, yêu cầu tạm dừng hoặc điều chỉnh việc thực hiện công việc có dấu hiệu rủi ro hoặc vi phạm.

3. Việc giám sát của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị không thay thế hoạt động kiểm soát độc lập của Ban kiểm soát, nhưng là một bộ phận bắt buộc của cơ chế kiểm soát quyền lực trong Công ty.

Điều 27. Vai trò của Văn phòng Hội đồng quản trị trong kiểm soát

1. Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện chức năng tham mưu, hỗ trợ thẩm tra hồ sơ trình; theo dõi việc thực hiện nghị quyết; tổng hợp, phân tích báo cáo; phát hiện dấu hiệu sai lệch hoặc rủi ro và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Văn phòng Hội đồng quản trị được yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo theo yêu cầu hợp pháp của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị; không được tự nhân danh mình ra mệnh lệnh điều hành, dừng hoạt động, phê duyệt hoặc từ chối hồ sơ ngoài phạm vi được giao.

3. Văn phòng Hội đồng quản trị phải bảo mật thông tin, bảo đảm khách quan, trung thực; không can thiệp vào thẩm quyền của Ban kiểm soát; không thực hiện nghiệp vụ kiểm toán hoặc kiểm tra thay cơ quan có chức năng.

Điều 28. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Văn phòng Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp trên nguyên tắc đúng chức năng, không chồng chéo, không cản trở lẫn nhau.

2. Kết luận, kiến nghị kiểm soát phải xác định rõ: Nội dung phát hiện; căn cứ; mức độ rủi ro; trách nhiệm sơ bộ; biện pháp xử lý; cơ quan, cá nhân thực hiện; thời hạn hoàn thành.

3. Trường hợp cùng phát hiện một vấn đề, các cơ quan kiểm soát phải trao đổi thông tin để thống nhất đầu mối xử lý, tránh trùng lặp kiểm tra, nhưng không được làm mất đi quyền, trách nhiệm độc lập của từng cơ quan.

Điều 29. Luồng báo cáo và luồng kiểm soát

1. Luồng báo cáo trong Công ty được thiết kế theo nguyên tắc từ nơi phát sinh đến người chịu trách nhiệm trực tiếp, đến cấp điều hành, đến cấp quản trị, đồng thời bảo đảm đường truyền thông tin độc lập cho cơ quan kiểm soát khi có sự kiện bất thường.

2. Luồng kiểm soát được thiết kế theo chuỗi: Phát hiện – cảnh báo – xác minh – yêu cầu giải trình – quyết định xử lý – theo dõi khắc phục – đóng hồ sơ kiểm soát.

3. Không được cắt khúc, làm sạch số liệu, trì hoãn hoặc thay đổi luồng báo cáo, luồng kiểm soát nhằm né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm.

CHƯƠNG VII QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 30. Nguyên tắc quản trị rủi ro

1. Quản trị rủi ro của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phòng ngừa trước, kiểm soát trong quá trình thực hiện, phát hiện sớm, xử lý kịp thời và gắn trách nhiệm cá nhân.

2. Rủi ro phải được nhận diện trên cơ sở dữ liệu, chỉ tiêu, giao dịch, dòng tiền, biến động thị trường, tuân thủ pháp luật, an toàn thông tin, uy tín thương hiệu và đặc thù doanh nghiệp lưỡng dụng có vốn Nhà nước chi phối.

3. Không cá nhân nào được vi phạm dẫn áp lực tiến độ, thông lệ ngành hoặc mệnh lệnh miệng để bỏ qua quy trình nhận diện, báo cáo và xử lý rủi ro.

Điều 31. Phân loại rủi ro

1. Rủi ro của Công ty gồm tối thiểu các nhóm: rủi ro chiến lược; Rủi ro pháp lý; rủi ro tài chính; rủi ro đầu tư; rủi ro thị trường; rủi ro vận hành; rủi ro nhân sự; rủi ro dữ liệu, an ninh thông tin; rủi ro công bố thông tin; rủi ro tại công ty con và khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

2. Tùy từng nhóm rủi ro, Tổng Giám đốc tổ chức xây dựng tiêu chí nhận diện, chỉ số cảnh báo, ngưỡng báo cáo và biện pháp kiểm soát tương ứng; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp.

3. Rủi ro đặc thù liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bí mật công nghệ, chuỗi cung ứng vật tư chiến lược và nghĩa vụ với cơ quan quản lý nhà nước phải được theo dõi riêng bằng cơ chế kiểm soát tăng cường.

Điều 32. Trách nhiệm quản trị rủi ro

1. Hội đồng quản trị quyết định định hướng và chính sách quản trị rủi ro; phê duyệt các giới hạn, nguyên tắc kiểm soát và cơ chế giám sát đối với rủi ro trọng yếu.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm soát việc tuân thủ chính sách quản trị rủi ro; chỉ đạo xem xét, xử lý các tình huống có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động, uy tín, vốn và tài sản của Công ty.

3. Tổng Giám đốc là đầu mối tổ chức nhận diện, đánh giá, cảnh báo, ứng phó, khắc phục rủi ro trong hoạt động điều hành; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và trung thực của báo cáo rủi ro.

4. Người đứng đầu đơn vị, cá nhân được giao phụ trách lĩnh vực phải quản trị rủi ro ngay tại khâu phát sinh; không được chuyển toàn bộ trách nhiệm rủi ro lên cấp trên khi chưa thực hiện đầy đủ biện pháp trong phạm vi được giao.

Điều 33. Báo cáo và xử lý rủi ro

1. Khi phát sinh rủi ro hoặc dấu hiệu rủi ro vượt ngưỡng, bộ phận phát hiện phải báo cáo ngay người có thẩm quyền trực tiếp và đồng thời gửi đầu mối theo chế độ báo cáo rủi ro.

2. Rủi ro vượt thẩm quyền xử lý của đơn vị hoặc của Tổng Giám đốc phải được báo cáo ngay Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền; không được trì hoãn với lý do chờ đủ số liệu nếu việc chậm báo cáo có thể làm thiệt hại tăng lên.

3. Mọi phương án xử lý rủi ro phải gắn với xác định nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, bộ phận, thiệt hại thực tế hoặc nguy cơ thiệt hại, biện pháp khắc phục và biện pháp ngăn ngừa tái diễn.

CHƯƠNG VIII

MINH BẠCH, CÔNG BỐ THÔNG TIN, BẢO MẬT VÀ DỮ LIỆU

Điều 34. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Công bố thông tin phải tuân thủ đúng pháp luật về chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ và nhất quán.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định pháp luật chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc công bố thông tin; Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin nguồn cho việc công bố.

3. Hội đồng quản trị giám sát việc công bố thông tin; Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm soát quy trình công bố thông tin và xử lý ngay khi có dấu hiệu sai lệch hoặc chậm công bố.

Điều 35. Quy trình công bố thông tin

1. Sự kiện, tài liệu, số liệu thuộc diện công bố phải được đơn vị đầu mối xác định ngay khi phát sinh; kiểm tra căn cứ pháp lý, thời hạn công bố, tính đầy đủ, thẩm quyền xác nhận và phê duyệt trước khi phát hành.

2. Không được công bố thông tin trên cơ sở dữ liệu chưa kiểm chứng, số liệu chưa đối chiếu, hồ sơ chưa hoàn tất hoặc ý kiến cá nhân chưa được xác nhận.

3. Khi phát hiện thông tin đã công bố có sai sót hoặc có thay đổi bản chất, đầu mối công bố thông tin phải lập tức báo cáo người có thẩm quyền để đính chính, công bố lại hoặc báo cáo cơ quan quản lý theo quy định.

Điều 36. Bảo mật thông tin và quản trị dữ liệu

1. Dữ liệu và thông tin nội bộ của Công ty là tài sản quản trị; phải được quản lý tập trung, phân quyền truy cập, lưu trữ an toàn, sao lưu, đối chiếu và truy vết.

2. Thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật quốc phòng – an ninh, dữ liệu nhân sự, dữ liệu tài chính và dữ liệu khách hàng phải được bảo mật theo mức độ mật tương ứng; chỉ người có nhiệm vụ mới được tiếp cận.

3. Nghiêm cấm việc tự ý sao chép, chuyển tiếp, tiết lộ, sử dụng thông tin nội bộ để trục lợi, phục vụ lợi ích cá nhân hoặc cung cấp cho bên thứ ba trái thẩm quyền.

Điều 37. Trách nhiệm đối với dữ liệu và hệ thống thông tin

1. Tổng Giám đốc tổ chức xây dựng, vận hành và bảo đảm chất lượng hệ thống dữ liệu phục vụ điều hành; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và khả năng truy xuất của dữ liệu nguồn.

2. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu, báo cáo và trích xuất thông tin phục vụ quản trị, giám sát; đơn vị được yêu cầu phải đáp ứng đầy đủ, đúng hạn và đúng định dạng theo yêu cầu hợp pháp.

3. Việc sửa dữ liệu sau khi đã ghi nhận phải được kiểm soát chặt chẽ, có lý do, người thực hiện, người phê duyệt và lưu vết thay đổi.

CHƯƠNG IX

QUẢN TRỊ CÔNG TY CON, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN

Điều 38. Nguyên tắc quản trị công ty con

1. Công ty thực hiện quyền chủ sở hữu tại công ty con, công ty có vốn góp thông qua Điều lệ của doanh nghiệp đó, nghị quyết, quyết định của Công ty và người đại diện phần vốn; không can thiệp trực tiếp, tùy tiện vào điều hành hằng ngày ngoài khuôn khổ pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn.

2. Quản trị công ty con phải bảo đảm các mục tiêu: Bảo toàn và phát triển vốn; kiểm soát giao dịch và đầu tư; minh bạch báo cáo; không để hình thành vùng điều hành không kiểm soát; xác định rõ trách nhiệm của người đại diện phần vốn và người quản lý tại công ty con.

3. Trường hợp công ty con không có vốn Nhà nước trực tiếp nhưng là nơi đầu tư vốn của Công ty, trách nhiệm của người đại diện phần vốn và người quản lý vẫn phải được xác định theo pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty con và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

Điều 39. Nội dung phải xin ý kiến hoặc trình phê duyệt trước tại công ty con

1. Người đại diện phần vốn và người quản lý tại công ty con phải xin ý kiến hoặc trình phê duyệt trước đối với tối thiểu các nội dung: Chiến lược phát triển; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm; kế hoạch tài chính; dự án đầu tư; cơ cấu vốn; mua bán tài sản lớn; vay, cho vay, bảo lãnh; giao dịch với người có liên quan; tổ chức lại doanh nghiệp; nhân sự quản lý theo phân cấp và các nội dung khác theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

2. Các hợp đồng, giao dịch có dấu hiệu rủi ro như giá bán thấp hơn giá thành, nguy cơ lỗ, ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến dòng tiền, mất cân đối tài chính hoặc có khả năng làm thiệt hại đến vốn, tài sản phải được trình đúng thẩm quyền trước khi ký.

3. Người ký hợp đồng, người cho ý kiến, người biểu quyết và người tham mưu tại công ty con phải chịu trách nhiệm cá nhân nếu để phát sinh thiệt hại do vi phạm thẩm quyền, quy trình hoặc nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng.

Điều 40. Chế độ báo cáo của công ty con và người đại diện phần vốn

1. Công ty con và người đại diện phần vốn phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho Công ty mẹ theo biểu mẫu, thời hạn và nội dung quy định.

2. Nội dung báo cáo tối thiểu gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; dòng tiền; công nợ; đầu tư; giao dịch lớn; giao dịch với người có liên quan; tình hình vốn, tài sản; rủi ro phát sinh; kiến nghị xử lý.

3. Báo cáo phải trung thực, đầy đủ, đúng hạn; nghiêm cấm việc che giấu thông tin, lập hai hệ thống báo cáo, báo cáo sai lệch hoặc không báo cáo khi phát sinh sự kiện trọng yếu.

Điều 41. Cơ chế kiểm soát đối với người đại diện phần vốn

1. Người đại diện phần vốn phải nhận nhiệm vụ bằng văn bản; chịu sự quản lý, giám sát, đánh giá và xem xét trách nhiệm theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty.

2. Việc đánh giá người đại diện phần vốn phải căn cứ vào mức độ bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động, chất lượng báo cáo, việc chấp hành chỉ đạo, việc phòng ngừa rủi ro, việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn.

3. Trường hợp vi phạm, người đại diện phần vốn có thể bị yêu cầu giải trình, bị hạn chế thẩm quyền, bị thay thế, miễn nhiệm, bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYẾT ĐỊNH SAI, XỬ LÝ VƯỢT THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN

Điều 42. Kiểm soát quyết định sai

1. Quyết định được coi là có dấu hiệu sai khi thuộc một trong các trường hợp: Trái pháp luật; trái Điều lệ; trái Quy chế này; không đúng thẩm quyền; thiếu hồ sơ bắt buộc; dựa trên thông tin sai lệch; không đánh giá rủi ro cần thiết; có xung đột lợi ích nhưng không được kiểm soát; gây hoặc có nguy cơ cao gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

2. Khi phát hiện dấu hiệu quyết định sai, cá nhân, bộ phận, cơ quan kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ngay người có thẩm quyền; người nhận báo cáo phải tổ chức xem xét ngay, quyết định tạm dừng, sửa đổi, hủy bỏ, thay thế hoặc tiếp tục thực hiện có điều kiện.

3. Việc xử lý quyết định sai không làm mất đi trách nhiệm của người đề xuất, người thẩm định, người ký, người biểu quyết và người tổ chức thực hiện.

Điều 43. Xử lý trường hợp vượt thẩm quyền

1. Mọi quyết định, cam kết, giao dịch, chỉ đạo hoặc hành vi vượt thẩm quyền phải bị dừng ngay khi phát hiện, trừ phần việc không thể dừng vì lý do an toàn, bảo mật hoặc hạn chế thiệt hại; trường hợp này phải có biện pháp tạm thời và báo cáo ngay cấp có thẩm quyền.

2. Quyết định vượt thẩm quyền không mặc nhiên được hợp thức hóa bằng việc hoàn tất hồ sơ sau; việc chấp thuận bổ sung, nếu có, chỉ được xem xét trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính hợp pháp, lợi ích của Công ty và trách nhiệm cá nhân liên quan.

3. Cá nhân vượt thẩm quyền phải giải trình bằng văn bản; tùy tính chất, mức độ có thể bị hủy bỏ quyết định, thu hồi văn bản, bồi thường thiệt hại, xử lý

kỷ luật, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét theo pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm cá nhân của người quản lý, người điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác, người đại diện phần vốn, người được ủy quyền và người có liên quan khi thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, trung thành, tránh xung đột lợi ích và nghĩa vụ khác theo pháp luật.

2. Trách nhiệm cá nhân được xác định tương ứng với vai trò của từng người trong chuỗi quyết định, bao gồm: Người đề xuất; người soạn thảo; người thẩm định; người cho ý kiến; người phê duyệt, biểu quyết; người ký; người tổ chức thực hiện; người giám sát.

3. Không áp dụng nguyên tắc trách nhiệm tập thể để xóa bỏ hoặc làm mờ trách nhiệm cá nhân; trường hợp không xác định được người chịu trách nhiệm chính thì người đứng đầu bộ phận hoặc người chủ trì công việc phải chịu trách nhiệm trước.

Điều 45. Nguyên tắc bồi thường và hoàn trả

1. Tổ chức, cá nhân gây thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, vượt thẩm quyền, cố ý làm trái, thiếu trách nhiệm, che giấu thông tin, báo cáo sai lệch hoặc hành vi vi phạm khác phải bồi thường theo quy định pháp luật và quy định nội bộ.

2. Trường hợp Công ty phải bồi thường cho bên thứ ba hoặc chịu tổn thất do hành vi vi phạm của cá nhân, Công ty có quyền xem xét yêu cầu cá nhân đó hoàn trả toàn bộ hoặc một phần thiệt hại tương ứng với lỗi và mức độ tham gia gây thiệt hại.

3. Việc xem xét trách nhiệm bồi thường không phụ thuộc vào việc cá nhân đó còn đang giữ chức vụ hay đã thôi chức, nghỉ việc hoặc chuyển công tác.

CHƯƠNG XI

LUỒNG RA QUYẾT ĐỊNH, LUỒNG BÁO CÁO VÀ LUỒNG KIỂM SOÁT

Điều 46. Luồng ra quyết định

1. Luồng ra quyết định chuẩn trong Công ty gồm: Phát sinh nhu cầu – xác định thẩm quyền – lập hồ sơ – thẩm định – xin ý kiến/biểu quyết – phê duyệt – ban hành văn bản – tổ chức thực hiện – theo dõi – đánh giá kết quả.

2. Đối với quyết định thuộc Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, bộ phận điều hành chỉ được tổ chức thực hiện sau khi đã có nghị quyết, quyết định hoặc ý kiến chấp thuận hợp lệ, trừ tình huống khẩn cấp được xử lý theo Điều 22 của Quy chế này.

3. Không được đảo ngược quy trình theo hướng ký trước, hợp thức hóa sau; triển khai trước, xin ý kiến sau; cam kết thương mại trước, hoàn thiện phê duyệt sau, trừ trường hợp pháp luật hoặc Quy chế này có quy định khác thật sự cần thiết.

Điều 47. Luồng báo cáo

1. Luồng báo cáo định kỳ đi theo tuyến: Đơn vị phát sinh – người phụ trách lĩnh vực – Tổng Giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị; đồng thời báo đảm cung cấp cho Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và kế hoạch kiểm soát.

2. Luồng báo cáo đột xuất đi theo nguyên tắc nhanh nhất đến người có thẩm quyền trực tiếp xử lý; trường hợp nội dung có thể ảnh hưởng lớn đến pháp lý, tài chính, công bố thông tin, vốn, tài sản hoặc uy tín thì phải đồng thời gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Nội dung báo cáo phải có số liệu, diễn giải, đánh giá nguyên nhân, trách nhiệm, phương án xử lý và kiến nghị; không chấp nhận báo cáo chỉ nêu hiện tượng mà không nêu tác động và đầu mối xử lý.

Điều 48. Luồng kiểm soát

1. Luồng kiểm soát gồm: Tiếp nhận thông tin – sàng lọc dấu hiệu rủi ro/vi phạm – kiểm tra hồ sơ, dữ liệu – yêu cầu giải trình – kết luận sơ bộ – quyết định biện pháp xử lý – theo dõi khắc phục – tổng hợp đóng vụ việc.

2. Đối với vụ việc nghiêm trọng, người có thẩm quyền có thể quyết định cơ chế kiểm soát tăng cường, bao gồm: tạm dừng giao dịch; tạm dừng ký mới; yêu cầu rà soát lại toàn bộ hồ sơ; kiểm tra chéo dữ liệu; chỉ định đầu mối giám sát trực tiếp; thay đổi đầu mối thực hiện.

3. Kết quả kiểm soát phải được lưu trữ thành hồ sơ độc lập để phục vụ truy cứu trách nhiệm, đánh giá hệ thống và hoàn thiện quy chế.

CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, ban hành kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện Quy chế này trong toàn Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức kiểm soát việc thực hiện Quy chế; chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình có liên quan để bảo đảm thống nhất với Quy chế này.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai trong toàn hệ thống điều hành; cụ thể hóa thành quy trình, biểu mẫu, chế độ báo cáo và phân công trách nhiệm đến từng đầu mối.

4. Ban kiểm soát căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo luật để giám sát việc chấp hành Quy chế này; kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc xử lý vi phạm khi cần thiết.

5. Người đại diện phần vốn, người quản lý, người điều hành, người lao động có liên quan và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện Quy chế này.

Điều 50. Rà soát, sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này được rà soát định kỳ hằng năm hoặc khi có một trong các căn cứ sau đây: Pháp luật thay đổi; Điều lệ thay đổi; mô hình quản trị thay đổi; phát sinh khoảng trống kiểm soát; phát sinh bất cập nghiêm trọng trong thực tiễn áp dụng.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp pháp luật hoặc Điều lệ quy định khác.

3. Mọi đề xuất sửa đổi, bổ sung phải nêu rõ căn cứ, nội dung sửa đổi, tác động quản trị, tác động pháp lý và phương án chuyển tiếp.

Điều 51. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành.

2. Kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, các quy định nội bộ trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực trong phạm vi trái đó.

3. Các bộ phận, đơn vị có trách nhiệm hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh quy chế, quy trình, biểu mẫu liên quan trong thời hạn ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực và định kỳ thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 554/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung ban hành các quy chế của Công ty cổ phần X20

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 tổ chức họp thường niên ngày 18/06/2021 đã quyết nghị phê duyệt ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20.

Năm 2025, Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành đã ban hành nhiều văn bản QPPL có liên quan. Do đó, các quy chế nêu trên cần phải được sửa đổi, bổ sung theo quy định mới để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 xem xét biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần X20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).
2. Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị GATEXCO 20 (nội dung chi tiết kèm theo Tờ trình này).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu: VT, HĐQT.H03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN X20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QC-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /06/2026
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần X20;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày... tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20, phiên họp thường niên năm 2026,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện chức năng quyết định và giám sát.*
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, tổ chức hoạt động và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.*
- 3. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị.*
- 4. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát độc lập theo quy định của pháp luật.*

5. *Người quản lý* bao gồm các chức danh quản lý theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. *Người có liên quan* được hiểu theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.

7. *Xung đột lợi ích* là tình huống mà lợi ích cá nhân hoặc lợi ích liên quan có khả năng làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc thực hiện chức trách.

8. *Quyết định sai* là quyết định có một hoặc nhiều dấu hiệu như: ban hành sai thẩm quyền; trái pháp luật hoặc Điều lệ; thiếu căn cứ pháp lý hoặc dữ liệu; không đánh giá hoặc đánh giá sai rủi ro; có xung đột lợi ích chưa được kiểm soát; hoặc có khả năng gây thiệt hại đáng kể cho Công ty.

9. *Vi phạm* là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị, bao gồm cả hành vi cố ý và vô ý gây hậu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

10. *Rủi ro* là khả năng xảy ra sự kiện làm ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu hoạt động, tài chính, pháp lý hoặc uy tín của Công ty.

11. *Kiểm soát rủi ro* là việc nhận diện, đánh giá, theo dõi và áp dụng biện pháp để hạn chế tác động của rủi ro.

12. Các thuật ngữ khác được hiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy chế này quy định về vị trí, nguyên tắc hoạt động, quyền và nghĩa vụ, quy trình làm việc, quy trình họp và ra quyết định, cơ chế giám sát, quan hệ công tác, chế độ thông tin báo cáo, trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan trong hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20.

b) Các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Quy chế này, trừ trường hợp cần quy định để xác lập cơ chế phối hợp, kiểm soát, giám sát và phân định trách nhiệm trong quan hệ với Hội đồng quản trị.

c) Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn Công ty và là căn cứ để Hội đồng quản trị tổ chức hoạt động, kiểm soát việc thực thi quyền hạn và bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong quản trị công ty.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan

đến việc chuẩn bị hồ sơ, cung cấp thông tin, tham mưu, tổ chức thực hiện hoặc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị.

b) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác, người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc và công ty con có trách nhiệm tuân thủ các quy định có liên quan của Quy chế này trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng định hướng chiến lược, quyết định các vấn đề quản trị trọng yếu, giám sát điều hành, kiểm soát rủi ro, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan; bảo đảm Công ty hoạt động đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng mục tiêu, ngành nghề, định hướng phát triển và đặc thù doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối, doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

3. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân của từng thành viên, bảo đảm không cá nhân hóa quyền lực trong hoạt động quản trị.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Công ty và chỉ nhằm cụ thể hóa phương thức tổ chức thực hiện, không thay thế, không sửa đổi và không làm phát sinh nội dung trái với Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cùng một vấn đề được quy định khác nhau giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty thì áp dụng Điều lệ Công ty. Trường hợp Điều lệ Công ty và Quy chế này chưa quy định hoặc quy định không còn phù hợp với pháp luật hiện hành thì áp dụng quy định của pháp luật.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới kể từ thời điểm văn bản đó có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Nguyên tắc hiểu thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, người có liên quan, giao dịch với bên có liên quan, xung đột lợi ích, nghị quyết, quyết định, lấy ý kiến bằng văn bản, người phụ trách quản trị công ty và các thuật ngữ khác được hiểu theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Các từ ngữ chỉ số ít bao gồm cả số nhiều và ngược lại khi ngữ cảnh đòi hỏi. Tiêu đề chương, điều, khoản, điểm chỉ nhằm mục đích thuận tiện trong theo dõi, tra cứu và không dùng để giới hạn nội dung quy định.

3. Việc diễn giải Quy chế này phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu tăng cường quản trị minh bạch, kiểm soát quyền lực, phòng ngừa lạm quyền, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị không được ban hành nghị quyết, quyết định hoặc thực hiện hành vi quản trị vượt quá thẩm quyền, trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc làm phát sinh nghĩa vụ, rủi ro, thiệt hại không cần thiết cho Công ty.

3. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị phải có căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, căn cứ dữ liệu và căn cứ thẩm quyền rõ ràng; phải bảo đảm có thể kiểm tra, đối chiếu, giải trình và truy vết.

Điều 7. Nguyên tắc làm việc tập thể gắn với trách nhiệm cá nhân

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, thảo luận dân chủ, phân biện thực chất, quyết định theo đa số và chịu trách nhiệm tập thể về nghị quyết, quyết định đã được thông qua.

2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến phát biểu, quan điểm chuyên môn, phiếu biểu quyết, nội dung được phân công theo dõi, giám sát và trách nhiệm cảnh báo rủi ro thuộc phạm vi mình biết hoặc phải biết khi thực hiện chức trách.

3. Không thành viên nào được nhân danh Hội đồng quản trị để quyết định hoặc chỉ đạo công việc thuộc thẩm quyền tập thể của Hội đồng quản trị nếu không có căn cứ ủy quyền hoặc phân công hợp lệ.

Điều 8. Nguyên tắc trung thành, cẩn trọng, liêm chính và vì lợi ích tốt nhất của Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, liêm chính, thiện chí và vì lợi ích hợp pháp cao nhất của Công ty; không

được lợi dụng địa vị, chức vụ, thông tin, cơ hội kinh doanh, tài sản hoặc ảnh hưởng của Công ty để thu lợi cho mình hoặc cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải độc lập về ý chí khi xem xét, thảo luận và biểu quyết; không bị chi phối bởi lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, quan hệ cá nhân, áp lực hành chính không phù hợp hoặc chỉ đạo không đúng thẩm quyền.

3. Trường hợp có nhiều lợi ích cần cân nhắc, Hội đồng quản trị phải ưu tiên lợi ích hợp pháp, bền vững, dài hạn của Công ty gắn với nhiệm vụ chính trị, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh, an toàn pháp lý, an toàn tài chính, uy tín và thương hiệu của Công ty.

Điều 9. Nguyên tắc phân định thẩm quyền giữa quản trị và điều hành

1. Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị, định hướng, quyết định và giám sát; Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty. Việc phân định giữa quản trị và điều hành phải rõ ràng, không chồng chéo, không bỏ trống trách nhiệm, không can thiệp tùy tiện vào hoạt động điều hành thường xuyên.

2. Hội đồng quản trị không trực tiếp thay Tổng Giám đốc xử lý các công việc thuộc thẩm quyền điều hành hằng ngày, trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị quy định khác hoặc khi cần áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt để ngăn ngừa rủi ro, vi phạm hoặc thiệt hại.

3. Tổng Giám đốc không được nhân danh điều hành để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc làm thay chức năng kiểm soát, giám sát, đánh giá của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Nguyên tắc minh bạch, công khai nội bộ và bảo mật thông tin

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị phải được thực hiện trên cơ sở minh bạch trong nội bộ về hồ sơ, tài liệu, cơ sở dữ liệu, căn cứ trình, ý kiến thẩm tra, ý kiến phản biện, kết quả biểu quyết và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận đầy đủ, kịp thời và bình đẳng đối với tài liệu cần thiết để thực hiện chức trách của mình; không ai được cố ý che giấu, trì hoãn, bóp méo hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ nhằm làm sai lệch nhận định của Hội đồng quản trị.

3. Việc minh bạch nội bộ phải đi đôi với bảo mật thông tin. Thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty và các chủ thể liên quan có trách nhiệm giữ bí mật đối với thông tin chưa công bố, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bí mật tài chính, bí mật nhân sự và thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

Điều 11. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực và tự kiểm soát

1. Hội đồng quản trị phải thiết lập và duy trì các cơ chế kiểm soát quyền lực trong toàn bộ quá trình xem xét, quyết định, ủy quyền, giám sát và đánh giá. Mọi quyền lực được giao phải gắn với giới hạn, điều kiện, trách nhiệm, cơ chế kiểm tra và cơ chế thu hồi.

2. Không tập trung quyền lực quá mức vào một cá nhân, không để phát sinh tình trạng quyết định theo tiền lệ cá nhân, quan hệ cá nhân hoặc cơ chế xin cho nội bộ. Mọi đề xuất vượt thẩm quyền, không đủ căn cứ hoặc có dấu hiệu rủi ro cao phải được yêu cầu thẩm định lại, giải trình lại hoặc tạm dừng xem xét.

3. Hội đồng quản trị phải thường xuyên tự rà soát chất lượng quyết định, chất lượng giám sát và mức độ tuân thủ của chính mình; kịp thời sửa đổi, bổ sung quy trình làm việc khi phát sinh bất cập.

Điều 12. Nguyên tắc hiệu quả, kịp thời và có thể thực thi

1. Hội đồng quản trị phải quyết định đúng thẩm quyền, đúng thời điểm, đúng mức độ cần thiết và bảo đảm nghị quyết, quyết định ban hành có tính khả thi, có phân công rõ người chịu trách nhiệm, thời hạn thực hiện, nguồn lực thực hiện và tiêu chí kiểm tra, đánh giá.

2. Không vì thận trọng hình thức mà kéo dài không cần thiết việc ra quyết định, làm lỡ cơ hội kinh doanh, làm tăng chi phí hoặc tạo khoảng trống quản trị; đồng thời không vì áp lực tiến độ mà bỏ qua thẩm tra, bỏ qua cảnh báo rủi ro hoặc hợp thức hóa hồ sơ chưa đủ điều kiện.

3. Đối với vấn đề cấp bách, Hội đồng quản trị phải áp dụng cơ chế xử lý phù hợp để bảo đảm vừa kịp thời vừa đúng pháp luật, có hậu kiểm và có trách nhiệm giải trình.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ chung của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý Công ty theo pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm quyết định chiến lược, kế hoạch, chính sách quan trọng; quyết định cơ cấu tổ chức quản lý thuộc thẩm quyền; quyết định đầu tư, tài chính, nhân sự, giám sát điều hành và thực hiện các quyền khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức quản trị Công ty theo chuẩn mực thận trọng, kiểm soát rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm hiệu quả, minh bạch, tuân thủ pháp luật, phù hợp đặc thù doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối và doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

Điều 14. Quyền quyết định chiến lược, kế hoạch và định hướng phát triển

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các định hướng chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn; kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm; kế hoạch đầu tư phát triển; chiến lược thị trường, sản phẩm, thương hiệu, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phương án tái cơ cấu Công ty theo thẩm quyền.

2. Khi xem xét chiến lược và kế hoạch, Hội đồng quản trị phải đánh giá đồng thời hiệu quả tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, năng lực tổ chức thực hiện, nhu cầu đầu tư, khả năng cân đối dòng tiền, yêu cầu bảo vệ môi trường, yêu cầu quốc phòng, an ninh và các rủi ro pháp lý, thị trường, vận hành, nhân sự có liên quan.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức rà soát định kỳ việc thực hiện chiến lược và kế hoạch; kịp thời điều chỉnh khi bối cảnh, điều kiện thị trường, chính sách hoặc năng lực thực hiện thay đổi đáng kể.

Điều 15. Quyền quyết định về đầu tư, tài chính và tài sản

1. Hội đồng quản trị quyết định hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các dự án đầu tư, giao dịch, hợp đồng, phương án mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng vốn, sử dụng tài sản, xử lý tài sản và các vấn đề tài chính khác theo đúng thẩm quyền, hạn mức và điều kiện của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải bảo đảm mọi quyết định đầu tư và tài chính được xem xét trên cơ sở hồ sơ đầy đủ, phân tích hiệu quả, đánh giá tính cần thiết, tính hợp pháp, nguồn vốn, khả năng thu hồi, ngưỡng chịu rủi ro, phương án tổ chức thực hiện và cơ chế hậu kiểm.

3. Hội đồng quản trị không được quyết định đầu tư theo phong trào, đầu tư dàn trải, đầu tư vượt khả năng kiểm soát hoặc cho phép sử dụng vốn, tài sản của Công ty vào mục đích không rõ hiệu quả, không đúng thẩm quyền hoặc không phù hợp với chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 16. Quyền quyết định về tổ chức bộ máy và quản trị nội bộ

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty theo thẩm quyền; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan, đơn vị trực thuộc, công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, ban dự án và các bộ phận khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị ban hành hoặc trình phê duyệt các quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, quy chế đầu tư, quy chế phân cấp, quy chế người đại diện phần vốn, quy chế thông tin, quy chế giám sát, quy chế tiền lương, thù lao, đánh giá hiệu quả và các cơ chế quản trị cần thiết khác trong phạm vi thẩm quyền.

3. Khi quyết định tổ chức bộ máy và cơ chế quản trị nội bộ, Hội đồng quản trị phải bảo đảm nguyên tắc tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, rõ chức năng, rõ thẩm quyền,

rõ trách nhiệm, rõ cơ chế phối hợp, rõ cơ chế kiểm soát và tránh trùng lặp, chồng chéo.

Điều 17. Quyền quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đánh giá nhân sự thuộc thẩm quyền

1. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh khác thuộc thẩm quyền; quyết định cử, thay đổi, đánh giá người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Việc xem xét nhân sự thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phải căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ nhân sự, kết quả đánh giá, yêu cầu nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý, mức độ đáp ứng mục tiêu chiến lược và yêu cầu kiểm soát rủi ro.

3. Hội đồng quản trị phải tổ chức đánh giá định kỳ và đột xuất đối với Tổng Giám đốc, người quản lý thuộc thẩm quyền và người đại diện phần vốn; kịp thời chấn chỉnh, thay thế hoặc xử lý khi phát hiện không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm, mất uy tín hoặc có rủi ro ảnh hưởng đáng kể đến Công ty.

Điều 18. Quyền giám sát, kiểm tra và yêu cầu cung cấp thông tin

1. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, người quản lý, người đại diện phần vốn, người đứng đầu đơn vị trực thuộc và các chủ thể có liên quan cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu, số liệu, báo cáo, giải trình về mọi vấn đề thuộc phạm vi giám sát của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có quyền tổ chức kiểm tra, giám sát chuyên đề, làm việc trực tiếp, yêu cầu rà soát, kiểm toán nội bộ hoặc yêu cầu giải trình bổ sung đối với các lĩnh vực có dấu hiệu rủi ro, yếu kém, chậm tiến độ, thất thoát, vi phạm hoặc hiệu quả thấp.

3. Mọi hành vi che giấu thông tin, báo cáo sai lệch, cung cấp không đầy đủ, trì hoãn cung cấp thông tin hoặc cản trở hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đều bị xem là vi phạm kỷ luật quản trị và phải được xử lý theo quy định.

Điều 19. Nghĩa vụ trình, báo cáo và giải trình của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị, trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung thuộc thẩm quyền; tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả giám sát, kết quả quản trị, việc thực hiện kế hoạch, chiến lược và các nội dung phải công khai theo quy định.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, cơ quan có thẩm quyền, cổ đông theo quy định pháp luật, Ban kiểm soát và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Giải trình phải trung thực, đúng thời hạn, có căn cứ, làm rõ cả kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục.

Điều 20. Nghĩa vụ bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cổ đông và Công ty

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, Nhà nước, cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan trên cơ sở hài hòa, đúng pháp luật, phù hợp vai trò và tỷ lệ sở hữu, không thiên vị, không phân biệt đối xử trái pháp luật.

2. Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty, Hội đồng quản trị phải đặc biệt chú trọng yêu cầu bảo toàn, phát triển vốn, tuân thủ cơ chế đại diện chủ sở hữu, sử dụng vốn đúng mục đích, đúng giới hạn rủi ro và bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch.

3. Hội đồng quản trị không được ban hành hoặc thực hiện quyết định gây thiệt hại trái pháp luật cho Công ty, xâm hại quyền hợp pháp của cổ đông hoặc làm sai lệch nguyên tắc bình đẳng giữa các cổ đông cùng loại.

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH HỢP VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

Điều 21. Chương trình công tác và kế hoạch hợp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chương trình công tác năm, kế hoạch hợp định kỳ và hợp bất thường khi cần thiết. Chương trình công tác năm phải bao quát các nội dung trọng yếu về chiến lược, kế hoạch, tài chính, đầu tư, nhân sự, quản trị rủi ro, công bố thông tin, công ty con và giám sát việc thực hiện nghị quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì xây dựng dự kiến chương trình công tác năm và kế hoạch hợp định kỳ để Hội đồng quản trị xem xét thống nhất; đồng thời tổ chức cập nhật, điều chỉnh khi có yêu cầu thực tiễn hoặc yêu cầu pháp lý phát sinh.

3. Việc tổ chức hợp phải bảo đảm để Hội đồng quản trị chủ động quản trị, không chỉ xử lý sự vụ mà còn thực hiện đầy đủ chức năng định hướng và giám sát.

Điều 22. Chuẩn bị hồ sơ trình Hội đồng quản trị

1. Mọi nội dung trình Hội đồng quản trị phải có tờ trình/báo cáo, dự thảo nghị quyết hoặc dự thảo quyết định và hồ sơ kèm theo đủ để làm rõ căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, mục tiêu, nội dung đề xuất, phương án, tác động, rủi ro, ý kiến liên quan và kiến nghị quyết định.

2. Hồ sơ trình phải do đúng cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và hợp pháp của thông tin, số liệu, tài liệu trong hồ sơ.

3. Hồ sơ không đủ điều kiện về thẩm quyền, thiếu căn cứ, thiếu dữ liệu, thiếu đánh giá rủi ro hoặc có dấu hiệu mâu thuẫn, xung đột lợi ích chưa được làm rõ thì

không được đưa vào chương trình họp chính thức, trừ trường hợp cần thảo luận sơ bộ để yêu cầu hoàn thiện.

Điều 23. Triệu tập họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này. Trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện thì việc triệu tập, chủ trì được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hợp Hội đồng quản trị được tổ chức định kỳ hoặc bất thường. Hợp bất thường được triệu tập khi có vấn đề cấp bách, phát sinh rủi ro lớn, xuất hiện dấu hiệu vi phạm, phát sinh nội dung vượt thẩm quyền điều hành hoặc khi có yêu cầu hợp lệ của chủ thể có thẩm quyền.

3. Thông báo mời họp phải nêu rõ thời gian, địa điểm hoặc hình thức họp, chương trình họp, nội dung từng vấn đề, danh mục tài liệu gửi kèm và các yêu cầu cần thiết khác. Thời hạn gửi thông báo và tài liệu phải đủ để thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến.

Điều 24. Hình thức họp và điều kiện họp lệ của cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp các hình thức phù hợp với điều kiện kỹ thuật và yêu cầu bảo mật. Hình thức họp được lựa chọn phải bảo đảm xác định được người tham gia, khả năng trao đổi trực tiếp, khả năng biểu quyết và khả năng lập biên bản họp lệ.

2. Cuộc họp chỉ được tiến hành khi bảo đảm điều kiện họp lệ theo pháp luật và Điều lệ Công ty. Trước khi khai mạc, chủ tọa phải xác định, công bố tình trạng họp lệ của cuộc họp và ghi nhận vào biên bản.

3. Nếu điều kiện họp lệ không được bảo đảm thì cuộc họp không được tiến hành hoặc phải tạm dừng để khắc phục. Mọi nghị quyết, quyết định được thông qua trên cơ sở cuộc họp không họp lệ phải được xem xét lại.

Điều 25. Trình tự thảo luận và biểu quyết

1. Mỗi nội dung trong chương trình họp phải được trình bày rõ về căn cứ, nội dung đề xuất, tác động, rủi ro và nội dung cần Hội đồng quản trị quyết định. Sau phần trình bày, các thành viên Hội đồng quản trị được quyền chất vấn, yêu cầu giải trình, phản biện và đề nghị bổ sung thông tin.

2. Chủ tọa có trách nhiệm điều hành thảo luận dân chủ, khách quan, không hạn chế bất hợp lý quyền phát biểu, phản biện và quyền bảo lưu ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Sau khi thảo luận đầy đủ, Hội đồng quản trị tiến hành biểu quyết theo hình thức phù hợp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp pháp luật có

quy định khác. Thành viên có xung đột lợi ích không được tham gia biểu quyết đối với nội dung có liên quan.

Điều 26. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ được ban hành khi được thông qua đúng thẩm quyền, đúng trình tự, đúng tỷ lệ biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nội dung nghị quyết, quyết định phải rõ ràng, cụ thể, xác định đầy đủ căn cứ ban hành, nội dung quyết định, người hoặc đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện, chế độ báo cáo, cơ chế giám sát và hiệu lực thi hành.

3. Không được tự ý sửa đổi bản chất nội dung đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua khi hoàn thiện văn bản ban hành.

Điều 27. Lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc hình thức điện tử có giá trị tương đương đối với những vấn đề phù hợp, không nhất thiết phải tổ chức họp, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hồ sơ lấy ý kiến phải tương đương hồ sơ họp về mức độ đầy đủ, rõ ràng. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu làm rõ thông tin hoặc đề nghị chuyển sang họp nếu nội dung phức tạp, nhạy cảm hoặc có rủi ro cao.

3. Kết quả lấy ý kiến bằng văn bản phải được tổng hợp thành văn bản, lưu cùng hồ sơ quyết định và có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp nếu đáp ứng đầy đủ điều kiện hợp lệ.

Điều 28. Biên bản họp, lưu trữ hồ sơ và hậu kiểm quyết định

1. Mọi cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập biên bản trung thực, đầy đủ, phản ánh rõ thành phần tham dự, tình trạng họp lệ, diễn biến thảo luận, ý kiến bảo lưu, kết quả biểu quyết và nội dung được thông qua.

2. Biên bản, tài liệu họp, phiếu biểu quyết, dữ liệu họp trực tuyến, văn bản lấy ý kiến, nghị quyết, quyết định và tài liệu liên quan phải được lưu trữ đầy đủ, an toàn, bảo mật, có khả năng truy xuất và phục vụ kiểm tra, giải trình, hậu kiểm.

3. Sau khi ban hành nghị quyết, quyết định, Hội đồng quản trị phải tổ chức theo dõi, kiểm tra, hậu kiểm việc thực hiện; kịp thời phát hiện sai lệch, chậm trễ, rủi ro hoặc vi phạm để yêu cầu chấn chỉnh, điều chỉnh hoặc xử lý.

CHƯƠNG V

CƠ CHẾ GIÁM SÁT ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Mục tiêu, phạm vi và nguyên tắc giám sát điều hành

1. Giám sát điều hành là chức năng trọng yếu của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty, chiến lược, kế hoạch, nghị quyết của Hội đồng quản trị và giới hạn rủi ro đã được chấp thuận.

2. Giám sát điều hành không nhằm thay thế vai trò điều hành của Tổng Giám đốc mà nhằm kiểm soát chất lượng điều hành, tính tuân thủ, tiến độ thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực, khả năng hoàn thành mục tiêu, mức độ phát sinh rủi ro và trách nhiệm cá nhân của người quản lý.

3. Giám sát điều hành phải được thực hiện thường xuyên, có hệ thống, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu, chỉ tiêu, hồ sơ, kiểm tra thực tế và cơ chế giải trình; không làm hình thức, không dựa chủ yếu vào báo cáo một chiều.

Điều 30. Cơ sở giám sát điều hành của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát điều hành trên cơ sở chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, ngân sách, chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo định kỳ và đột xuất, báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm tra nội bộ, ý kiến của Ban kiểm soát và các nguồn thông tin hợp pháp khác.

2. Nội dung giám sát phải bao gồm ít nhất việc thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị dòng tiền, quản trị nợ, tồn kho, đầu tư, mua sắm, ký kết hợp đồng lớn, quản trị nhân sự chủ chốt, thực hiện nghĩa vụ pháp lý, thực hiện công bố thông tin, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình công ty con, đơn vị trực thuộc.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xác lập bộ chỉ tiêu giám sát chủ yếu theo từng giai đoạn, bảo đảm có thể đo lường, so sánh, cảnh báo và quy trách nhiệm.

Điều 31. Chế độ báo cáo phục vụ giám sát điều hành

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề để phục vụ Hội đồng quản trị giám sát điều hành. Báo cáo phải trung thực, đúng thời hạn, đầy đủ, có phân tích nguyên nhân, đánh giá rủi ro, kiến nghị giải pháp và xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận liên quan.

2. Hệ thống báo cáo phục vụ giám sát điều hành phải bao gồm tối thiểu báo cáo tháng, quý, năm; báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; báo cáo đầu tư; báo cáo tài chính và quản trị tài chính; báo cáo nhân sự; báo cáo pháp chế, tuân thủ; báo cáo rủi ro; báo cáo công ty con và báo cáo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo yêu cầu.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu điều chỉnh mẫu biểu, tần suất, phạm vi và mức độ chi tiết của báo cáo khi thấy cần thiết để bảo đảm giám sát hiệu quả.

Điều 32. Cơ chế làm việc, giải trình và chất vấn đối với Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm trực tiếp tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị khi được yêu cầu, báo cáo trung thực, giải trình đầy đủ và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất, phương án điều hành thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền chất vấn Tổng Giám đốc, yêu cầu làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ, vượt chi phí, giảm hiệu quả, tăng rủi ro, vi phạm quy định hoặc các dấu hiệu bất thường khác. Tổng Giám đốc không được từ chối giải trình, trừ trường hợp pháp luật cấm hoặc thông tin thuộc phạm vi cần xử lý theo chế độ đặc biệt và phải nêu rõ lý do.

3. Nội dung chất vấn, giải trình và kết luận giám sát phải được ghi nhận trong biên bản họp hoặc văn bản làm việc để làm căn cứ theo dõi, hậu kiểm và đánh giá trách nhiệm.

Điều 33. Kiểm tra chuyên đề, giám sát đột xuất và làm việc thực địa

1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tổ chức kiểm tra chuyên đề, giám sát đột xuất hoặc làm việc trực tiếp tại cơ quan, đơn vị, công ty con, dự án, nhà máy, kho, bộ phận nghiệp vụ nhằm xác minh thông tin, đánh giá thực trạng và phát hiện sớm rủi ro.

2. Việc kiểm tra, giám sát phải có mục tiêu, phạm vi, nội dung, thời gian và người chịu trách nhiệm rõ ràng; bảo đảm không gây cản trở không cần thiết cho hoạt động điều hành, đồng thời đủ chặt chẽ để phát hiện bản chất vấn đề.

3. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được tổng hợp thành văn bản, nêu rõ phát hiện, đánh giá, trách nhiệm, kiến nghị và thời hạn khắc phục.

Điều 34. Đánh giá kết quả điều hành và xử lý sau kiểm tra, giám sát

1. Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị định kỳ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổng Giám đốc và người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền, bảo đảm gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, chất lượng điều hành, khả năng kiểm soát rủi ro, tính tuân thủ và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Trường hợp phát hiện hạn chế, yếu kém, vi phạm hoặc nguy cơ gây thiệt hại, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các chủ thể liên quan xây dựng kế hoạch khắc phục, báo cáo tiến độ và chịu sự giám sát tăng cường.

3. Trường hợp không khắc phục, khắc phục không đạt yêu cầu, tái phạm hoặc có vi phạm nghiêm trọng, Hội đồng quản trị xem xét áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền, bao gồm cảnh báo, phê bình, yêu cầu thay đổi phương án điều hành, tạm dừng nội dung rủi ro, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

Điều 35. Cơ chế dừng, hoãn hoặc yêu cầu xem xét lại quyết định điều hành

1. Khi có căn cứ cho thấy quyết định hoặc hành vi điều hành có dấu hiệu trái pháp luật, vượt thẩm quyền, trái nghị quyết của Hội đồng quản trị, xung đột lợi ích, tiềm ẩn thiệt hại lớn hoặc rủi ro không thể chấp nhận, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu dừng, hoãn hoặc xem xét lại.

2. Yêu cầu dừng, hoãn hoặc xem xét lại phải được thể hiện bằng văn bản hoặc được ghi nhận chính thức trong biên bản họp, nêu rõ căn cứ, phạm vi và yêu cầu xử lý tiếp theo. Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan có trách nhiệm chấp hành ngay, trừ trường hợp việc dừng sẽ gây thiệt hại lớn hơn và phải báo cáo ngay để Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

3. Cơ chế này là công cụ kiểm soát quyền lực quản trị, không được lạm dụng để can thiệp tùy tiện vào điều hành thông thường nhưng cũng không được né tránh khi xuất hiện rủi ro, vi phạm hoặc dấu hiệu thất thoát.

CHƯƠNG VI

CƠ CHẾ KIỂM SOÁT RỦI RO VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 36. Nguyên tắc kiểm soát rủi ro

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập định hướng, khẩu vị rủi ro, cơ chế nhận diện, phân loại, theo dõi, cảnh báo, ứng phó và giám sát rủi ro trong toàn Công ty phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động và đặc thù doanh nghiệp.

2. Rủi ro phải được kiểm soát ngay từ khâu ra quyết định, tổ chức thực hiện và giám sát; không được chờ đến khi thiệt hại phát sinh mới xử lý. Mọi lĩnh vực trọng yếu như đầu tư, tài chính, hợp đồng, mua sắm, nhân sự, pháp lý, công nghệ, môi trường, an toàn, an ninh mạng, công bố thông tin và quản trị công ty con đều phải có cơ chế nhận diện và kiểm soát rủi ro phù hợp.

3. Hội đồng quản trị phải định kỳ rà soát các rủi ro trọng yếu, yêu cầu điều hành xây dựng và cập nhật các phương án kiểm soát, ứng phó và khắc phục.

Điều 37. Hệ thống nhận diện, cảnh báo và báo cáo rủi ro

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức hệ thống nhận diện, đo lường, theo dõi và báo cáo rủi ro; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, đặc biệt là rủi ro có khả năng ảnh hưởng lớn đến vốn, tài sản, dòng tiền, uy tín, tính liên tục hoạt động hoặc trách nhiệm pháp lý của Công ty.

2. Báo cáo rủi ro phải nêu rõ nguồn gốc rủi ro, xác suất, mức độ ảnh hưởng, bộ phận chịu trách nhiệm kiểm soát, biện pháp ứng phó đang áp dụng, biện pháp đề xuất và ngưỡng quyết định cần Hội đồng quản trị xem xét.

3. Trường hợp phát sinh sự kiện bất thường hoặc rủi ro vượt ngưỡng chấp nhận, Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, không chờ kỳ báo cáo định kỳ.

Điều 38. Kiểm soát giao dịch, quyết định và hoạt động có rủi ro cao

1. Hội đồng quản trị phải đặc biệt kiểm soát các giao dịch với bên có liên quan, giao dịch lớn, đầu tư dự án, mua sắm tài sản giá trị lớn, sử dụng vốn vay đáng kể, bảo lãnh, cho vay, chuyển nhượng vốn, quyết định nhân sự chủ chốt, thay đổi cơ cấu tổ chức quan trọng và các hoạt động khác có nguy cơ phát sinh rủi ro cao.

2. Các nội dung rủi ro cao chỉ được xem xét khi hồ sơ có thẩm định pháp lý, thẩm định tài chính, thẩm định kỹ thuật hoặc ý kiến chuyên môn cần thiết; đồng thời phải có phương án kiểm soát, giới hạn chịu rủi ro, người chịu trách nhiệm và kế hoạch hậu kiểm.

3. Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu tư vấn độc lập hoặc yêu cầu rà soát lại hồ sơ trước khi quyết định đối với nội dung phức tạp, nhạy cảm hoặc chưa đủ căn cứ.

Điều 39. Nguyên tắc phòng ngừa và xử lý xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị và các chủ thể có liên quan phải chủ động nhận diện, kê khai, công khai và xử lý xung đột lợi ích ngay khi phát sinh hoặc có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện chức trách.

2. Xung đột lợi ích được hiểu là tình huống trong đó lợi ích cá nhân, lợi ích của người có liên quan hoặc lợi ích của tổ chức có liên quan có thể ảnh hưởng hoặc bị cho là có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, trung thực, độc lập trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty.

3. Không được che giấu xung đột lợi ích, không được lợi dụng vị trí để tác động đến quyết định của Hội đồng quản trị, không được sử dụng thông tin, cơ hội kinh doanh hoặc tài sản của Công ty cho lợi ích riêng.

Điều 40. Kê khai, công khai và loại trừ quyền tham gia khi có xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai đầy đủ các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; cập nhật kịp thời khi có thay đổi. Việc kê khai phải được lưu giữ và phục vụ hoạt động kiểm soát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Khi một nội dung có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc người có liên quan của thành viên đó, thành viên liên quan phải công khai trước khi thảo luận, không tham gia định hướng kết quả và không biểu quyết đối với nội dung có xung đột lợi ích theo quy định.

3. Trường hợp có nghi ngờ hợp lý về xung đột lợi ích mà thành viên liên quan không tự công khai thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc Ban kiểm soát có quyền yêu cầu làm rõ và ghi nhận vào biên bản.

Điều 41. Sử dụng thông tin nội bộ và cơ hội kinh doanh của Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Công ty và các chủ thể liên quan không được sử dụng thông tin nội bộ của Công ty để giao dịch, đầu cơ, tư lợi hoặc cung cấp cho người khác để trục lợi.

2. Mọi cơ hội kinh doanh phát sinh từ hoạt động, thông tin, quan hệ hoặc tài sản của Công ty trước hết phải được xem xét vì lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được chiếm đoạt cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty hoặc chuyển cơ hội đó cho bên khác trái với lợi ích của Công ty.

3. Việc vi phạm quy định về sử dụng thông tin nội bộ hoặc chiếm đoạt cơ hội kinh doanh là hành vi vi phạm nghiêm trọng, là căn cứ xem xét trách nhiệm, bồi thường và xử lý theo pháp luật.

Điều 42. Xử lý vi phạm trong kiểm soát rủi ro và xung đột lợi ích

1. Trường hợp phát hiện vi phạm về kiểm soát rủi ro hoặc xung đột lợi ích, Hội đồng quản trị phải kịp thời yêu cầu dừng hành vi vi phạm, ngăn ngừa hậu quả, khắc phục thiệt hại, rà soát lại quyết định có liên quan và xem xét trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan.

2. Tùy tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng quản trị áp dụng hoặc kiến nghị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp như phê bình, cảnh báo, yêu cầu giải trình, miễn tham gia quyết định, thu hồi ủy quyền, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc xử lý phải bảo đảm kịp thời, công bằng, có căn cứ, không bao che, không hợp thức hóa vi phạm và phải lưu hồ sơ đầy đủ.

CHƯƠNG VII

QUAN HỆ CÔNG TÁC VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 43. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là quan hệ giữa cơ quan quản trị và người điều hành, được xác lập trên nguyên tắc phân định rõ thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ, tôn trọng chức năng của nhau, gắn giao quyền với kiểm soát và trách nhiệm giải trình.

2. Hội đồng quản trị quyết định mục tiêu, định hướng, giới hạn quản trị, chỉ tiêu chủ yếu, cơ chế giám sát và đánh giá. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai, điều hành hoạt động hằng ngày, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Mọi chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc về nguyên tắc phải được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định, kết luận hợp hoặc văn bản hợp lệ; không thực hiện cơ chế chỉ đạo không chính thức làm phát sinh rủi ro quản trị.

Điều 44. Quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là hai thiết chế có chức năng khác nhau nhưng cùng hướng tới mục tiêu bảo đảm quản trị minh bạch, tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo pháp luật và Điều lệ Công ty; kịp thời cung cấp hoặc chỉ đạo cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết theo thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị xem xét nghiêm túc các kiến nghị của Ban kiểm soát; trường hợp không chấp nhận phải có văn bản hoặc kết luận rõ lý do, căn cứ và phương án xử lý thay thế nếu có.

Điều 45. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và cổ đông

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để cổ đông thực hiện đầy đủ quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được đối xử bình đẳng, quyền được tiếp cận thông tin hợp lệ, quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, quyền kiến nghị và quyền yêu cầu giải trình theo quy định.

2. Hội đồng quản trị không được phân biệt đối xử trái pháp luật giữa các cổ đông cùng loại cổ phần, không được cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền cổ đông, không được sử dụng thông tin bất cân xứng gây thiệt hại cho cổ đông hoặc làm méo mó quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc giao tiếp, cung cấp thông tin, tiếp nhận kiến nghị của cổ đông phải được thực hiện theo cơ chế thống nhất, minh bạch, có đầu mối rõ ràng và có lưu vết xử lý.

Điều 46. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan; bảo đảm hồ sơ, tài liệu, chương trình họp, dự thảo nghị quyết và công tác tổ chức phục vụ Đại hội đồng cổ đông được thực hiện đúng thời hạn, đầy đủ và minh bạch.

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông phải được chuẩn bị cẩn trọng, không giấu thông tin bất lợi trọng yếu, không diễn giải một chiều gây hiểu nhầm, bảo đảm cổ đông có cơ sở thực chất để thảo luận và quyết định.

3. Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức triển khai nghị quyết, công khai nội dung theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp phù hợp.

Điều 47. Cơ chế tiếp nhận và xử lý kiến nghị, yêu cầu, khiếu nại của cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức đầu mối tiếp nhận kiến nghị, yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của cổ đông theo đúng thẩm quyền và trình tự; bảo đảm việc tiếp nhận, phân loại, giải quyết, phản hồi được thực hiện khách quan, kịp thời, có hồ sơ theo dõi.

2. Những nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được xem xét, trả lời hoặc đưa vào chương trình họp để xử lý. Những nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phải được chuyển đúng cơ quan, chủ thể có thẩm quyền và thông báo cho cổ đông biết.

3. Hội đồng quản trị không được né tránh, chậm trễ hoặc làm hình thức việc xử lý kiến nghị, phản ánh hợp lệ của cổ đông.

Điều 48. Quan hệ với người đại diện phần vốn và doanh nghiệp có vốn góp của Công ty

1. Hội đồng quản trị quyết định cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá và chỉ đạo đối với người đại diện phần vốn, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đúng quy định của pháp luật và quy chế nội bộ.

2. Người đại diện phần vốn có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong các vấn đề thuộc phạm vi được quy định; đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc bảo vệ lợi ích của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp.

3. Hội đồng quản trị định kỳ đánh giá hiệu quả phần vốn góp, hiệu quả hoạt động của người đại diện và chất lượng quản trị tại doanh nghiệp có vốn góp; kịp thời thay thế hoặc chấn chỉnh khi cần thiết.

CHƯƠNG VIII

THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ DỮ LIỆU

Điều 49. Nguyên tắc quản lý thông tin, báo cáo và dữ liệu

1. Thông tin, báo cáo và dữ liệu phục vụ hoạt động của Hội đồng quản trị phải được quản lý thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo mật và có khả năng truy xuất. Đây là nền tảng để Hội đồng quản trị ra quyết định đúng đắn, giám sát hiệu quả và thực hiện trách nhiệm giải trình.

2. Hội đồng quản trị phải thiết lập yêu cầu tối thiểu về chuẩn dữ liệu, biểu mẫu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, đầu mối chịu trách nhiệm, cơ chế xác nhận số liệu và chế tài đối với báo cáo chậm, thiếu hoặc sai.

3. Mọi báo cáo trình Hội đồng quản trị phải có nguồn dữ liệu rõ ràng, được kiểm tra chéo khi cần thiết và không được bóp méo để phục vụ mục tiêu cá nhân hoặc lợi ích cục bộ.

Điều 50. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có quyền tiếp cận đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu và dữ liệu cần thiết để thực hiện chức trách; được yêu cầu người quản lý, cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp, giải trình, làm rõ thông tin trong phạm vi phục vụ hoạt động quản trị và giám sát.

2. Việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc do yêu cầu bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật điều tra, bí mật theo yêu cầu pháp lý đặc biệt; trong trường hợp đó phải nêu rõ căn cứ và phương thức tiếp cận thay thế nếu có.

3. Thành viên Hội đồng quản trị khi tiếp cận thông tin có nghĩa vụ sử dụng đúng mục đích, giữ bí mật và không cung cấp trái phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Điều 51. Hệ thống báo cáo phục vụ Hội đồng quản trị

1. Hệ thống báo cáo phục vụ Hội đồng quản trị bao gồm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề. Báo cáo định kỳ được thực hiện theo tháng, quý, năm hoặc theo chu kỳ khác do Hội đồng quản trị quy định.

2. Báo cáo phải phản ánh trung thực tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ, hiệu quả, rủi ro và các vấn đề trọng yếu cần Hội đồng quản trị xem xét; đồng thời phải nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục khi có sai lệch.

3. Người ký báo cáo và người cung cấp số liệu nền có trách nhiệm liên đới về độ chính xác, trung thực và đầy đủ của báo cáo trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Điều 52. Cơ sở dữ liệu quản trị và lưu trữ điện tử

1. Công ty phải từng bước xây dựng, chuẩn hóa và vận hành cơ sở dữ liệu quản trị phục vụ Hội đồng quản trị theo hướng số hóa, liên thông, bảo đảm tính toàn vẹn, an toàn thông tin và khả năng truy xuất lịch sử dữ liệu.

2. Dữ liệu quản trị tối thiểu bao gồm dữ liệu về sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, hợp đồng, công nợ, tồn kho, nhân sự, tiền lương, pháp lý, công ty con, phần vốn góp, tài sản, dự án, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực trọng yếu khác.

3. Hội đồng quản trị khuyến khích và giám sát việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản trị doanh nghiệp và nền tảng số để tăng chất lượng thông tin, giảm độ trễ báo cáo và nâng cao năng lực quản trị.

Điều 53. Công bố thông tin và phát ngôn liên quan đến Hội đồng quản trị

1. Công bố thông tin thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng thẩm quyền, đúng nội dung, đúng hình thức và đúng đầu mối theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định nội bộ của Công ty.

2. Chỉ người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền hợp lệ mới được phát ngôn, cung cấp thông tin chính thức liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không được tự ý phát ngôn nhân danh Hội đồng quản trị nếu không được phân công hoặc ủy quyền.

3. Trường hợp phát hiện thông tin sai lệch, thông tin bị rò rỉ hoặc có nguy cơ ảnh hưởng lớn đến quyền lợi hợp pháp của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chỉ đạo xử lý, đính chính, công bố hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát phù hợp theo quy định.

Điều 54. Bảo mật, an toàn dữ liệu và trách nhiệm lưu giữ

1. Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, Tổng Giám đốc, người quản lý và các chủ thể liên quan có trách nhiệm bảo vệ an toàn thông tin, dữ liệu và hồ sơ quản trị; không để mất, hủy hoại, sửa đổi trái phép, truy cập trái phép hoặc lộ lọt thông tin quan trọng của Công ty.

2. Hồ sơ, dữ liệu của Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo đúng thời hạn, đúng chế độ lưu trữ, bảo đảm có bản gốc, bản điện tử hoặc bản sao hợp lệ phục vụ kiểm tra, đối chiếu, giải trình và cung cấp cho chủ thể có thẩm quyền.

3. Hành vi làm thất lạc, tiêu hủy trái phép, làm sai lệch hoặc sử dụng trái phép hồ sơ, dữ liệu của Hội đồng quản trị là vi phạm nghiêm trọng và phải bị xử lý.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 55. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; bảo đảm Hội đồng quản trị hoạt động đúng pháp luật, đúng Điều lệ, đúng Quy chế này, đúng thẩm quyền và đạt hiệu quả quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về chất lượng điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị, chất lượng chuẩn bị chương trình họp, việc duy trì kỷ luật quản trị, việc theo dõi thực hiện nghị quyết và việc xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền.

3. Trường hợp để xảy ra vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động của Hội đồng quản trị do buông lỏng tổ chức thực hiện, che giấu thông tin, không xử lý cảnh báo, không triệu tập họp khi cần thiết hoặc lạm dụng quyền hạn, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm theo quy định.

Điều 56. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham gia đầy đủ, nghiên cứu kỹ tài liệu, phát biểu trung thực, phản biện có căn cứ, biểu quyết độc lập, giám sát tích cực và thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được phân công.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được thụ động, hình thức, né tránh trách nhiệm, biểu quyết theo cảm tính, biểu quyết khi chưa đủ thông tin hoặc dựa vào sự chỉ đạo không hợp lệ từ bên ngoài.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm cá nhân khi vi phạm nghĩa vụ trung thành, cẩn trọng, liêm chính; khi không công khai xung đột lợi ích; khi sử dụng thông tin nội bộ trái phép; khi chấp thuận quyết định trái pháp luật hoặc khi không thực hiện trách nhiệm cảnh báo rủi ro mà mình biết hoặc phải biết.

Điều 57. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, người quản lý và các tập thể, cá nhân liên quan

1. Tổng Giám đốc, người quản lý và các tập thể, cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ nghị quyết, quyết định hợp pháp của Hội đồng quản trị; cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình, hồ sơ, dữ liệu đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn và tổ chức thực hiện các nội dung được giao.

2. Trường hợp không thực hiện, thực hiện chậm, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện sai nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các chủ thể liên quan phải giải trình nguyên nhân và chịu trách nhiệm theo quy định.

3. Trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp thực tiễn, Tổng Giám đốc và các chủ thể liên quan có trách nhiệm báo cáo để Hội đồng quản trị xem xét lại, không được tự ý làm trái hoặc bỏ mặc không thực hiện mà không có báo cáo.

Điều 58. Các hành vi vi phạm trong hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Các hành vi vi phạm bao gồm nhưng không giới hạn ở việc vượt thẩm quyền; không tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; che giấu thông tin; cung cấp thông tin sai lệch; không công khai xung đột lợi ích; lạm dụng chức vụ, quyền hạn; lợi dụng thông tin nội bộ; cản trở giám sát; hợp thức hóa hồ sơ; ra quyết định thiếu căn cứ gây thiệt hại; không chấp hành chế độ báo cáo, giải trình, lưu trữ và bảo mật thông tin.

2. Hành vi vi phạm được xem xét trên cơ sở tính chất, mức độ, hậu quả, động cơ, vai trò của chủ thể vi phạm, khả năng khắc phục hậu quả và mức độ hợp tác trong quá trình xử lý.

Điều 59. Nguyên tắc và hình thức xử lý vi phạm

1. Việc xử lý vi phạm phải kịp thời, khách quan, công bằng, công khai trong nội bộ cần thiết, đúng thẩm quyền và đúng trình tự; bảo đảm không bỏ lọt vi phạm nhưng cũng không suy đoán bất lợi khi chưa có căn cứ.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, chủ thể vi phạm có thể bị nhắc nhở, phê bình, yêu cầu giải trình, yêu cầu khắc phục, cảnh cáo, miễn tham gia quyết định có liên quan, thu hồi ủy quyền, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc bị chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Công ty phải thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi tài sản, giảm thiểu thiệt hại và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, người quản lý và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp với pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc thực tiễn quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm đề xuất Hội đồng quản trị xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng quản trị ban hành. Các quy định trước đây của Công ty về quy trình, chế độ làm việc của Hội đồng quản trị trái với Quy chế này hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Chu Văn Đệ

CÔNG TY CỔ PHẦN X20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **553** /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày **22** tháng **4** năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20
Nhiệm kỳ 2024 - 2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần X20 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần X20 thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT cụ thể như sau:

Theo Điều lệ GATEXCO 20, HĐQT có số lượng thành viên là 07 thành viên. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đồng cổ đông đã bầu 07 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

Ngày 27/06/2025, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Hà Chí Khoa theo nguyện vọng cá nhân của ông Hà Chí Khoa.

Để đảm bảo số lượng, cơ cấu và nâng cao năng lực quản trị, hoạt động của HĐQT, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị bầu bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT cho đủ số lượng là 07 thành viên.

Về ứng cử viên: Theo quy định của Điều lệ Công ty, hiện tại Hội đồng quản trị đã nhận được văn bản của Cơ quan đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20, với tư cách là cổ đông lớn đã chính thức đề cử ông Lê Thiết Hùng - chức vụ: Người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần X20 vào danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội này.

Tài liệu đính kèm: Sơ yếu lý lịch của ông Lê Thiết Hùng

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.H03.



Chu Văn Đệ

Số: **814**/TB-ĐDVNN

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v họp nhóm đại diện cổ đông để ứng cử, đề cử nhân sự
bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029**

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty cổ phần X20.

Căn cứ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần X20 hiện hành;

Căn cứ Thông báo số 586/TB-HĐQT ngày 28/04/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 "V/v ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029";

Chúng tôi, những Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20 trân trọng thông báo đến Quý vị Cổ đông của Công về việc nhóm họp để đề cử, ứng cử như sau:

1. Hồi 09h00 ngày 03/06/2026, tại trụ sở Công ty cổ phần X20, những Người đại diện vốn nhà nước tại Công ty cổ phần X20 chính thức tổ chức cuộc họp để thống nhất việc ứng cử, đề cử nhân sự bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Thành phần dự họp có 04/04 Người đại diện vốn nhà nước. (thông tin chi tiết có biên bản cuộc họp đính kèm theo Thông báo này).

2. Chúng tôi chính thức thống nhất đề cử nhân sự, giới thiệu để ĐHCĐ xem xét, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029.

Nội dung chi tiết có Đơn ứng cử/Đề cử kèm theo Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua Công ty để CBTT);
- HĐQT Công ty cổ phần X20;
- Lưu: ĐDVNN. N08.

**TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHỤ TRÁCH CHUNG**



Chu Văn Đệ

Đính kèm theo Thông báo này:

- Đơn ứng cử/đề cử;
- Biên bản họp nhóm
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

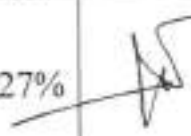
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

Hợp nhóm đại diện Cổ đông đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT
của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần X20 hiện hành;

Hồi 09^h00, ngày 03 tháng 06 năm 2026 tại Công ty Cổ phần X20, chúng tôi
là những Người đại diện vốn nhà nước - Cổ đông của Công ty cổ phần X20, gồm:

TT	Họ và tên cổ đông	Số chứng thực cá nhân của cổ đông; ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần đại diện		Chữ ký (Ký, ghi rõ họ và tên)
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)	
1	Chu Văn Đệ	162627715 do CA tỉnh Nam Định cấp ngày 18/11/2013	5.567.040	32,27%	
2	Hoàng Sỹ Tâm	038070000094 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021	3.092.800	17,93%	
3	Lê Văn Nghĩa	038083077856 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/09/2022	1.855.675	10,76%	
4	Lê Thiết Hùng	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	1.855.675	10,76%	

Đã nhóm họp công khai, tự nguyện theo đúng quy định. Chúng tôi thống
nhất đề cử 01 (một) người có tên sau đây để bầu bổ sung Thành viên HĐQT Công
ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029:

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Đề cử bầu vào HĐQT
1	Lê Thiết Hùng	20/09/1980	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	X

2. Thống nhất cử Ông Chu Văn Đệ làm đại diện để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Thông báo của Công ty cổ phần X20 liên quan đến nội dung ứng cử, đề cử ứng viên bầu vào HĐQT.

3. Chúng tôi cam đoan:

- Ứng viên được chúng tôi đề cử có đủ tiêu chuẩn để bầu vào HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

- Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản này và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))



Chu Văn Đệ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2026

**Ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty cổ phần X20
nhiệm kỳ 2024-2029**

1. Chúng tôi là những Người đại diện vốn nhà nước - Cổ đông của Công ty cổ phần X20, hiện đang nắm giữ 12.371.191 cổ phần, chiếm 71,72 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần X20, gồm:

TT	Họ và tên	Số chứng thực cá nhân của cổ đông; ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần đại diện
1	Chu Văn Đệ	162627715 do CA tỉnh Nam Định cấp ngày 18/11/2013	5.567.040
2	Hoàng Sỹ Tâm	038070000094 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021	3.092.800
3	Lê Thiết Hùng	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	1.855.675
4	Lê Văn Nghĩa	038083077856 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 18/09/2022	1.855.675

2. Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử những 01 (một) người có tên sau đây để bầu bổ sung vào HĐQT của Công ty cổ phần X20 nhiệm kỳ 2024-2029:

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Số chứng thực cá nhân, ngày cấp, nơi cấp	Đề cử bầu vào HĐQT
1	Lê Thiết Hùng	20/09/1980	001080033463 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021	X

Chúng tôi cam đoan những người có tên trên có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cổ phần X20.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo./.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Bản sao hợp lệ giấy tờ tùy thân và văn bằng, chứng chỉ của ứng viên;
- Biên bản họp nhóm Cổ đông.

CÓ ĐÔNG/NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chu Văn Đệ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dành cho người ứng cử/đề cử bầu làm
thành viên HĐQT/thành viên BKS)

- Họ và tên (chữ in hoa): **LÊ THIẾT HÙNG** Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/9/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001080033463 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; cấp ngày: 25/04/2021.
- Địa chỉ thường trú: Số 1, N3, TTQĐ, HVCTQS, Phú Thượng, TP Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Số 7, Ngõ 110, Nguyễn Hoàng Tôn, Phú Thượng, TP Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0376439381. Email: Không.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần X20
- Số cổ phần nắm giữ tại GATEXCO 20: 1.855.675 cổ phần.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ, đơn vị công tác
09/1998-09/2002	Sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
01/2003-05/2005	Trợ lý kế hoạch sản xuất, Xí nghiệp 1/Công ty 20/TCHC
05/2005-05/2020	Trợ lý Phòng Kinh tế, Ban Kinh tế, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng
05/2020-01/2025	Trợ lý Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng
01/2025-04/2026	Trợ lý Phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng
04/2026-Nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần X20

- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các đơn vị, tổ chức khác: Không.

Tên đơn vị, tổ chức	Địa chỉ	Giấy CND/KKD	Ngày cấp/ Nơi cấp	Chức vụ	Tỷ lệ góp vốn

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Lợi ích có liên quan với Công ty và các bên có liên quan với Công ty cổ phần X20: Không.
- Cam kết:

- Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty cổ phần X20 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ và tên)


Lê Thiết Hùng

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

Đại học Kinh tế Quốc dân

**BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC**



loại hình đào tạo..... CHÍNH QUY
ngành..... *Quản trị kinh doanh*
hạng..... *T.B. khá*..... năm tốt nghiệp..... *2002*

CHUNG THỰC CÔNG CHỨNG THU ĐỒ
CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY SỐ *08* THÁNG *03* NĂM *2015*

Số chứng từ..... Duyệt số..... cho.....

Số hiệu bằng

B..... *366372*

Lưu nhân kinh tế

Lê Thiết Hùng

sinh ngày *20/9/1980* tại *Hà Nội*

Hà Nội ngày *24* tháng *06* năm *2002*

Chữ ký của người được cấp bằng



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Bích Thảo

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



Nguyễn Đình Trường

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY
confers

THE DEGREE OF MASTER
BUSINESS ADMINISTRATION

Upon: Mr. *Le Thiet Hung*

Born on: September 20, 1980

Given under the seal of
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

Reference number: K25-156-QTKD TH

No: 002/50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
cấp

BẰNG THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Cho: Ông *Lê Thiêt Hùng*

Sinh ngày: 20 tháng 09 năm 1980

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 002/50
Ngày: 03-09-2018

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC
Kính thưa quý vị, xin và cảm ơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
GS.TS. Trần Thọ Đạt



NGƯỜI CHỨNG VIÊN
Lê Thị Ngọc Anh
Số vào sổ cấp bằng: K25-156-QTKD TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG THẠC SĨ